



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM



Báo cáo thường niên
2006

- Tên gọi
- Tên giao dịch quốc tế: **NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**
BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM
- Tên gọi tắt: **BIDV**
- Địa chỉ: **Tháp A, VINCOM CITY TOWERS, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.**

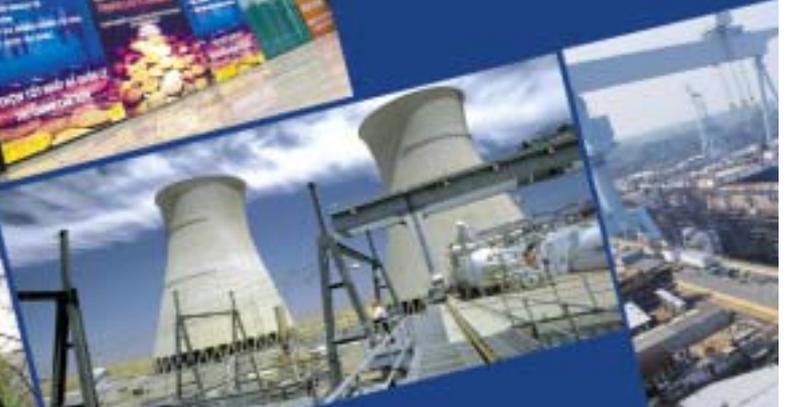
- Điện thoại:
- Fax:
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số
- SWIFT/BIC
- Telex
- Website:
- Mã số thuế
- Xếp hạng
- Kiểm toán

0106000439
 BIDVVNVX
 41220 VIDB-VT
 www.bidv.com.vn
 01001506191

Moody's Investor Services Ltd.: Ba1/Ba2

- PriceWaterhouseCoopers (từ 1996 - 2001)
- Ernst and Young (từ 2002 - 2006)

ngân hàng
Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chia sẻ cơ hội - Hợp tác thành công



Nội dung



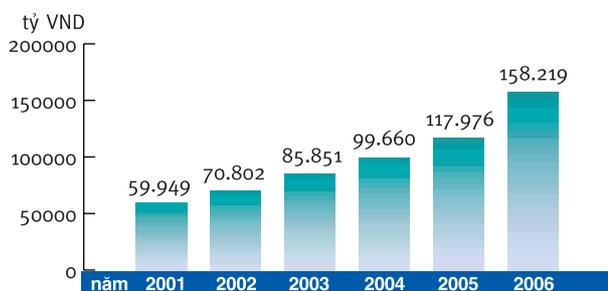
- 2 Thông tin Ngân hàng
- 4 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 2001 - 2006
- 5 Thông điệp của BIDV
- 8 Thư của Chủ tịch HĐQT
- 11 Tổng quan kinh tế Việt Nam 2006
- 16 Lịch sử hình thành và phát triển của BIDV
- 17 Những sự kiện tiêu biểu năm 2006
- 22 Giới thiệu Ban lãnh đạo: HĐQT và Ban TGD
- 27 Mô hình tổ chức
- 28 Sơ đồ tổ chức Hội sở chính
- 31 Các hoạt động chính năm 2006
- 40 Tăng cường năng lực thể chế chuẩn bị cổ phần hoá, hội nhập và phát triển bền vững

- 41 *Tăng cường năng lực tài chính một cách toàn diện*
- 48 *Hoàn thiện mô hình tổ chức*
- 50 *Củng cố mạng lưới hoạt động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*
- 52 *Phát huy kết quả dự án hiện đại hóa, nâng tầm công nghệ*
- 55 *Dịch vụ ngày càng trở thành một lĩnh vực kinh doanh thế mạnh*

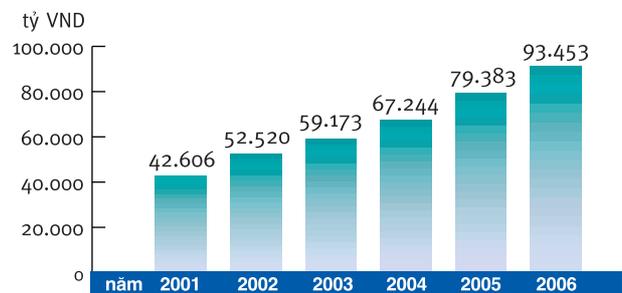
- 61 Lộ trình hội nhập hậu WTO
- 64 Mục tiêu 2007-2010 và kế hoạch cổ phần hoá
- 67 Hoạt động xã hội và cộng đồng
- 69 Hoạt động của các đơn vị thành viên
- 82 - Thu kiểm toán
- 82 - Báo cáo tài chính và chú dẫn
- 109 Địa chỉ liên lạc

Các số liệu tài chính chủ yếu giai đoạn 2001 - 2006 (*)

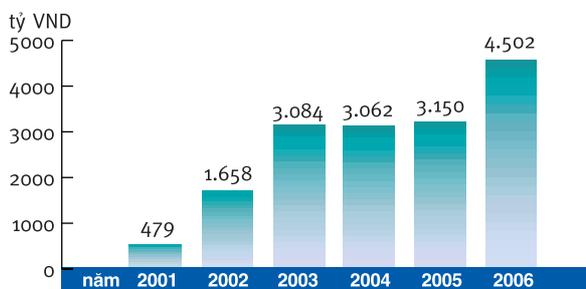
Tổng tài sản



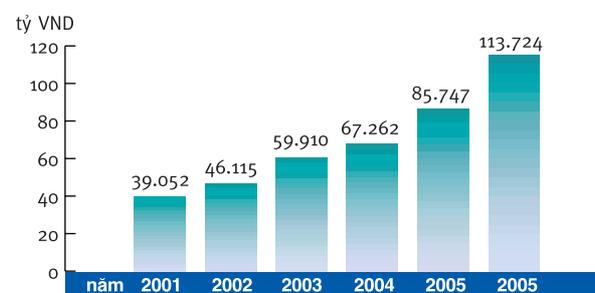
Cho vay và ứng trước khách hàng (ròng)



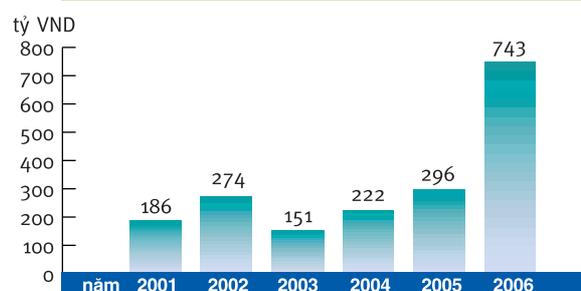
Nguồn vốn chủ sở hữu



Tiền gửi và các khoản phải trả khách hàng



Lợi nhuận trước thuế



(*): Theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế - IFRS

Thông điệp của BIDV



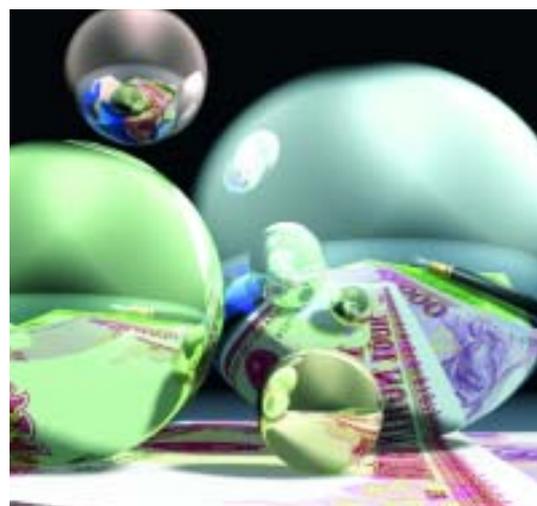
Năm 2006, nền kinh tế đất nước tiếp tục phát triển ổn định, vững chắc và hội nhập toàn diện với nền kinh tế thế giới với điểm mốc là tháng 11/2006 Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới; Thu hút đầu tư nước ngoài, kim ngạch xuất khẩu đạt mức cao kỷ lục và tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh APEC lần thứ 14, nâng cao tầm vóc và hình ảnh của Việt Nam trong con mắt của bạn bè quốc tế và nhà đầu tư.

Năm 2006 cũng là năm đầu tiên BIDV triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược 5 năm 2006 - 2010 tầm nhìn đến 2015 sau khi đã kết thúc thắng lợi kế hoạch 5 năm gắn với đề án cơ cấu lại giai đoạn 2001-2005, toàn hệ thống hoàn thành toàn diện, vượt trội kế hoạch kinh doanh, vừa đảm bảo mục tiêu tăng trưởng gắn với chất lượng, an toàn, hiệu quả vừa thực hiện lộ trình chuẩn bị cho cổ phần hóa bắt đầu từ năm 2007, những kết quả nổi bật trong hoạt động của BIDV năm 2006 là:

■ **Thứ nhất, hoàn thành vượt mức, toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh** năm 2006 cả về số lượng và chất lượng, lần đầu tiên, tổng tài sản vượt ngưỡng 10 tỷ USD, đạt 158.219 tỷ VND, tăng 34,11%, huy động

vốn (bao gồm phát hành trái phiếu tăng vốn) đạt mức tăng trưởng 34,29% với số dư đạt 116.862 tỷ VND, tăng trưởng tín dụng ròng đạt 17,72%, dư nợ ròng đạt 93.453 tỷ VND, thu dịch vụ ròng đạt mức tăng trưởng gần 70% so với năm 2005, các chỉ số phản ánh hiệu quả hoạt động tiệm cận với chuẩn mực (ROA: 0,44%, ROE: 16,03%); tỷ lệ nợ xấu theo điều 6/QĐ 493 ở mức 3,2%, tỷ lệ nợ xấu theo điều 7/QĐ 493 là 9,6%; tỷ lệ nợ quá hạn được duy trì ở mức 1,1%.

■ **Thứ hai, nỗ lực nâng cao năng lực tài chính và thực hiện minh bạch, công khai hoạt động kinh doanh:** Lần đầu tiên, hệ số an toàn vốn đạt 5,9%; phát hành thành công 3.250 tỷ VND trái phiếu tăng vốn và thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần nâng tổng vốn tự có lên mức 10.838 tỷ VND. Quyết liệt thực hiện công tác xử lý nợ xấu, đưa mức nợ xấu xuống 9,6% theo chuẩn mực quốc tế. Chủ động đánh giá và



xếp hạng tín nhiệm theo tiêu chuẩn quốc tế với kết quả xếp hạng đạt mức trần xếp hạng quốc gia và là ngân hàng thương mại nhà nước đầu tiên triển khai thực hiện xếp hạng tín dụng theo Điều 7 Quyết định 493 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

■ **Thứ ba, phát triển mạnh mẽ và nâng tầm quan hệ hợp tác đầu tư với các đối tác chiến lược tại thị trường trong nước và quốc tế**, mà nổi bật là thành lập Công ty liên doanh quản lý quỹ, Ngân hàng liên doanh Việt Nga, hợp tác với ngân hàng xuất khẩu Séc (CEB) để thực hiện đồng tài trợ các dự án kinh tế lớn, tham gia trực tiếp đầu tư vào các dự án trọng điểm trong lĩnh vực năng lượng, hạ tầng kỹ thuật, cảng biển, khu công nghiệp và trở thành cổ đông sáng lập của một số tập đoàn kinh tế quan trọng, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế đất nước và nâng cao vị thế, uy tín, hình ảnh của BIDV. Đồng thời, việc mở rộng quan hệ đối ngoại với các định chế tài chính, các tổ chức quốc tế lớn như WB, EIB, NIB cũng được đánh giá cao.

■ **Thứ tư, sử dụng có hiệu quả nền tảng công nghệ thông tin hiện đại trong ứng dụng và phát triển sản phẩm**: Tiếp tục tăng cường đầu tư công nghệ, mở rộng mạng

lưới, thực hiện kết nối thành công với tổ chức thẻ Visa, là đại lý chính thức của Western Union, phát triển hệ thống ATM, POS và triển khai nhiều sản phẩm mới trong huy động vốn, thẻ, thanh toán... tăng cường khả năng chăm sóc và phục vụ khách hàng trọn gói khép kín, tạo bước phát triển bứt phá về số lượng và chất lượng hoạt động dịch vụ của toàn hệ thống đạt tốc độ phát triển cao về kinh doanh dịch vụ so với các năm trước đây, đã kết nối thanh toán thẻ Banknet giữa BIDV, Ngân hàng Công thương, Ngân hàng Sài Gòn thương tín và tiến tới với các ngân hàng khác. Đặc biệt BIDV đã được lựa chọn và đã thực hiện thành công với vai trò là nhà cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng cho các hoạt động của Hội nghị APEC 14 được tổ chức tại Việt Nam.

■ **Thứ năm, tiếp tục mở rộng mạng lưới kinh doanh, kênh phân phối theo đúng định hướng phát triển**: Thực hiện thành công việc sắp xếp lại các chi nhánh cấp 2 theo Quyết định 888/QĐ của Thống đốc NHNN, đảm bảo ổn định tu tưởng cán bộ, hoạt động kinh doanh thông suốt, nâng tổng số chi nhánh cấp I của BIDV lên 103 chi nhánh cùng hàng ngàn Phòng, điểm giao dịch truyền thống và phi truyền thống trên cả nước.

■ **Thứ sáu, chuẩn bị những điều kiện cần thiết để cổ phần hóa BIDV:** Được Chính phủ chấp thuận chủ trương cho phép cổ phần hóa, BIDV đã chủ động xây dựng đề án, xác định lộ trình, kế hoạch và phân công chỉ đạo triển khai các nội dung công việc có liên quan. Đồng thời, cùng với việc học tập kinh nghiệm cổ phần hóa tại một số nước, BIDV đã làm việc với các tổ chức tư vấn quốc tế có uy tín và kinh nghiệm để trao đổi, tham khảo ý kiến nhằm xây dựng một đề án tối ưu và lựa chọn đơn vị tư vấn trong quá trình cổ phần hóa.

■ **Thứ bảy, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác quản trị, điều hành hướng tới các chuẩn mực quốc tế.** Lần đầu tiên BIDV đã xác định được tầm nhìn chiến lược dài hạn với việc ban hành chiến lược kinh doanh đến 2010 và tầm nhìn 2015, trong đó xác định mục tiêu phát triển một BIDV thành ngân hàng đa sở hữu, kinh doanh đa lĩnh vực, hoạt động theo thông lệ quốc tế, chất lượng ngang tầm các ngân hàng tiên tiến trong khu vực; Các công cụ điều hành không ngừng hoàn thiện và sử dụng có hiệu quả; Các biện pháp chỉ đạo được thực hiện quyết liệt đặc biệt trong quản lý tín dụng, xử lý nợ xấu và hoạt động kiểm tra giám sát.

Năm 2007, năm đánh dấu chặng đường 50 năm xây dựng và phát triển của hệ thống BIDV, đồng thời cũng là năm BIDV thực hiện lộ trình cổ phần hóa, chuyển đổi hoạt động sang mô hình ngân hàng thương mại cổ phần. Đây là xu hướng vận động tất yếu của các doanh nghiệp nói chung và ngân hàng nói riêng thể hiện cam kết tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện hơn và triệt để hơn của toàn hệ thống BIDV với mục tiêu nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ, hướng tới một mô hình ngân hàng hiện đại với sự

tham gia của các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước.

Sau khi thực hiện cổ phần hoá, BIDV sẽ tiếp tục thực hiện những mục tiêu đã được xác định trong kế hoạch chiến lược, đồng thời kết hợp sức mạnh của các cổ đông chiến lược để có những bước phát triển đột phá, mở rộng mạng lưới hoạt động trong và ngoài nước, đa dạng hoá, nâng cao chất



lượng sản phẩm, dịch vụ, phục vụ ngày càng có hiệu quả cho mục tiêu phát triển kinh tế đất nước và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, bạn hàng.

Chúng tôi mong muốn và tin tưởng rằng, với định hướng phát triển và những bước đi, lộ trình đúng đắn, với sự Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và sâu sát của Chính phủ, NHNN và sự quan tâm, hợp tác và ủng hộ của các khách hàng, bạn hàng và các đối tác, hoạt động của BIDV trong thời gian tới sẽ tiếp tục có những bước phát triển mới, đồng thời ngày càng khẳng định và nâng cao uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.



Thư của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

2006 - năm đầy ắp thành công và sự kiện đối với Việt Nam. Từ thành công rực rỡ của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X - Đại hội Diên Hồng của ý chí, đổi mới và nghị lực, tiếp tục mở ra và hoạch định các quyết sách chiến lược quan trọng trên chặng đường phát triển kế tiếp đến 2010 của toàn dân tộc - đến sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới và thành công của năm APEC Việt Nam 2006, đã không chỉ đem lại uy tín chính trị, tiếng vang lớn cho dân tộc ta trong lòng bè bạn quốc tế mà còn mở ra nhiều cơ hội hợp tác và động lực phát triển mạnh mẽ. Hoà trong niềm vui chung có những niềm vui, hạnh phúc riêng của hơn một vạn người lao động Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BIDV), đã không ngừng miệt mài đổi mới, quyết tâm, sáng tạo, với tâm thế mạnh mẽ, quyết liệt, để hoạt động ngày càng hiệu quả mà vững chắc.

■ Nhìn lại kết quả kinh doanh 2006...

Năm 2006 là năm BIDV tiếp tục đổi mới toàn diện và thực hiện cải cách sâu sắc. Đây cũng là năm BIDV đạt được nhiều thành công nhất từ trước đến nay, với kết quả hoàn thành đồng bộ, toàn diện, vượt mức kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT thông qua. Cùng với những cải cách, đổi mới quan trọng, BIDV đã có nhiều bước đi táo bạo, đột phá để đem về sự tăng trưởng mạnh và liên tục trong nhiều mặt hoạt động như: vốn chủ sở hữu, tổng tài sản, dư nợ tín dụng, nguồn vốn huy động và mạng lưới kênh phân phối, qua đó, vươn lên vị trí thứ 2 trên thị trường về thị phần tín dụng, huy động vốn. Đặc biệt, BIDV đã tiếp tục cải thiện hiệu quả kinh doanh và hiệu suất sinh lời, với tổng lợi nhuận trước thuế đạt 743 tỷ VND. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu đạt 16,03%. Bên cạnh đó, BIDV còn là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên thu tổ chức định hạng tín nhiệm uy tín quốc tế Moody's thực hiện xếp hạng tín nhiệm với kết quả đạt trên tín nhiệm quốc gia. Và cũng là Ngân hàng đầu tiên niêm yết trái phiếu (tăng vốn) dài hạn theo chuẩn quốc tế trên thị trường chứng khoán Việt Nam, là Ngân hàng đầu tiên triển khai phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Điều 7 Quyết định số 493/2005/QĐ - NHNN - một

bước tiến đột phá quan trọng, tạo thêm nền tảng vững chắc cho hoạt động quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế..

■ **Kế hoạch chiến lược 2006 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2015 - bước khởi đầu quan trọng trong giai đoạn phát triển mới**

Đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hậu WTO, trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2001 - 2005 với những thành công quan trọng, BIDV đã xây dựng thành công kế hoạch chiến lược 2006 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2015 dưới sự giúp đỡ của tư vấn quốc tế. Đây là lần đầu tiên việc hoạch định kế hoạch chiến lược được BIDV xây dựng công phu, bài bản và khoa học, trong đó phân tích đầy đủ về môi trường kinh tế - chính trị - xã hội, nhận diện sâu sắc các đối thủ cạnh tranh, các cơ hội, thách thức, điểm mạnh và điểm yếu nội tại để đề ra quyết sách, chiến lược, với tầm nhìn đến 2015 trở thành Ngân hàng chất lượng - uy tín hàng đầu Việt Nam. Đặc biệt, Hội đồng Quản trị đã xác định rõ 10 mục tiêu lớn mà Ban điều hành cần ưu tiên thực hiện để hướng tới mục đích, tôn chỉ xây dựng Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam thành Ngân hàng đa sở hữu, kinh doanh đa lĩnh vực, hoạt động theo thông lệ quốc tế, chất lượng ngang tầm các ngân hàng tiên tiến trong Khu vực Đông Nam Á. Cùng với kế hoạch chiến lược này, bước sang 2007, BIDV sẽ tích cực triển khai cơ cấu lại một lần nữa mô hình tổ chức từ Hội sở chính đến các Chi nhánh trên cơ sở kết quả mô hình tổ chức đã triển khai từ Dự án Hỗ trợ kỹ thuật 1 (TA1) và các khuyến nghị mới nhất của tư vấn quốc tế trong Dự án TA2 nhằm đảm bảo xây dựng một mô hình quản trị ngân hàng hiện đại, tuân theo các thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị ngân hàng, với việc hình thành nên ba trụ cột: ngân hàng - bảo hiểm - đầu

tu tài chính. Đồng thời, xác định công nghệ thông tin là một trong những công cụ quan trọng bậc nhất của chiến lược phát triển, chìa khoá để tạo ra thành công và sự khác biệt, nên BIDV sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho lĩnh vực này, mà trọng tâm là đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng và bảo mật an ninh mạng, định kỳ nâng cấp hệ thống công nghệ ngân hàng cốt lõi hiện tại, đẩy mạnh phát triển các ứng dụng công nghệ để tạo thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ mới tiện ích, phù hợp và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, bảo đảm mọi giao dịch luôn thông suốt, kịp thời, với độ bảo mật cao để khách hàng hoàn toàn yên tâm và tin tưởng về hệ thống cung ứng dịch vụ mà BIDV đang cung cấp.

■ **Truyền thông và đổi mới**

Đi đôi với mục tiêu tiếp tục theo đuổi để chớp lấy các cơ hội kinh doanh, trong năm 2007, BIDV sẽ tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập. Đây là dịp để BIDV gửi lời cảm ơn chân thành đến Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, các định chế tài chính quốc tế và đặc biệt là các đối tác, bạn hàng đã luôn đồng hành, tin tưởng và sẻ chia cùng BIDV trên mỗi bước đường phát triển trong suốt 50 năm qua. Đồng thời, BIDV cam kết sẽ tiếp tục công khai, minh bạch và đổi mới mạnh mẽ - những nhân tố động lực giúp BIDV tạo nên dấu ấn và thương hiệu của mình trên thị trường. BIDV cũng sẽ luôn thực hiện cải tiến hoạt động trong chặng đường phát triển tới đây theo hướng áp dụng các thông lệ, chuẩn mực và tập quán thực hành quản trị quốc tế tốt nhất, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, nhất là việc tuân thủ chế độ tài chính và công bố thông tin để duy trì và củng cố niềm tin của đối tác, bạn hàng và toàn xã hội, cũng như các cổ đông trong một tương lai không xa.

■ **Kế hoạch cổ phần hoá và hội nhập kinh tế quốc tế hậu WTO**

Sau sự kiện Việt Nam gia nhập WTO, ngành Ngân hàng chúng ta đang bước

(2008 - 2010) và cạnh tranh (2010 - 2015). Những nội dung này sẽ được BIDV công bố công khai vào những thời điểm thích hợp.



vào giai đoạn phát triển mới, với nhiều chuyển biến trong hoạt động của các ngân hàng thương mại. Cùng với VCB, MHB, BIDV cũng đang tích cực triển khai kế hoạch cổ phần hoá để phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Mặt khác, nhận thức rõ gia nhập WTO, các Ngân hàng trong nước và các Ngân hàng nước ngoài sẽ được đối xử như nhau, cạnh tranh ngày càng gia tăng, điểm yếu chậm được phát hiện, vấn đề chậm được khắc phục, cơ hội chậm được đón bắt, lợi thế chậm được phát huy sẽ phải trả giá bằng việc mất khách hàng, mất thị phần, mất doanh thu, mất thu nhập. Vì vậy, BIDV đã chủ động xây dựng cho mình một chương trình hành động cụ thể để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế thành công, với 05 nhiệm vụ trọng tâm và một lộ trình thực hiện cụ thể gồm ba giai đoạn: xây dựng (2007 - 2008), phát triển

Với nền tảng văn hoá doanh nghiệp vững chắc được hình thành qua nửa thế kỷ phát triển, dựa trên ba thành tố: tập trung cho khách hàng/đối tác, làm việc theo nhóm và duy trì, phát huy chữ tín, thương hiệu BIDV, chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng BIDV sẽ tiếp tục tạo ra những giá trị bền vững cho đối tác, khách hàng của mình và đặc biệt cho tất cả các cổ đông trong tương lai.

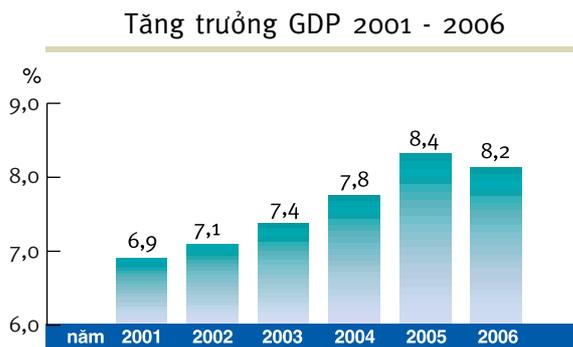
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

VÕ QUỐC SÁU

Tổng quan kinh tế Việt Nam 2006

■ Tăng trưởng kinh tế tiếp tục ổn định ở mức cao

Năm 2006 kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng cao, đạt 8,2% - đây là mức tăng trưởng ổn định so với 8,4% của năm trước và vượt mức so với kế hoạch 8%, lạm phát được duy trì ở mức dưới 8%. Mức tăng trưởng kinh tế này đã giúp GDP bình quân đầu người đạt trên 11,5 triệu VND, tương đương 720 USD cho dù tiếp tục phải đối mặt những thách thức trong năm như giá cả biến động bất thường (nhất là giá cả xăng dầu), thiên tai gây tổn thất nặng nề ở miền Trung và Nam Bộ vào nửa cuối năm.



Trong đó năm 2006, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: GDP khu vực dịch vụ tăng 8,3%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,5%. Sự tăng trưởng của hai khu vực công nghiệp và dịch vụ đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân theo chiều hướng tăng nhanh tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ; duy trì cơ cấu nông nghiệp ở mức hợp lý đạt mức tăng trưởng 3,5% - mức này thấp hơn so với mức 4% của năm 2005 và 4,9% của 2004. Tuy nhiên nền kinh tế đã ghi nhận việc nâng cao sản lượng, chất lượng và chuyên canh theo hướng xuất khẩu trong lĩnh vực nông nghiệp.

| Chỉ tiêu | 2004 | 2005 | 2006 |
|--|-----------|-----------|-----------|
| Tốc độ tăng trưởng GDP | 7,7% | 8,4% | 8,2% |
| Tốc độ tăng giá trị các ngành dịch vụ | 8% | 8,5% | 8,3% |
| Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp | 4,9% | 4% | 3,5% |
| Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp | 15,6% | 10,6% | 10,5% |
| Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu | 31,4% | 21,6% | 24% |
| Số lượt khách quốc tế | 2,9 triệu | 3,4 triệu | 3,6 triệu |

(Nguồn: Báo cáo của Chính Phủ)

Bên cạnh đó, tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2006 đạt trên 390 nghìn tỷ đồng đưa tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP đạt 40%, tăng 19,8% so với thực hiện năm 2005. Đây là mức cao nhất trong nhiều năm qua, trong đó nguồn vốn của doanh nghiệp dân doanh chiếm gần một phần ba; đây là một cố gắng rất lớn trong việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển và là yếu tố rất quyết định cho tăng trưởng GDP.



■ Kinh tế đối ngoại đạt được nhiều thành tích vượt trội

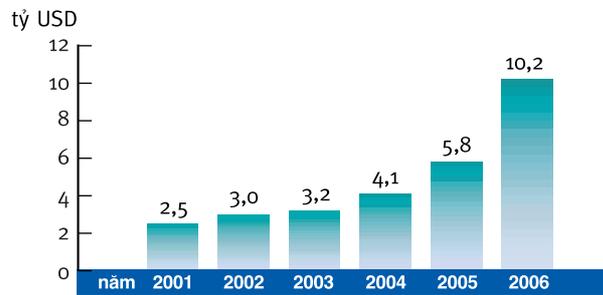
Năm 2006 là một năm thành công của hoạt động kinh tế đối ngoại Việt Nam. Việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) ngày 7.11.2006 đánh dấu một bước tiến lớn của Việt Nam trong quá trình hội nhập. Sự kiện này là thành quả của 11 năm đàm phán tích cực và thiện chí, đồng thời là minh chứng rõ ràng cho nỗ lực hội nhập của Việt Nam. Bên cạnh đó, việc Mỹ đã thông qua Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) với Việt Nam cũng chứng tỏ những cải thiện trong bản thân môi trường kinh doanh của Việt Nam cũng như quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong năm qua, các hoạt động đối ngoại chủ động của Việt Nam đã hỗ trợ thiết thực và hiệu quả cho phát triển kinh tế và công

tác hội nhập kinh tế quốc tế. Là nước chủ nhà tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn hợp tác Châu Á - Thái Bình Dương APEC 2006, Việt Nam đã thu hút được sự chú ý của dư luận quốc tế. Sự có mặt của lãnh đạo cấp cao 21 nền kinh tế thành viên cùng hàng nghìn doanh nhân hàng đầu thế giới đã dự báo một luồng đầu tư và thương mại lớn giành cho Việt Nam trong thời gian tới. Các nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết các hiệp định song phương, đa phương đã ký cùng với những thay đổi theo chiều hướng tích cực của môi trường trong nước là các điều kiện đảm bảo sự thành công và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, hướng tới Một cộng đồng năng động vì phát triển bền vững và thịnh vượng. Những kết quả cụ thể của kinh tế đối ngoại được thể hiện trên các mặt:

- **Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài** tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Năm 2006, Việt Nam vẫn duy trì được vị thế là địa điểm hấp dẫn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký dự tính đạt 10,2 tỷ USD đạt kỷ lục kể từ khi Luật Đầu tư được ban hành vào năm 1987 và vượt 57% so với kế hoạch đề ra là 6,5 tỷ USD cho năm 2006. So với vốn FDI năm 2005, mức tăng trưởng năm 2006 đạt 75,8%. Trong tổng số 10,2 tỷ USD vốn FDI, vốn cấp mới là trên 7 tỷ USD, còn lại là vốn bổ sung mở rộng dự án sản xuất kinh doanh. Quy mô vốn đầu tư trung bình cho một dự án cũng tăng lên đạt 8,4 triệu USD/dự án. Trong đó có một số dự án có số vốn lớn đáng chú ý như Công ty thép Posco vốn đầu tư đăng ký 1,126 tỷ USD, Tập đoàn Intel đăng ký đầu tư dự án 1 tỷ USD, Tycoons Steel đầu tư xây dựng nhà máy cán thép 556 triệu USD.

Tình hình đưa vốn vào thực hiện cũng có tốc độ tăng khá nhanh. Cụ thể, vốn thực hiện năm 2006 ước đạt 4,1 tỷ USD tăng 10,8% so với kế hoạch ban đầu và tăng 24,2% so với năm 2005. Điều đáng chú ý là hầu hết các dự án lớn được cấp phép triển khai rất nhanh, nhất là các dự án trọng điểm mang ý nghĩa kinh tế cao.

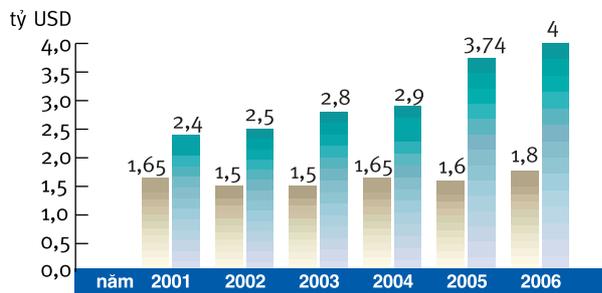
Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI các năm



Cùng với việc tăng trưởng mạnh mẽ của FDI, vốn tài trợ chính thức phát triển (ODA) cũng đạt được mức đáng ghi nhận, khoảng gần 4 tỷ USD cam kết cho Việt Nam được ký kết, mức cao nhất kể từ 1993 đến nay và tăng 20 % so với năm 2005. Trong tổng vốn ODA, vốn vay đạt 2,543 tỷ USD và vốn viện trợ không hoàn lại 522,4 triệu USD. Điều đó thể hiện sự ủng hộ của các nhà tài trợ với định hướng và cam kết phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2006-2010 của Chính phủ Việt Nam, tiếp tục khẳng định Việt

Nam là điểm đến đầu tư an toàn, hấp dẫn. Năm 2006 cũng là năm thứ hai liên tiếp, Việt Nam có được mức độ giải ngân vượt kế hoạch đề ra, đạt 1,8 tỷ USD so với mức kế hoạch là 1,75 tỷ USD.

Vốn ODA cam kết giải ngân 2001 - 2006

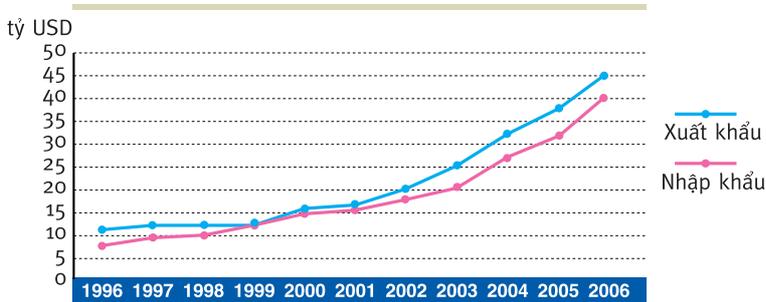


Cùng với hoạt động đầu tư, **hoạt động xuất nhập khẩu** cũng ghi nhận nhiều kết quả đáng khích lệ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá trong năm đạt 85 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt

xấp xỉ 40 tỷ USD (tăng 23% so với năm ngoái) và nhập khẩu đạt 45 tỷ USD (tăng 21% so với năm 2005). Do tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu trong năm cao hơn nhập khẩu nên tỷ lệ nhập siêu năm 2006 chỉ là 12,8%, thấp nhất từ trước đến nay.

Đạt được kim ngạch cao trong xuất khẩu là do khối lượng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều tăng so với 2005. Cụ thể, than đá (tăng 67,8%); dệt may (tăng 25,2%), da giày (tăng 19,3%), sản phẩm gỗ (tăng 26,8%), hàng điện tử máy tính (tăng 22,8%), thủy sản (tăng 24,7%); riêng dầu thô có giảm 7,7% về lượng nhưng tăng 15,2% về kim ngạch do giá tăng 25%. Tăng trưởng các nhóm mặt hàng cũng phản ánh tính tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, hiện đã có 9 nhóm mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD với 2 mặt hàng mới là cà phê và cao su. Nhìn chung, nhóm các mặt hàng công nghiệp đều tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm 2005. Nếu không tính kim ngạch xuất khẩu dầu thô vào tổng kim ngạch xuất

Biểu đồ tăng trưởng xuất nhập khẩu 1996 - 2006



khẩu của cả nước, tăng trưởng xuất khẩu của các mặt hàng còn lại là 26,3%, cao hơn tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chung của cả nước (24%). Điều này thể hiện việc giảm bớt sự phụ thuộc của tăng trưởng xuất khẩu vào xuất khẩu dầu thô như hai năm 2004 và

2005, đồng thời thể hiện xu hướng tăng các mặt hàng chế biến, giảm tỷ trọng các sản phẩm thô. Đáng chú ý là chất lượng hàng xuất khẩu từng bước được nâng lên, năng lực cạnh tranh được cải thiện.

■ Thị trường Tài chính - Ngân hàng tiếp tục là điểm sáng

Với những nỗ lực của hệ thống ngân hàng trong thời gian qua, chất lượng các dịch vụ, tiện ích ngân hàng đã có bước cải thiện đáng kể, hoạt động thanh toán qua ngân hàng cũng phát triển mạnh. Hệ thống ngân hàng đã có bước đột phá nhờ triển khai thành công hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng và tham gia mạng thanh toán quốc tế. Tỷ trọng thanh toán bằng tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán giảm, số lượng tài khoản cá nhân trong hệ thống ngân hàng tăng khá nhanh (đến cuối năm 2004 tăng gần 10 lần so với năm 2000, năm 2005 đã đạt 5 triệu tài khoản với số dư khoảng 20.000 tỷ VND) và dự kiến năm 2006 đạt khoảng 8 triệu tài khoản. Hệ thống ATM cũng tăng trưởng mạnh mẽ đáp ứng nhu cầu thanh toán phi tiền mặt: đến cuối 2006 toàn hệ thống có trên 3.500 máy so với 200 máy của năm 2002.

Bên cạnh đó, **thị trường vốn và chứng khoán tiếp tục có những tăng trưởng tích cực:** Huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ trong năm 2006 ước đạt 64.000 tỷ VND; trong đó: huy động cho ngân sách nhà nước 33.000 tỷ VND, cho các công trình giao thông thủy lợi 15.500 tỷ VND, cho đầu tư phát triển 15.500 tỷ VND. Dư nợ trái phiếu Chính phủ đến cuối năm 2006 là khoảng gần 10,5% GDP. Thị trường chứng khoán liên tục có các bước phát triển nhảy vọt, ấn tượng nhất là vào những ngày hạ tuần của tháng 12 năm 2006, chỉ số VN-Index đã phá vỡ mốc 1.000 điểm. Với diễn biến như vậy, tổng mức vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam (kể cả giao dịch OTC) tăng vọt từ 1% GDP (vào cuối năm 2005) lên mức 15%, đạt xấp xỉ 10 tỷ USD. Cuối năm 2005, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM mới chỉ có 32 cổ phiếu niêm yết với tổng mức vốn hóa thị trường là 460 triệu USD thì đến cuối năm 2006 đã có 108 loại cổ phiếu và chứng chỉ quỹ giao dịch.

■ Định hướng cho năm 2007

Theo cam kết, khi là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ phải tuân thủ toàn bộ các hiệp định và quy định mang tính ràng buộc của tổ chức này với nguyên tắc chính là mở cửa

thị trường về hàng hoá và dịch vụ, không phân biệt đối xử hàng hoá và doanh nghiệp giữa các đối tác; thực hiện những quy định về đầu tư liên quan đến thương mại, tuân thủ các quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ, công khai minh bạch chính sách... Như vậy, đồng nghĩa với việc một sân chơi lớn mở ra cùng với những thách thức và cơ hội.

Trên tinh thần tận dụng tối đa những thuận lợi và trên đà phát triển của năm 2006, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu chỉ tiêu phát triển cho năm 2007 với mức tăng trưởng GDP đạt 8,2%-8,5%, tương đương khoảng 70 tỷ USD, bình quân đầu người đạt khoảng 820 USD. Đối với các lĩnh vực kinh tế cụ thể, nông, lâm, ngư nghiệp được dự kiến đạt giá trị tăng thêm 3,5-3,8%; công nghiệp và xây dựng 10,5-10,7%; ngành dịch vụ khoảng 8-8,5%. Tổng kim ngạch xuất khẩu dự kiến đạt 45,2 tỷ USD; nhập khẩu đạt trên 49 tỷ USD, tăng 15,5%; phấn đấu khoảng 1,6 triệu lao động được tạo việc làm mới.

Để đạt được những mục tiêu trên, Việt Nam tập trung tạo cơ chế huy động tốt các nguồn lực trong và ngoài nước, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, triệt để thực hành tiết kiệm, tập trung đầu tư cho các dự án, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng...

Trong lĩnh vực đầu tư, cần tích cực triển khai các bộ luật điều chỉnh đã ban hành một cách thống nhất và hiệu quả. Đồng thời thực hiện việc cải cách hành chính về đầu tư theo cơ chế "một cửa" tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư khi đến Việt Nam.

Cơ hội đang mở ra trong một năm mới, một thời kỳ mới; tuy nhiên cũng có không ít những thách thức gay gắt khi Việt Nam tham gia vào một sân chơi lớn. Chúng ta tin tưởng với sự nỗ lực của mọi thành phần kinh tế, sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, Việt Nam sẽ đạt được những thành tựu lớn hơn trong năm 2007.





Lịch sử hình thành và phát triển của BIDV

Giai đoạn 1957 - 1980

■ Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam - tiền thân của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - được thành lập trực thuộc Bộ Tài Chính với qui mô ban đầu gồm 11 chi nhánh, 200 nhân viên với nhiệm vụ chủ yếu là cấp phát, quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách cho tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Giai đoạn 1981- 1989

■ Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với nhiệm vụ chủ yếu là cấp phát, cho vay và quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch nhà nước tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế.

Giai đoạn 1990 - 1994

■ Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với nhiệm vụ được thay đổi về cơ bản: Ngoài việc tiếp tục nhận vốn ngân sách để cho vay các dự án thuộc chỉ tiêu kế hoạch nhà nước thì BIDV đã thực hiện huy động các nguồn vốn trung dài hạn để cho vay đầu tư phát triển; Kinh doanh tiền tệ tín dụng và dịch vụ ngân hàng chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp phục vụ đầu tư phát triển.

Giai đoạn từ năm 1995 đến 2000

■ BIDV được phép kinh doanh đa năng tổng hợp như một ngân hàng thương mại, phục vụ chủ yếu cho đầu tư phát triển của đất nước. Đây là thời kỳ BIDV đã khẳng định được vị trí, vai trò là ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với danh hiệu Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Giai đoạn từ năm 2001 đến nay

■ BIDV đã triển khai đồng bộ Đề án cơ cấu lại được chính phủ phê duyệt và Dự án hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán do Ngân hàng thế giới tài trợ tiến tới phát triển thành một Ngân hàng đa năng hàng đầu của Việt Nam, hoạt động ngang tầm với các ngân hàng khu vực vào năm 2010.

Những sự kiện tiêu biểu năm 2006



Khai trương Công ty Bảo hiểm BIDV



Khai trương Công ty liên doanh Quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners



Ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với Tập đoàn Ngân hàng HSBC

Tháng 1

- Mua lại vốn góp của Tập đoàn bảo hiểm quốc tế QBE trong Công ty liên doanh bảo hiểm Việt - Úc để thành lập công ty bảo hiểm 100% vốn trong nước - Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC).

- Khai trương Công ty liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners, một định chế cung cấp dịch vụ tài chính chuyên nghiệp với chức năng thành lập và quản lý các Quỹ Đầu tư trong nước và ở nước ngoài. Công ty có vốn điều lệ đăng ký là: 2.000.000 USD, trong đó mỗi bên liên doanh góp 50%.

- Ký Thỏa thuận hợp tác toàn diện với tập đoàn Ngân hàng HSBC trong cho vay hợp vốn các dự án đầu tư trong lĩnh vực kinh tế trọng điểm như năng lượng, khai thác và chế biến dầu mỏ, khí, đóng tàu, bất động sản; dịch vụ quản lý tài sản; các sản phẩm về phái sinh tiền tệ.

Tháng 2

- Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đến thăm và làm việc với BIDV, chỉ đạo và định hướng hoạt động kinh doanh của BIDV trong năm 2006.

- BIDV phát biểu tham luận về Giải pháp huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế tại



Thủ tướng chính phủ Phan Văn Khải đến thăm và làm việc với BIDV



Thủ tướng chính phủ Phan Văn Khải chụp ảnh lưu niệm với các Đ/c lãnh đạo của BIDV



Họp báo công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm Moody's

Hội nghị Thủ tướng gặp doanh nghiệp năm 2006, thông qua đó khẳng định cam kết BIDV sẽ tiếp tục đầu tư với số vốn tăng 2,8 lần so với tổng mức đầu tư năm 2005.

■ BIDV được Bank of New York trao chứng nhận chất lượng dịch vụ thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2005.

Tháng 3

■ Khai trương **Quỹ Đầu tư Việt Nam (VIF)**, quỹ Đầu tư thành viên dạng đóng thành lập tại Việt Nam với quy mô tối đa được phép huy động là 1.600 tỷ VND (100 triệu USD). Đây là quỹ được góp vốn từ 20 Cổ đông vàng là các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam cùng với hai thành viên sáng lập Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư là BIDV và Vietnam Partners LLC.

■ Tham gia và là một trong sáu nhà tài trợ chính cho **Diễn đàn đầu tư Việt Nam** do Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Euromoney Conferences đồng tổ chức. Diễn đàn này được coi là sự kiện tài chính và đầu tư lớn nhất tại Việt Nam năm 2006 nhằm quảng bá hình ảnh và môi trường đầu tư Việt Nam tới với các nhà đầu tư nước ngoài và cộng đồng doanh nghiệp trong nước.

Tháng 4

■ Là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam thực hiện xếp hạng tín nhiệm theo tiêu chuẩn quốc tế bởi Tổ chức định hạng Moody's với kết quả xếp hạng tín nhiệm đạt trên quốc gia.

■ Năm thứ năm liên tục nhận giải thưởng **Ngân hàng hoạt động thanh toán xuất sắc năm 2005** do Citibank trao tặng. Cùng với giải thưởng này, BIDV cũng đã được American Express Bank (AMEX), HSBC trao tặng chứng nhận chất lượng thanh toán cao và nhận được những phản hồi tích cực từ nhiều ngân hàng khác về nghiệp vụ thanh toán SWIFT.



BIDV và HSBC ký hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu tăng vốn



BIDV ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với BTA



Thủ tướng Lào Bouasone Bouphavanh đến thăm và làm việc với BIDV

Tháng 5

■ Được sự hợp tác của tập đoàn HSBC, BIDV đã phát hành thành công 3.250 tỷ VND **trái phiếu dài hạn để tăng vốn cấp 2** (kỳ hạn 15, 20 năm) và được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Sản phẩm trái phiếu tăng vốn này đã được Tạp chí Finance Asia trao tặng danh hiệu **Trái phiếu nội tệ của năm** và được Vietbooks ghi nhận là **một trong tám kỷ lục trên thị trường chứng khoán Việt Nam** trong năm 2006.

Tháng 6

■ Ký kết Thỏa thuận hợp tác với **Ngân hàng Bank TuranAlem** (Ngân hàng hàng đầu của Kazacxtan) trong các lĩnh vực mà cả hai bên cùng quan tâm như đầu tư bất động sản, khai thác khoáng sản, năng lượng, đồng tài trợ..., mở ra một hướng đi mới trong hoạt động hợp tác với các định chế tài chính nước ngoài.

■ Định hình mở rộng, hoàn thiện cơ bản mạng lưới, phát triển dịch vụ ngân hàng hiện đại với sự ra đời của Trung tâm thẻ và Trung tâm Thanh toán.

Tháng 7

■ Là một trong sáu đơn vị nhận cúp "**Vi sự phát triển cộng đồng 2006**", cúp "**Ngọn Hải Đăng**" - giải thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức Ngân hàng - Tài chính - Bảo hiểm trong quá trình xây dựng kinh tế đất nước.

■ Ký thỏa thuận hợp tác toàn diện giai đoạn 2006 - 2010 với các đối tác chiến lược là các **Tập đoàn lớn trong nước** nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các bên, tăng cường hợp tác hướng đến mục tiêu trở thành đối tác chiến lược lâu dài của nhau phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển tổng thể của mỗi bên.

Tháng 8

■ Trong khuôn khổ chuyến thăm hữu nghị chính thức CHXHCN Việt Nam, **Thủ tướng Bouasone Bouphavanh**



Lễ đón nhận giải thưởng Sao vàng đất Việt năm thứ 3 liên tiếp của BIDV.

và đoàn cán bộ cấp cao Chính phủ CHDCND Lào đã đến thăm và làm việc với BIDV, góp phần thắt chặt quan hệ hợp tác truyền thống tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam và Lào trong hỗ trợ phát triển hoạt động của Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt.

- Công bố thông tin nâng cấp hoạt động 21 chi nhánh cấp 1 theo quyết định số 888/2005/QĐ-NHNN, nâng tổng số các chi nhánh cấp 1 của BIDV lên **103 chi nhánh**.

Tháng 9

- Năm thứ 3 liên tiếp tham gia và nhận **giải thưởng Sao vàng đất Việt**. Sản phẩm được trao giải thưởng của năm 2006 là sản phẩm Trái phiếu tăng vốn BIDV.



Ký hợp đồng thanh toán thẻ Visa.

- **Kết nối thanh toán thẻ VISA**, qua đó hệ thống máy ATM của BIDV được kết nối toàn cầu và thực hiện chấp nhận thanh toán các thẻ mang thương hiệu VISA/Plus.

- Ký kết với **Ngân hàng Xuất nhập khẩu Séc (CEB)** Hợp đồng đồng tài trợ Dự án Nhà máy Xi măng Phú Sơn và Biên bản ghi nhớ về hỗ trợ đầu tư 07 dự án tiềm năng trong ngành năng lượng, vật liệu xây dựng và công nghiệp thực phẩm nhân chuyến thăm chính thức của Tổng thống Cộng hòa Séc tại Việt Nam.

Tháng 10

- **Khởi công xây dựng Toà tháp BIDV** theo tiêu chí một "toà tháp thông minh" đạt đẳng cấp hạng A - quốc tế tại 194 Trần Quang Khải, Hà Nội.



Lễ khởi công xây dựng tháp BIDV tại 194 Trần Quang Khải

Tháng 11

- Ký hợp đồng tín dụng vay 200 triệu USD với kỳ hạn 5 năm của **Ngân hàng RZB (Áo)** nhằm hỗ trợ việc điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và tài sản, giải quyết độ lệch về kỳ hạn giữa nguồn vốn và tài sản bằng ngoại tệ của BIDV. Hợp đồng vay vốn này cũng tạo điều kiện cho BIDV tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư, cung ứng vốn



Tổng thống Nga Putin và Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết tới thăm Ngân hàng liên doanh Việt-Nga



Ký hợp đồng tín dụng 200 triệu USD với ngân hàng RZB (Áo)



Tình nguyện viên của BIDV phục vụ các nguyên thủ quốc gia tại hội nghị APEC.



Ký thỏa thuận hợp tác với tập đoàn Microsoft.

trung và dài hạn cho nền kinh tế trong nước. Đây là hợp đồng vay thương mại theo thông lệ quốc tế có giá trị lớn nhất từ trước tới nay của một ngân hàng Việt Nam.

■ Là Nhà tài trợ chính, nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng phục vụ Hội nghị APEC Việt Nam 2006. Được lựa chọn là đơn vị cung cấp tình nguyện viên trực tiếp phục vụ cho các nguyên thủ của 21 nền kinh tế tại Hội nghị thượng đỉnh APEC.

■ Khai trương Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga và chính thức đưa Ngân hàng liên doanh đi vào hoạt động với tỷ lệ vốn góp giữa BIDV và Ngân hàng Ngoại thương Nga (VTB) là 51:49. Đây là ngân hàng liên doanh duy nhất được cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam trong vòng 10 năm qua và đã được Tổng thống Nga Vladimir Putin và Chủ tịch nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết tới thăm sau khi kết thúc Hội nghị APEC 2006.

■ Là Ngân hàng thương mại đầu tiên được NHNN công nhận và chấp thuận cho thực hiện áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo Điều 7 Quyết định 493/QĐ - NHNN của Thống đốc NHNN Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

■ Phát hành trái phiếu nội tệ dài hạn tăng vốn tự có đợt II/2006, nâng tổng mệnh giá phát hành Trái phiếu tăng vốn tự có trong năm 2006 lên khoảng 3.250 tỷ VND, thực hiện một bước quan trọng trong nỗ lực tăng năng lực tài chính trước khi tiến hành Cổ phần hóa.

Tháng 12

■ Ký thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Microsoft trong việc hợp pháp hóa bản quyền phần mềm nhằm tuân thủ Luật bản quyền trong quá trình hội nhập quốc tế. Microsoft sẽ giữ vai trò là một nhà cố vấn cũng như là một đối tác công nghệ chiến lược hỗ trợ BIDV trong quá trình triển khai đồng bộ tối ưu hóa hạ tầng công nghệ thông tin, quản lý vận hành và trao đổi thông tin an toàn dựa trên nền công nghệ của Microsoft.

Giới thiệu Ban lãnh đạo Hội đồng Quản trị



Ông Vũ Quốc Sáu



Ông Trần Bắc Hà



Ông Nguyễn Văn Phẩm



Bà Nguyễn Thị Vương



Ông Nguyễn Huy Tựa



Ông Lê Việt Cường



Ông Trần Anh Tuấn

■ Ông VŨ QUỐC SÁU - Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1947

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Quá trình công tác:

Ông Sáu bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1971. Năm 1987, ông được bổ nhiệm chức Giám đốc chi nhánh BIDV Hải Phòng. Sau đó, ông được đề bạt làm Phó Tổng giám đốc BIDV rồi giữ chức ủy viên HĐQT của BIDV trước khi trở thành Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng vào tháng 3 năm 2005. Ngoài ra, ông Sáu đã từng kiêm chức Chủ tịch HĐQT của công ty liên doanh bảo hiểm Việt Úc (nay là Công ty bảo hiểm BIDV) từ tháng 8/1999 đến tháng 8/2003.

■ Ông TRẦN BẮC HÀ - Tổng giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị

■ Ông NGUYỄN VĂN PHẨM - Ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1949.

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Chứng chỉ Cao học Kinh tế

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Quá trình công tác:

Ông Phẩm bắt đầu làm việc tại ngành Ngân hàng từ năm 1973 và tại BIDV từ năm 1992. Trước khi vào làm việc tại BIDV, ông Phẩm đã có hơn 10 năm làm việc tại các vị trí khác nhau tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk như Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

Sau đó, ông nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng của BIDV như Giám đốc chi nhánh BIDV Đắc Lắc (từ 05/1992 - 01/1997), Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV (từ 02/1997 - 09/1999), Phó Tổng Giám đốc BIDV (từ 10/1999 - 07/2002) kiêm Giám đốc Trung tâm đào tạo BIDV từ 04/2001 - 01/2002. Ông được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng ban kiểm soát BIDV từ tháng 8/2002. Ngoài ra, ông Phẩm còn kiêm chức vụ ủy viên Hội đồng, Trưởng ban Kiểm tra Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam từ tháng 07/2003 và Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc của Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (từ tháng 11/2006).

■ Bà NGUYỄN THỊ VƯỢNG - Ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1952.

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

Bà Vượng đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 30 năm. Bà bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1977. Sau đó, bà nắm giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Liên doanh Bảo hiểm Việt-Úc (từ tháng 8/1998) và Giám Đốc Ban Tài chính Kế toán BIDV (từ 05/2002 - 01/2003). Bà được bổ nhiệm là ủy viên HĐQT của BIDV từ tháng 02/2003.

■ Ông NGUYỄN HUY TỰA - Ủy viên HĐQT kiêm trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: 1957.

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học xây dựng kiến trúc Sophia, Bungari, chứng chỉ cao cấp nghiệp vụ ngân hàng, chứng chỉ cao học kinh tế

Quá trình công tác:

Ông Tựa đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 24 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1984 với vai trò cán bộ Phòng Tín dụng cấp phát. Sau đó, ông giữ nhiều chức vụ Giám đốc chi nhánh BIDV Thăng Long từ tháng 12/1993 đến tháng 12/1996, Phó Giám

đốc Sở giao dịch I từ tháng 12/1996 đến tháng 8/1997, Trưởng phòng Tín dụng 1 từ tháng 8/1997 đến tháng 8/2002, Giám đốc Ban Quản Lý tín dụng từ tháng 8/2002 đến tháng 3/2005, Giám đốc Sở giao dịch III của BIDV từ tháng 3/2005 đến tháng 12/2006.

Ông được đề bạt là ủy viên HĐQT từ ngày 1/10/2005, trưởng Ban kiểm soát từ tháng 11/2006.

■ Ông LÊ VIỆT CƯỜNG - Ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1950.

Trình độ học vấn: Cử nhân toán, cử nhân kinh tế ngân hàng

Quá trình công tác:

Ông Cường đã làm trong lĩnh vực ngân hàng từ tháng 5 năm 1972. Trước khi được đề bạt là ủy viên HĐQT BIDV từ tháng 01/2007, ông Cường đã có thời gian công tác tại một số cơ quan như Trường trung học ngân hàng Bắc Thái, Sơn Tây, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đã qua một số chức vụ như trưởng phòng thư ký Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

■ Ông TRẦN ANH TUẤN - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1958.

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Quá trình công tác: Ông Tuấn bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1981. Sau đó, ông được bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Gia Lai (Gia Lai-Kon Tum) từ tháng 7/1989. Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 9/1998, ủy viên HĐQT của BIDV từ tháng 10/2006 và giữ hai vị trí đó cho đến nay.

Ngoài ra, ông Tuấn còn kiêm chức vụ Chủ tịch Công ty Chứng khoán BIDV từ 2/2002-7/2003, ủy viên HĐQT Ngân hàng VID - Public từ tháng 1/2005.

Ban Tổng Giám đốc (*)



Ông Trần Bắc Hà



Ông Hoàng Huy Hà



Ông Nguyễn Trung Hiếu



Ông Lê Đào Nguyên



Ông Nguyễn Khắc Thân



Ông Lê Văn Lộc



Ông Trần Quý Trung



Ông Trần Anh Tuấn

(*): Danh sách các Phó tổng giám đốc được trình bày theo thứ tự vần A,B,C

■ Ông **TRẦN BẮC HÀ** - Tổng giám đốc kiêm
ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1956

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học Tài
chính Kế toán

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Quá trình công tác:

Ông Hà đã cống hiến cho Ngân hàng Đầu
tu và phát triển Việt Nam (BIDV) gần 30
năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại Ngân
hàng vào tháng 2 năm 1981. Sau đó, ông
Hà đã được bổ nhiệm nhiều vị trí quản lý
tại các chi nhánh của Ngân hàng như Phó
giám đốc chi nhánh Nghĩa Bình, Phó giám
đốc chi nhánh Bình Định, Giám đốc chi
nhánh Bình Định. Tháng 10 năm 1999, ông
Hà được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc của
BIDV. Bốn năm sau đó ông Hà được đề bạt
làm ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng
giám đốc của BIDV.

Cũng trong thời gian đó, Ông Hà còn kiêm
các chức vụ Giám đốc Công ty Chứng khoán
BIDV (11/1999 - 1/2002); Giám đốc Công ty
Quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV
(12/2001 - 08/2002) và Giám đốc sở Giao
dịch III (7/2002 - 2/2005).

Bên cạnh trọng trách chính là Tổng Giám
đốc của BIDV, ông Hà còn được Chính Phủ
Việt Nam đề cử giữ một số chức vụ trong
các tổ chức như Trưởng Ban xử lý tài sản
và thu hồi nợ Ngân hàng TMCP Nam Đô (từ
09/1998 đến nay); Phó Chủ tịch Hiệp hội
doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, thành
viên của Hội đồng tư vấn kinh doanh
ASEAN của Việt Nam (ASEAN BAC Việt Nam
từ tháng 03/2006).

■ Ông **HOÀNG HUY HÀ** - Phó Tổng
giám đốc

Sinh năm 1955.

Trình độ học vấn: Tiến sỹ Kinh tế

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Quá trình công tác:

Ông Hà đã làm trong lĩnh vực ngân hàng
được hơn 34 năm. Trước khi vào làm việc
tại BIDV năm 1986, ông đã có hơn 10 năm
làm việc tại các vị trí khác nhau tại Ngân
hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh Sông Bé. Sau
đó, ông nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng
của BIDV như Giám đốc chi nhánh BIDV
Sông Bé (từ 07/1996 - 12/1996), Giám đốc
chi nhánh BIDV Bình Dương (từ 01/1997 -
10/1999), Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV
(từ 11/1999 - 06/2002). Ông được đề bạt
chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào
tháng 7/2002.

Đồng thời, từ tháng 7/2003 đến nay,
ông Hà còn kiêm Chủ tịch Công ty
Chứng khoán BIDV, Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Bắc Thăng Long và ủy
viên HĐQT của VCCI. Ông Hà có bằng
Thạc sỹ về tài chính tại Trường Đại học
quốc gia Hồ Chí Minh và bằng Tiến sỹ
về kinh tế.

■ Ông **NGUYỄN TRUNG HIẾU** - Phó Tổng
giám đốc

Sinh năm 1954.

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học Ngân
hàng

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Quá trình công tác:

Ông Hiếu bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ
tháng 11 năm 1976. Sau đó, ông được bổ
nhiệm làm Giám đốc chi nhánh BIDV
Quảng Nam Đà Nẵng (từ 10/1991- 12/1996),
Giám đốc chi nhánh BIDV Đà Nẵng (từ
12/1996 - 8/1997). Ông được đề bạt chức vụ
Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng
9/1997.

Ngoài ra, ông Hiếu còn kiêm các chức vụ ủy
viên HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung
ương từ tháng 8/2002 và Chủ tịch HĐQT
Công ty liên doanh tháp BIDV từ tháng
10/2005.

■ **Ông LÊ VĂN LỘC - Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm 1950.

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Quá trình công tác:

Ông Lộc bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1975. Sau đó, ông nắm giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh BIDV Thanh Hóa (từ 7/1995 - 12/1996), Phó Giám đốc Sở Giao dịch I của BIDV (từ 11/2000 - 6/2001), Giám đốc Sở Giao dịch I (từ 7/2001 - 06/2002). Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 7/2002. Ông Lộc còn có một thời gian chuyển sang làm việc tại Ngân hàng Nhà nước và nắm chức vụ quan trọng là Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (từ tháng 1/1997 đến tháng 11/2000).

Ngoài ra, ông Lộc còn kiêm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty bảo hiểm Việt - Úc từ tháng 9/003 đến 12/2005.

■ **Ông LÊ ĐÀO NGUYÊN - Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm: 1956.

Trình độ học vấn: Kỹ sư Đại học kỹ thuật BRNO-Tiếp Khắc

Trình độ Quản trị kinh doanh: Cao cấp

Quá trình công tác:

Ông Nguyên bắt đầu sự nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng từ năm 1983 khi ông vào làm việc tại BIDV với vị trí cán bộ thẩm định. Tháng 10/1990, ông được bổ nhiệm là Phó Trưởng Phòng Thẩm định của BIDV, và là Trưởng Phòng Bảo lãnh và dịch vụ 4 năm sau đó. Đến tháng 4/1997, ông Nguyên được đề bạt vị trí Giám đốc Sở giao dịch I và giữ vị trí này đến tháng 06/2001. Ông Nguyên trở thành Phó Tổng Giám đốc BIDV từ tháng 7/1998 đồng thời kiêm các chức vụ Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng liên doanh Lào-Việt (6/1999-5/2002); Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng

Liên doanh Lào-Việt (6/2002-nay).

Đồng thời, ông Nguyên cũng kiêm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chuyển mạch tài chính quốc gia (từ tháng 7/2004 đến nay) và là thành viên của Hội đồng quản trị Hiệp hội các định chế tài chính Châu Á Thái Bình Dương (ADFIAP) (từ năm 2002 đến nay).

■ **Ông NGUYỄN KHẮC THÂN - Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm: 1952.

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học Tài Chính-Kế toán, chứng chỉ Cao học Kinh tế

Quá trình công tác:

Ông Thân đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 30 năm. Trước khi vào làm việc tại BIDV năm 1979. Đến tháng 5/2003, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở giao dịch I BIDV và Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 8/2004.

Ngoài ra, ông Thân còn kiêm các chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty chứng khoán BIDV từ tháng 07/2005 và là Chủ tịch HĐQT Công ty BVIM từ tháng 01/2006.

■ **Ông TRẦN QUÝ TRUNG - Phó Tổng giám đốc**

Sinh năm: 1952.

Trình độ học vấn: Cử nhân Đại học Xây dựng, Cử nhân Đại học Kinh tế quốc dân, Chứng chỉ Cao học Kinh tế

Quá trình công tác:

Ông Trung đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 30 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1980. Sau đó, ông lần lượt được bổ nhiệm làm Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng liên doanh VID-Public. Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 8/2004.

■ **Ông TRẦN ANH TUẤN - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc**

Mô hình tổ chức

(Tính đến 31/12/2006)

Hệ thống BIDV

- Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng giám đốc
- Các Hội đồng, các Phòng, Ban

Khối Liên doanh

VID-Public Bank

Trụ sở chính tại Hà Nội

Lao-Viet Bank (LVB)

Trụ sở chính tại Vientiane

Công ty Liên doanh Tháp BIDV

Trụ sở chính tại Hà Nội

Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV - Vietnam Partners (BVIM)

Trụ sở chính tại Hà Nội

Vietnam - Russia Bank (VRB)

Trụ sở chính tại Hà Nội

Khối Đơn vị sự nghiệp

Trung tâm Đào tạo (BTC)

Trung tâm Công nghệ thông tin (BTTC)

Khối Ngân hàng

CÁC SỞ GIAO DỊCH

CÁC CHI NHÁNH

03 sở giao dịch

100 chi nhánh

Khối Công ty

Công ty Cho thuê Tài chính I (BLCI)

Trụ sở chính tại Hà Nội

Công ty Cho thuê Tài chính II (BLCII)

Trụ sở chính tại Tp.HCM

Công ty Chứng khoán (BSC)

Trụ sở chính tại Hà Nội

Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (BAMC)

Trụ sở chính tại Hà Nội

Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)

Trụ sở chính tại Hà Nội

Sơ đồ tổ chức Hội sở chính

(Tính đến 31/12/2006)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Kiểm soát
Ban Chuyên viên
Hội đồng xử lý rủi ro
Hội đồng Thi đua, khen thưởng

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có
- Hội đồng Tín dụng
- Hội đồng Khoa học

Khối Quản lý rủi ro

Khối Tín dụng

Khối Dịch vụ

Khối Tài chính

Khối Kế toán

Khối Hành chính

| | |
|---|--|
| Ban Quản lý rủi ro | Phòng Quản lý rủi ro 1 Phòng Quản lý rủi ro 2 |
| Ban Kiểm tra nội bộ | Phòng Tổng hợp Phòng Kiểm tra 1 Phòng Kiểm tra 2 Phòng Kiểm tra CNTT |
| Ban Tín dụng | Phòng Pháp chế tín dụng Phòng Tín dụng 1 Phòng Tín dụng 2 |
| Ban Quản lý tín dụng | Phòng Chính sách tín dụng Phòng Quản lý tín dụng Phòng Xử lý nợ xấu Phòng Tín dụng chỉ định |
| Ban Thẩm định | Phòng Thẩm định 1 Phòng Thẩm định 2 |
| Ban Quản lý chi nhánh | Phòng Quản lý chi nhánh 1 Phòng Quản lý chi nhánh 2 |
| Ban Dịch vụ | Phòng Phát triển sản phẩm & dịch vụ phi tín dụng |
| Trung tâm thẻ | Phòng Phát triển Kinh doanh Phòng Nghiệp vụ Phòng Quản lý rủi ro |
| Ban Kinh doanh đối ngoại | Phòng Quan hệ quốc tế và ngân hàng đại lý Phòng Nghiệp vụ ngân hàng quốc tế |
| Ban Kế hoạch phát triển | Phòng Kế hoạch Phòng Thông tin kinh tế |
| Ban nguồn vốn & kinh doanh tiền tệ | Phòng Cân đối tổng hợp Phòng Huy động vốn Phòng Kinh doanh tiền tệ |
| Ban Tài chính | Phòng Tài chính Phòng Phân tích tài chính Phòng Quản lý tiền tệ - kho quỹ |
| Ban Đầu tư | |
| Ban Kế toán | Phòng Kế toán hệ thống Phòng Kế toán Hội sở chính |
| Trung tâm thanh toán | |
| Ban Tổ chức cán bộ | Phòng Tổ chức cán bộ 1 Phòng Tổ chức cán bộ 2 Phòng Lao động - tiền lương - thi đua |
| Ban Quản lý tài sản nội ngành | Phòng Quản lý tài sản Phòng Quản lý xây dựng cơ bản |
| Văn phòng | |
| Ban Thương hiệu & Quan hệ công chúng | |
| Ban Pháp chế | |
| Ban Quản lý các công trình trên địa bàn Hà Nội | |
| Ban Công nghệ | |
| Ban Quản lý dự án cổ phần hóa BIDV | |



... BIDV đã hoàn thành vượt
mức, toàn diện các chỉ tiêu kế
hoạch kinh doanh năm 2006 cả
về số lượng và chất lượng



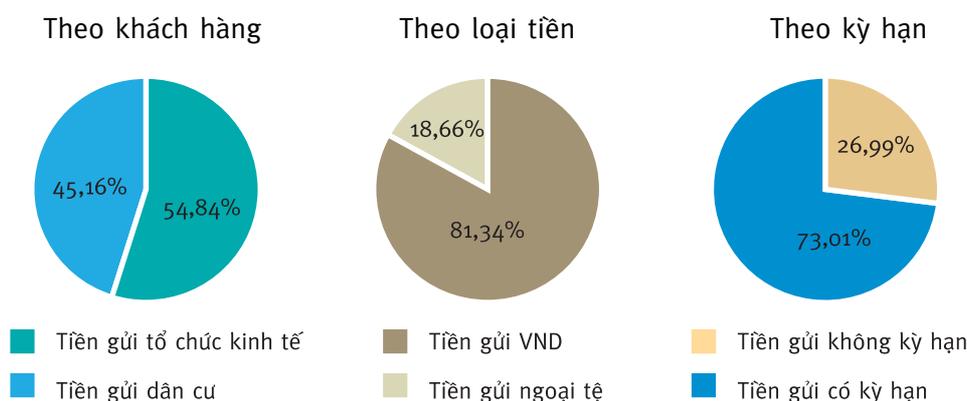
Hoạt động chính năm 2006

Với phương châm hoạt động Chất lượng tăng trưởng bền vững - hiệu quả - an toàn, BIDV đã hoàn thành vượt mức, toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2006 cả về số lượng và chất lượng, tạo nền móng và cơ sở vững chắc cho việc thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2006- 2010 với mục tiêu nâng cao sức cạnh tranh, tăng cường năng lực tài chính, mở rộng quy mô hoạt động theo các chuẩn mực quốc tế của ngân hàng hiện đại.

■ HUY ĐỘNG VỐN

Tổng nguồn vốn huy động (bao gồm phát hành trái phiếu tăng vốn) đến 31/12/2006 đạt 116.862 tỷ VND, tăng 34,29% so với cuối năm 2005 - là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2001 đến nay. Thị phần huy động vốn của BIDV chiếm 15,8% thị phần huy động vốn của hệ thống Ngân hàng. Cơ cấu nguồn vốn huy động đã được điều chỉnh theo hướng tích cực.

Cơ cấu nguồn vốn huy động



Trong năm 2006, bên cạnh việc thực hiện các sản phẩm huy động vốn truyền thống, BIDV đã triển khai nhiều sản phẩm huy động vốn dân cư hấp dẫn đã góp phần tăng trưởng nguồn vốn: Tiết kiệm dự thưởng (2 đợt), phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn dưới hình thức kỳ phiếu (1 đợt), phát hành giấy tờ có giá dài hạn dưới hình thức: chứng chỉ

tiền gửi dài hạn và trái phiếu 3 đến 5 năm (2 đợt). Đặc biệt trong năm 2006, BIDV đã phát hành thành công hai đợt phát hành trái phiếu dài hạn tăng vốn cấp 2 theo đúng quy định của Ngân hàng nhà nước và đạt các chuẩn mực theo tiêu chuẩn quốc tế, trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ, kỳ hạn huy động dài (10, 15 và 20 năm), đây là phương thức hoàn toàn mới, chưa có tổ chức phát hành nào thực hiện tại Việt Nam. Trái phiếu dài hạn để tăng vốn Đợt I/2006 đã được tạp chí Finance Asia bình chọn là "**Trái phiếu nội tệ tốt nhất năm 2006**". Kết quả phát hành cụ thể các loại như sau:

- Phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn đạt doanh số 2.099 tỷ VND và 64,5 triệu USD;
- Phát hành giấy tờ có giá dài hạn đạt doanh số 219,713 triệu USD;
- Phát hành thành công trái phiếu dài hạn để tăng vốn 3.250 tỷ VND;
- Huy động tiết kiệm dự thưởng đạt 9.375 tỷ VND và 182,9 triệu USD.

■ QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ-CÓ

Bảng cơ cấu tài sản Nợ - Tài sản Có

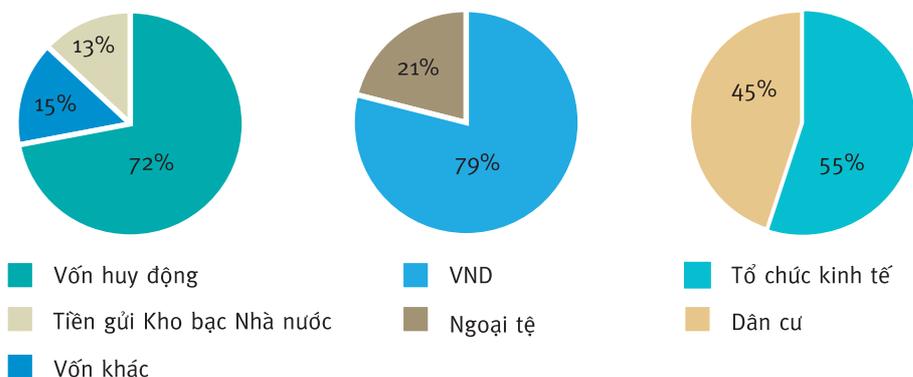
| Chỉ tiêu | VAS | | IFRS | |
|-----------------------------------|---------|---------|---------|---------|
| | 2005 | 2006 | 2005 | 2006 |
| I. Nguồn vốn | 121.403 | 161.277 | 117.976 | 158.219 |
| 1. Huy động | 85.747 | 116.862 | 85.747 | 116.862 |
| 2. Tiền gửi, tiền vay của tổ chức | 18.016 | 19.455 | 18.016 | 19.456 |
| 3. Nguồn vốn khác | 8.142 | 16.173 | 8.142 | 16.173 |
| II. Sử dụng vốn | 121.403 | 161.277 | 117.976 | 158.219 |
| 1. Dự trữ và đầu tư ngắn hạn | 6.567 | 24.402 | 6.581 | 24.491 |
| 2. Cho vay và tạm ứng k.hàng | 85.434 | 98.639 | 85.434 | 98.639 |
| 3. Sử dụng khác | 29.402 | 38.236 | 32.012 | 40.275 |

Đơn vị: tỷ VND

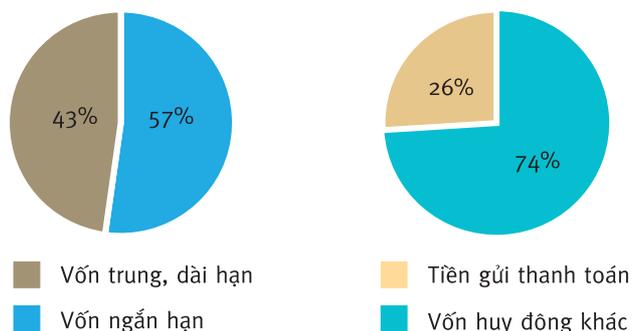
(Số liệu hợp nhất toàn hệ thống BIDV)

Cơ cấu nguồn vốn (Đến 31/12/2006 - Theo chuẩn mực VAS)

Cơ cấu nguồn vốn/tổng tài sản Cơ cấu VND - Ngoại tệ Cơ cấu theo khách hàng



Cơ cấu kỳ hạn (tỷ trọng trên vốn huy động)



Kết quả quản lý tài sản nợ - tài sản có đã đảm bảo khả năng thanh khoản cho toàn hệ thống, tuân thủ các quy định về dự trữ, các giới hạn an toàn theo quy định của ngân hàng nhà nước, đáp ứng đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh với chi phí hợp lý, đảm bảo an toàn trong hoạt động, giảm thiểu rủi ro thanh khoản thông qua quá trình nhận biết, ước tính, theo dõi, kiểm soát rủi ro theo chuẩn mực quốc tế cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ dự trữ của BIDV là khá ổn định và đảm bảo mức tối thiểu 8% cần duy trì theo quy định về dự trữ thanh toán tại quyết định 247/QĐ-HĐQT ngày 28/11/2005 của Hội đồng Quản trị BIDV. Bên cạnh đó ngân hàng đã điều hành linh hoạt giữa dự trữ sơ cấp và dự trữ thứ cấp thông qua đầu tư liên ngân hàng, đầu tư vào các loại giấy tờ có giá để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, song vẫn đảm bảo an toàn thanh khoản cho toàn hệ thống.

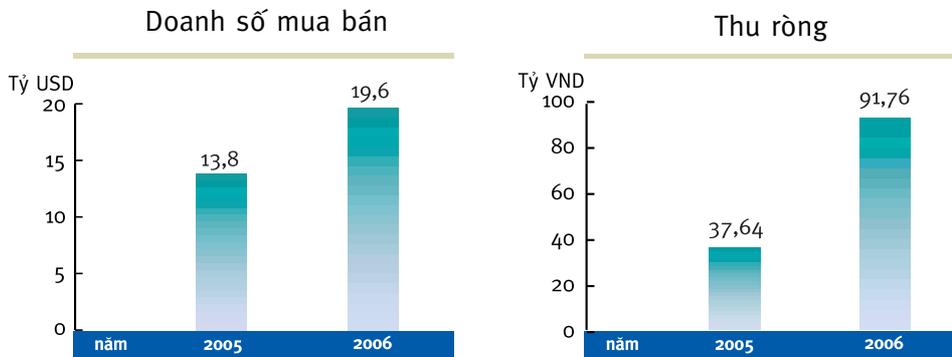
■ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, điều chỉnh đa dạng cơ cấu Tài sản Có, lành mạnh hoá Bảng Tổng kết Tài sản, BIDV đã và đang rất chú trọng đầu tư vào các loại giấy tờ có giá như trái phiếu chính phủ, tín phiếu và đây cũng là kênh đầu tư vốn an toàn, tạo ra các sản phẩm có tính thanh khoản cao qua giao dịch thị trường mở, vay cầm cố, chiết khấu,... với Ngân hàng Nhà nước.

| TT | Nội dung | Đơn vị: triệu VND | |
|-------------|-----------------------------------|---------------------|---------------------|
| | | Giá trị hợp lý 2006 | Giá trị hợp lý 2005 |
| 1 | Tín phiếu Kho Bạc Nhà nước | 440.830 | 3.376.048 |
| 2 | Trái phiếu Chính phủ | 9.626.109 | 4.854.269 |
| 3 | Trái phiếu chính quyền địa phương | 1.867.535 | 1.517.743 |
| 4 | Công trái giáo dục | 0 | 805.843 |
| 5 | Trái phiếu doanh nghiệp | 749.973 | 121.181 |
| 6 | Khác | 40.604 | 2.140 |
| Tổng | | 12.741.260 | 10.693.203 |

■ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TIỀN TỆ

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ



Năm 2006 là một năm BIDV có bước đột phá trong lĩnh vực kinh doanh ngoại tệ cả về doanh số giao dịch và về thu ròng, là năm có tốc độ tăng trưởng cao nhất từ trước tới nay. Hoạt động mua bán ngoại tệ luôn đáp ứng kịp thời, đầy đủ với giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt như giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn cho toàn bộ nhu cầu giao dịch của khách hàng trên toàn hệ thống BIDV hỗ trợ tích cực cho các hoạt động nghiệp vụ khác như tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động tiền gửi USD. Theo ước tính, doanh số mua bán ngoại tệ phục vụ khách hàng của BIDV đứng thứ 2 trên thị trường Việt Nam.

● *Đầu tư trên thị trường tiền tệ*

Năm 2006, BIDV tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư trên thị trường tiền tệ và thị trường vốn. Là ngân hàng thương mại lớn với nguồn vốn dồi dào, BIDV luôn đóng vai trò là nhà tạo lập thị trường chủ đạo trên liên ngân hàng, BIDV hiện đang có quan hệ giao dịch với hầu hết các đối tác trên thị trường trong nước và các đối tác nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam. Với phương châm luôn sử dụng có hiệu quả và an toàn nguồn vốn ngân hàng, BIDV được đánh giá là một trong những ngân hàng có uy tín, có vị thế tốt và năng động nhất trên thị trường liên ngân hàng hiện nay.

Doanh số đầu tư tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng năm 2006 đạt 19,139 tỷ USD quy đổi, tăng 16,3% so với mức 16,454 tỷ USD quy đổi trong năm 2005, trong đó doanh số đầu tư tiền gửi VND tăng 75,5%, EUR tăng 15,2% và USD tăng 17,14% so với năm 2005.

Không chỉ sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của ngân hàng, hoạt động tự doanh trên thị trường tiền tệ trong năm 2006 của BIDV cũng được đẩy mạnh hơn và đã mang lại lợi nhuận đáng kể cho ngân hàng.

● *Các nghiệp vụ phái sinh*

BIDV cũng đã triển khai thành công nghiệp vụ giao dịch hợp đồng tương lai hàng hóa đối với mặt hàng cà phê. Trong 6 tháng cuối năm, doanh số giao dịch hợp đồng cà phê tương

lai tại BIDV đã đạt trên 10% tổng lượng cà phê xuất khẩu của cả nước trong năm 2006. Trong năm 2007, BIDV dự kiến sẽ mở rộng triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh bảo hiểm rủi ro biến động giá đối với các mặt hàng khác như cao su, nông sản, năng lượng...

Ngoài ra, trong năm 2006, BIDV cũng đã đẩy mạnh triển khai các nghiệp vụ phái sinh về lãi suất và tỷ giá. Ngân hàng đã bước đầu triển khai cung cấp thành công tới khách hàng các sản phẩm cụ thể như đầu tư tiền gửi cơ cấu (structured deposit), hoán đổi tiền tệ chéo (Cross Currency Swap). Ngân hàng đã tiến hành đàm phán để tiến tới ký kết hợp đồng ISDA với nhiều đối tác là các ngân hàng hàng đầu trên thị trường quốc tế.

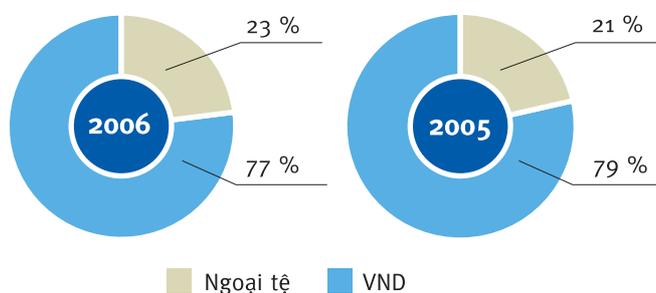
■ TÍN DỤNG

Tổng dư nợ cho vay ròng đến 31/12/2006 đạt 93.453 tỷ VND, tăng trưởng 17,7% so với năm 2005.

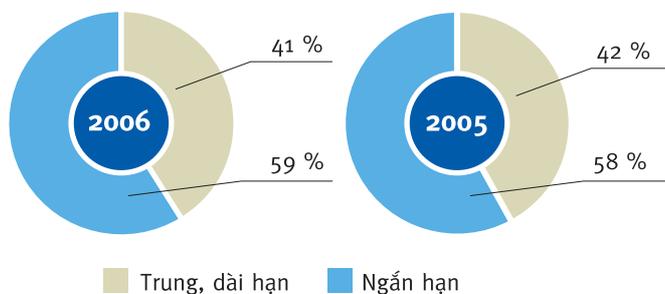
Nhằm tiếp tục đẩy mạnh đầu tư các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, BIDV đã xác định danh mục tín dụng ưu tiên để đầu tư vào các ngành năng lượng, công nghiệp tàu thủy, chế biến xuất khẩu thủy sản, chế biến xuất khẩu gỗ. BIDV đã đầu tư 121 dự án điện, 57 dự án xi măng với tổng số vốn đã ký hợp đồng tín dụng tương ứng là 19.760 tỷ VND và 12.850 tỷ VND, thực hiện bảo lãnh ứng trước cho ngành đóng tàu xuất khẩu 322 triệu USD. Bên cạnh đó, BIDV đã hỗ trợ vốn cho nhiều dự án trọng điểm quốc gia, các dự án lớn quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp chuyển dịch phát triển kinh tế các địa phương như Thủy điện Sơn La, A Vương, Nhiệt điện Hải Phòng, Uông Bí, Lọc dầu Dung Quất, khí điện đạm Cà Mau, xi măng Hoàng Thạch, Bút Sơn, Hà Tiên, Khu du lịch Hòn Tre, Đường tránh Vinh, Đồng Hới, Quốc lộ 2, Cầu Phú Mỹ...

Bám sát thế mạnh, đặc điểm kinh tế tại các vùng, địa phương, BIDV đã đầu tư hỗ trợ có hiệu quả, thể hiện ở doanh số cho vay chế biến xuất khẩu thủy sản Đồng Bằng Sông Cửu Long đạt trên

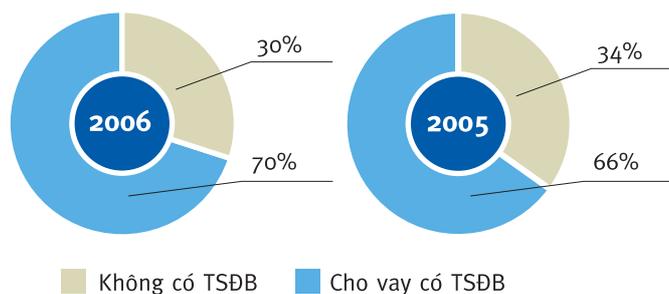
Biểu đồ cơ cấu dư nợ theo loại tiền tệ (%)



Biểu đồ cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn (%)



Biểu đồ cơ cấu dư nợ có tài sản bảo đảm (%)

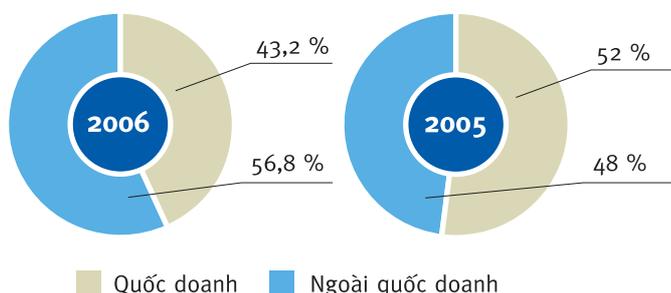


4.150 tỷ VND, chế biến xuất khẩu gỗ 2.710 tỷ VND; tài trợ ngành sản xuất xi măng tại các địa bàn Quảng Ninh, Ninh Bình, Hà Nam, Quảng Bình, Kiên Giang; chương trình hỗ trợ thủy điện nhỏ tại các tỉnh Miền núi phía Bắc, Miền Trung và Tây Nguyên. Phát triển hạ tầng đô thị tại TPHCM, Hà Nội, Đà Nẵng.

Song song đó, hoạt động tín dụng của BIDV được gắn với xây dựng hợp tác chiến lược với các tập đoàn kinh tế mạnh của đất nước như Vinashin, Dầu khí, Than và khoáng sản, các Tổng công ty Sông Đà, Vinaconex, Lilama, FPT, Bitexco. Các quan hệ hợp tác toàn diện này nhằm mục tiêu cung ứng vốn, các dịch vụ ngân hàng cho doanh nghiệp và tạo ra các cơ chế đầu tư phù hợp thực tế cho triển khai các dự án lớn, chương trình kinh tế quan trọng như chương trình đóng Seri tàu 53.000 DWT cho Anh, tàu chở dầu cho Nhật Bản; xây dựng Nhà máy Thủy điện Sekaman 3, trồng cao su tại Lào, tháp Financial Tower tại TPHCM.

Hoạt động tín dụng của BIDV cũng đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương trên nguyên tắc kết hợp giữa chính quyền, doanh nghiệp và ngân hàng để giúp cho các địa phương có khó khăn thu hút được các nhà đầu tư góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hỗ trợ ngân sách các Tỉnh để đầu tư cơ sở hạ tầng đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương.

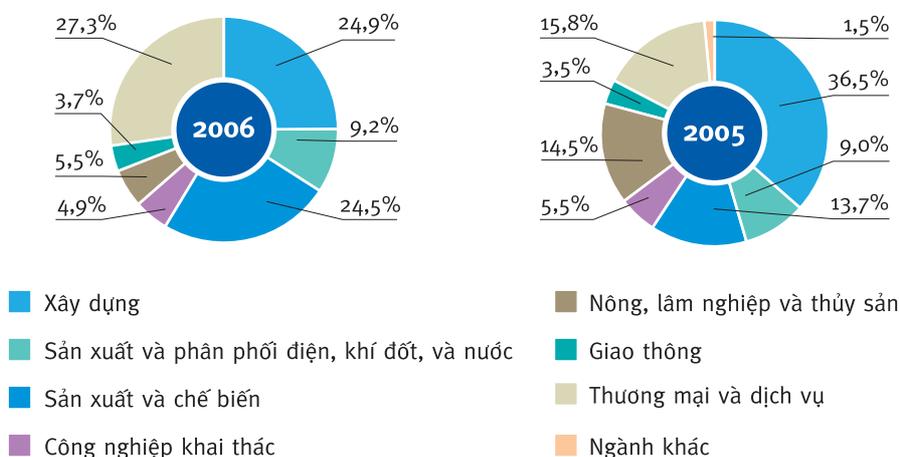
Biểu đồ cơ cấu dư nợ theo loại tiền tệ (%)



Về cơ cấu tín dụng, tỷ trọng tín dụng trên tổng tài sản giảm từ 67% năm 2005 xuống 59% năm 2006 được đánh giá là phù hợp với mục tiêu phát triển thể chế đã cam kết với WB.

Về chất lượng tín dụng, được kiểm soát chặt chẽ có hệ thống nên tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu ngày càng giảm thấp và ổn

Biểu đồ cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành kinh tế



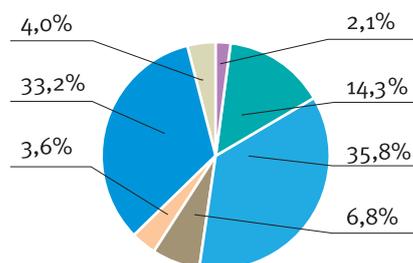
định vào cuối năm, chất lượng tín dụng được nâng lên, khả năng kiểm soát chất lượng tín dụng của BIDV đã chính xác và an toàn hơn. Tính tuân thủ, yêu cầu minh bạch nợ xấu, nợ quá hạn được BIDV tiếp tục đề cao nhằm phản ánh đúng thực chất nợ quá hạn, nợ xấu, trích đủ dự phòng rủi ro và xử lý nợ xấu để chất lượng tín dụng đạt mức tốt.

■ BẢO LÃNH

Tổng số dư bảo lãnh (bao gồm các cam kết L/C) đến 31/12/2006 là 40.824 tỷ VND, tăng trưởng 82% so với 31/12/2005.

Nguồn thu từ phí bảo lãnh (cả L/C): 181,7 tỷ VND, chiếm 38,05% tổng thu phí dịch vụ. Mở rộng hoạt động bảo lãnh đã giúp chuyển mạnh hoạt động ngân hàng theo hướng phát triển dịch vụ, tăng tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng nguồn thu.

Cơ cấu dư bảo lãnh năm 2006 (không kể cam kết L/C)



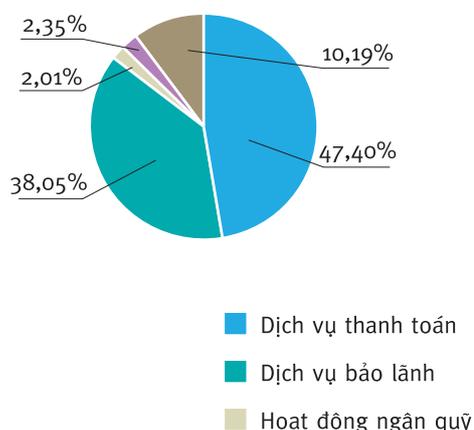
■ DỊCH VỤ

Kết quả kinh doanh dịch vụ

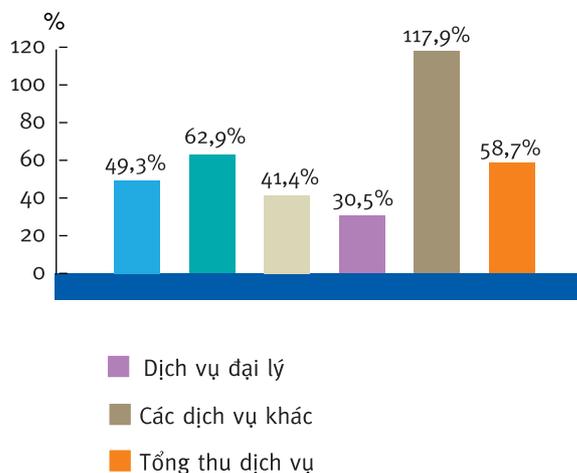
Năm 2006 được coi là năm đột phá về tăng trưởng dịch vụ thể hiện bằng các sự kiện nổi bật như sau:

- **Thứ nhất**, hoạt động dịch vụ của khối ngân hàng năm 2006 đã có sự phát triển đặc biệt tính theo cả số tuyệt đối và số tương đối so với năm 2005., thu dịch vụ ròng của toàn khối ngân hàng đạt 414,38 tỷ VND và tăng trưởng 68,04% so với năm 2005 (mục tiêu đặt ra từ đầu năm là tăng trưởng 30%)

Tỷ trọng thu dịch vụ năm 2006



% tăng trưởng so với năm 2005



- **Thứ hai**, năm 2006 đánh dấu sự kiện chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức tư duy đến hành động, từ Hội sở chính đến các chi nhánh trong phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ. Đồng thời cũng là năm các cơ chế chính sách phát triển kinh doanh dịch vụ tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện một cách tích cực.
- **Thứ ba**, BIDV đã khai triển kết nối thành công với tổ chức thẻ VISA, chấp nhận thanh toán thẻ VISA trên toàn bộ hệ thống ATM và triển khai thí điểm 50 POS/EDC tại khu vực Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tiền đề quan trọng cho việc phát triển dịch vụ thẻ của BIDV trong tương lai.
- **Thứ tư**, triển khai thành công các dịch vụ ngân hàng liên kết giữa BIDV với các tổ chức tài chính khác như Western Union (WU), Bacassurance với AIA. Đẩy mạnh triển khai hợp tác với các doanh nghiệp lớn như Viettel, G7 Mart, EVN thành phố Hồ Chí Minh... Mở ra cơ hội mới trong việc hợp tác kinh doanh dịch vụ.
- **Thứ năm**, là một trong hai ngân hàng đầu tiên triển khai thành công dịch vụ giao dịch cà phê tương lai góp phần nâng cao hình ảnh của BIDV cũng như tính chuyên nghiệp của ngân hàng trong việc triển khai các dịch vụ ngân hàng hiện đại.
- **Thứ sáu**, tiếp tục hoàn thiện về mô hình kinh doanh dịch vụ theo hướng ngày càng phù hợp hơn với thông lệ quốc tế. Thành lập các Trung tâm thanh toán, Trung tâm thẻ, vận hành ổn định mô hình Trung tâm tài trợ thương mại.
- **Thứ bảy**, kênh phân phối truyền thống tiếp tục được củng cố, phát triển với mạng lưới chi nhánh cấp 1 được nâng cấp trong năm là 21 chi nhánh, đưa tổng số chi nhánh cấp 1 lên 103 chi nhánh. Kênh phân phối mới như ATM, POS tiếp tục được mở rộng (gần 400 máy ATM trải rộng khắp cả nước) góp phần nâng cấp tốt hơn các sản phẩm dịch vụ BIDV cho khách hàng.
- **Thứ tám**, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được chính phủ giao là ngân hàng chính thức cung cấp các dịch vụ ngân hàng cho Hội nghị APEC năm 2006. Hình ảnh về một BIDV hiện đại và hội nhập được bạn bè trong nước và quốc tế quan tâm ghi nhận và đánh giá cao.

■ DỊCH VỤ ĐẠI LÝ VÀ ỦY THÁC

BIDV đã thực hiện tốt vai trò ngân hàng bán buôn và ngân hàng đại lý, ủy thác cho nhiều tổ chức tài chính lớn thông qua đơn vị trực thuộc - Sở giao dịch 3.

Dự án tài chính nông thôn

Với kết quả thực hiện Dự án tài chính nông thôn I và II, BIDV đã được WB đánh giá cao và toàn diện về số lượng các định chế tài chính tham gia, hạn mức cho các định chế tài chính, tốc độ giải ngân, kiểm tra tác động môi trường của các tiểu dự án, cơ chế kiểm tra, kiểm soát đối với việc cho vay - thu nợ tốt...

Tính đến tháng 12/2006, số lượng các định chế tài chính đủ điều kiện tham gia Dự án tài chính nông thôn II là 23 đơn vị, trong đó 22 đơn vị đã thực hiện rút vốn. Tổng hạn mức tín dụng cấp cho các định chế tài chính trong khuôn khổ Dự án TCNT I và II đến 31/12/2006 đạt 3.813 tỷ VND.

Dự án TCNT I được triển khai ổn định với tổng số 6 định chế tài chính tham gia vay vốn. Doanh số cho vay đạt 579 tỷ VND, doanh số thu nợ đạt 587 tỷ VND; dư nợ đạt 1.121 tỷ VND với tỷ lệ sử dụng hạn mức là 88%. Doanh số cho vay Dự án TCNT II đạt 1.228 tỷ VND; thu nợ gốc đạt 687 tỷ VND. Dư nợ Dự án TCNT II đạt 2.424 tỷ VND.

Bên cạnh việc đẩy mạnh hiệu quả triển khai các Dự án tài chính nông thôn, BIDV đã và đang chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để tiếp nhận và triển khai Dự án TCNT III như báo cáo đề nghị Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị chức năng liên quan hỗ trợ và chính thức đưa Dự án TCNT III vào danh sách vay vốn WB giai đoạn 2007 - 2009.

Đại lý ủy thác

BIDV tiếp tục phát huy hiệu quả của hoạt động dịch vụ đại lý ủy thác và đã khẳng định được chất lượng dịch vụ và uy tín của BIDV đối với nhà tài trợ, các chủ Dự án và các cơ quan, Bộ, ngành quản lý của Nhà nước.

Năm 2006, BIDV đã tiếp nhận thêm 20 chương trình, dự án với tổng số vốn ủy thác đạt tương đương 742 triệu USD. Doanh số rút vốn đạt 3.256 tỷ VND, doanh số cho vay đạt 1.281 tỷ VND. Dư nợ đại lý ủy thác đạt 4.884 tỷ VND. Lũy kế lãi và phí từ hoạt động đại lý ủy thác đạt 4,8 tỷ VND.

Ngoài các nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức tài chính như WB, IMF, ADB, JBIC, AFD, BIDV tiếp tục thiết lập quan hệ hợp tác chặt chẽ với nhiều tổ chức quốc tế khác để tiếp nhận các nguồn vốn mới cho giai đoạn tiếp theo như NIB, EIB... để phục vụ các dự án trọng điểm của quốc gia.



Chứng kiến lễ ký hợp đồng tín dụng giữa Bộ Tài chính và NIB

Tăng cường năng lực thể chế chuẩn bị cổ phần hóa, hội nhập và phát triển bền vững

Việt Nam tổ chức thành công hội nghị APEC lần thứ 14, chính thức trở thành thành viên của WTO, trở thành đối tác bình đẳng chính thức với Hoa Kỳ, đồng hành với những sự kiện nổi bật ấy của đất nước trong năm 2006, BIDV cũng có những bước tiến vượt trội và nổi bật, đặc biệt trên các lĩnh vực chất lượng tài sản, công nghệ, minh bạch hoá, cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực.

Quản lý chất lượng tài sản của BIDV ngày càng chặt chẽ. Nợ xấu được quản lý, xử lý, giám sát giảm theo lộ trình phù hợp với thông lệ, BIDV đã thực hiện tốt mục tiêu nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với yếu tố bền vững. Trong năm 2006, BIDV là doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam tham gia định hạng toàn cầu thông qua tổ chức định hạng nổi tiếng Moody's, qua đó khẳng định vai trò tiên phong đi đầu trong việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Nền tảng công nghệ ngày càng được nâng cao với việc hoàn thành dự án hiện đại hoá, kết nối thành công với tổ chức thẻ VISA, phát triển trên 400 máy ATM và hàng trăm điểm POS. Đồng thời, BIDV đã hoàn thành chuyển đổi mô hình quản lý kinh doanh với sự tài trợ của WB với TA1 và bắt đầu triển khai TA2 nhằm đưa BIDV trở thành một ngân hàng hiện đại từ mô hình quản trị, tổ chức, điều hành và quản lý rủi ro để nâng cao sức cạnh tranh, đảm bảo yếu tố phát triển bền vững và hội nhập, xây dựng tiền đề cho tập đoàn tài chính ngân hàng trong tương lai.

Tiêu điểm năm 2007 của BIDV là chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công với tất cả các đối tác trong và ngoài nước. Những mục tiêu hàng đầu của BIDV là duy trì nhịp độ tăng trưởng cao gắn với an toàn hiệu quả, thực hiện thành công cổ phần hoá, phát triển mạng lưới ATM ở mức 1000 máy và hàng nghìn POS trên toàn quốc, đưa vào thị trường trên 35 sản phẩm dịch vụ ngân hàng có tiện ích cao để phục vụ khách hàng, phát triển mạnh mẽ thương hiệu, tiếp tục kinh doanh đa lĩnh vực và đặc biệt hỗ trợ quá trình IPO của các doanh nghiệp Việt Nam. Năm 2007 chắc chắn sẽ là năm đánh dấu sự chuyển mình của BIDV hoà cùng với hơi thở hội nhập.

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC TÀI CHÍNH MỘT CÁCH TOÀN DIỆN

Trong bối cảnh đất nước chuyển mình hoà nhập với thế giới, năng lực tài chính được coi là yếu tố quyết định đảm bảo sức mạnh, sức cạnh tranh của một ngân hàng. Nhận thức rõ điều này, trong năm 2006, năm mà Việt Nam chính thức gia nhập WTO, BIDV đã đặt mục tiêu nâng cao năng lực tài chính như là một mục tiêu quan trọng bậc nhất trong hoạt động ngân hàng. Tăng cường năng lực tài chính một cách toàn diện, đồng bộ, đảm bảo sức chống đỡ chịu đựng rủi ro, phát triển ổn định bền vững.

■ Được tổ chức định hạng Moody's nâng mức xếp hạng năng lực tài chính

Vào tháng 5/2006, BIDV đã chính thức được Moody's - tổ chức định hạng quốc tế hàng đầu trên thế giới xếp hạng ở các mức: E - triển vọng tích cực (xếp hạng năng lực tài chính độc lập - BFRS), Ba1/B1 (xếp hạng tiền gửi nội tệ/ngoại tệ) và Ba1/Ba2 (xếp hạng nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ) cho năm tài chính 2005. Đây đều là các mức xếp hạng kịch trần quốc gia. Với sự kiện này, BIDV trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tham gia tổ chức định hạng toàn cầu, qua đó khẳng định cam kết minh bạch hóa tài chính và áp dụng các chuẩn mực quốc tế.

Đến tháng 4/2007, Moody's đã nâng mức xếp hạng năng lực tài chính độc lập của BIDV từ E lên E+ với triển vọng ổn định. Việc nâng mức xếp hạng này thể hiện năng lực tài chính của BIDV đang được cải thiện, đặc biệt là khả năng nâng cao vốn và việc giảm đáng kể nợ xấu và chiến lược kinh doanh tạo sự khác biệt so với các ngân hàng khác trong ngành.

■ Hệ số an toàn vốn (CAR) liên tục được tăng cường

| Chỉ tiêu | 31/12/2005 | 31/12/2006 |
|--------------------------|------------|------------|
| Vốn tự có (Tỷ VND) | 6.499 | 10.838 |
| Vốn cấp 1 | 6.411 | 7.489 |
| Vốn cấp 2 | 124 | 3.524 |
| Chỉ số CAR (%) theo VAS | 6,86% | 9,1% |
| Chỉ số CAR (%) theo IFRS | 3,36% | 5,9% |

Trong năm 2006, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của BIDV được cải thiện đáng kể, vượt mức tối thiểu theo qui định của Ngân hàng Nhà nước và tiến dần tới thông lệ quốc tế.

Chỉ số CAR tăng cao chủ yếu nhờ nguồn vốn của BIDV được tăng cường đáng kể so với năm ngoái. Vốn cấp 1 tăng 16,8%, trong đó nguồn tăng chủ yếu là từ lợi nhuận giữ lại (tăng gấp 6 lần). Ngoài ra vốn cấp 2 cũng được bổ sung đáng kể nhờ phát hành thành công 3.250 tỷ VND trái phiếu dài hạn để tăng vốn, đưa vốn cấp 2 đạt 47,1% vốn cấp 1.

Đợt phát hành trái phiếu lần đầu vào tháng 5/2006 với khối lượng 2,2 nghìn tỷ VND qua 2 kì hạn 10 năm và 15 năm đã được tạp chí Finance Asia đánh giá là giao dịch phát hành trái phiếu nội địa thành công nhất khu vực trong năm 2006 trên các phương diện khối lượng lớn nhất, kì hạn dài nhất và áp dụng các chuẩn mực theo thông lệ.

Đợt phát hành tiếp theo vào tháng 7/2006 đã tiếp nối thành công của đợt 1, trái phiếu tăng vốn BIDV được giao dịch ổn định và thường xuyên trên Thị trường Giao dịch chứng

khoản TPHCM. Qua 2 đợt phát hành, BIDV trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành trái phiếu dài hạn để tăng vốn cấp 2 theo đúng các điều kiện qui định của Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính.

Sang năm 2007, BIDV sẽ tiếp tục có kế hoạch tăng vốn để nâng hệ số CAR lên mức cao, tạo điều kiện mở rộng qui mô hoạt động và sẵn sàng cho cổ phần hoá.

■ Quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng, nâng cao chất lượng tài sản

Cùng với việc tăng vốn để đưa hệ số an toàn vốn đạt chuẩn mục quốc tế, giải quyết triệt để nợ xấu là một trong số những mục tiêu ưu tiên hàng đầu của BIDV trong kế hoạch đáp ứng yêu cầu hội nhập. Năm 2006 được BIDV coi là mốc thời gian xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá, do đó song song với kiểm soát tăng trưởng tín dụng, công tác xử lý nợ xấu là trọng tâm trong kế hoạch hành động năm 2006.

Một bước đi quan trọng của BIDV trong năm 2006 trong quá trình xử lý nợ xấu là ban hành hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (HTXHTDNB). Hệ thống này giúp BIDV có thể kiểm soát toàn bộ danh mục tín dụng cũng như đánh giá khách hàng vay vốn một cách có hệ thống trên cơ sở tập hợp các thông tin chuyên ngành và thông tin tổng hợp về nền kinh tế nói chung trong mối liên hệ với qui mô khách hàng. Với hệ thống này, BIDV có cơ sở đánh giá thống nhất và mang tính hệ thống trong suốt quá trình tìm hiểu khách hàng, xem xét dự án đầu tư, đánh giá phân tích, thẩm định và ra quyết định cấp tín dụng, định giá khoản vay. HTXHTDNB theo thông lệ quốc tế là tiền đề để BIDV hoàn thiện các qui trình, thủ tục cấp tín dụng qua đó nâng cao chất lượng tín dụng toàn hệ thống.

Sau khi xây dựng HTXHTDNB, BIDV đã tiến hành chạy thử và cùng với kết quả phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Điều 7 QĐ 493 đã phản ánh chính xác chất lượng tín dụng toàn hệ thống. Ngày 14/11/2006, Ngân hàng Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho BIDV thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Điều 7 QĐ 493 bắt đầu từ quý IV/2006. Ngay sau đó, BIDV đã ban hành chính sách Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Điều 7 QĐ 493 và kết quả thu được phản ánh chính xác chất lượng của các khoản nợ và của khách hàng vay.

Kết quả phân loại nợ tại thời điểm 31/12/2006 (theo Điều 7 QĐ 493) theo chuẩn mục IFRS:

| Nhóm nợ | Dư nợ (tỷ VND) (31/12/2006) | Tỷ trọng (31/12/2006) |
|----------------|--|----------------------------------|
| Tổng (*) | 90.581 | 100% |
| Nhóm 1 | 49.138 | 54,2% |
| Nhóm 2 | 32.753 | 36,2% |
| Nợ xấu | 8.689 | 9,6% |
| Nhóm 3 | 6.232 | 6,9% |
| Nhóm 4 | 333 | 0,4% |
| Nhóm 5 | 2.125 | 2,3% |

(*) : Tổng dư nợ không bao gồm các khoản cho vay chỉ định và theo kế hoạch của Nhà nước, cho vay ODA và nợ khoanh.



Tỉ lệ nợ xấu thời điểm 31/12/2006 là 9,6% - nằm trong lộ trình giảm tỉ lệ nợ xấu đến 30/9/2007 là dưới 5%. So với năm 2005, tỉ lệ nợ xấu giảm cả về số tuyệt đối và tương đối và thấp hơn so với kế hoạch. Do trong năm 2006 BIDV đã áp dụng các biện pháp điều hành, kiểm soát nợ xấu linh hoạt và kịp thời, không để gia tăng. Bên cạnh đó, BIDV cũng dùng quỹ dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu theo đúng phương án xử lý nợ đã đề ra.

Về cơ cấu tín dụng, tỷ trọng tín dụng trung dài hạn/tổng dư nợ của toàn hệ thống đến 31/12/2006 là 41,1%, thấp hơn so với kế hoạch giao (45%) và theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị (dưới 43%), tỷ trọng này đã giảm qua các năm, cho thấy BIDV đang thực hiện chuyển dịch cơ cấu tín dụng tốt. Tỷ trọng nợ quốc doanh/tổng dư nợ năm 2006 là 43,2%, đạt kế hoạch giao và có sự chuyển biến tích cực trong tuân thủ cơ cấu tín dụng, chuyển dịch phương hướng cho vay đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có hiệu quả cao, giảm cho vay đối với các doanh nghiệp nhà nước.

Bên cạnh đó, BIDV kết hợp chính sách cho vay một cách thận trọng với hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ trong quá trình cho vay nhằm ngăn ngừa phát sinh nợ xấu. Trước đây xu hướng chung là coi trọng tăng trưởng tín dụng, tuy nhiên hiện nay BIDV đã nhận thức tăng trưởng tín dụng phải thực sự gắn với chất lượng và hiệu quả tín dụng. Do vậy BIDV đã có kế hoạch kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng hợp lý.

Trong năm 2007, BIDV sẽ tiếp tục nghiên cứu mở rộng đối tượng phân loại nợ theo Điều 7 QĐ 493 để kết quả phân loại nợ phản ánh chính xác nhất chất lượng tín dụng của BIDV. Việc trích lập dự phòng rủi ro sẽ được nghiên cứu để đưa vào áp dụng theo phương pháp chiết khấu dòng tiền để phù hợp với thông lệ quốc tế. Để tiếp tục kiểm soát chặt chẽ hoạt động tín dụng, việc giao kế hoạch kinh doanh sẽ dựa trên chi tiết từng danh mục cho vay ngay từ đầu năm. Công tác quản lý tín dụng sẽ được thực hiện chi tiết đến từng ngành nghề kinh doanh, từng vùng, từng loại hình sản phẩm. Chất lượng tín dụng sẽ được kiểm soát chặt chẽ hơn nữa bằng các biện pháp cụ thể và quyết liệt để đảm bảo cuối năm 2007 tỉ lệ nợ xấu của BIDV đạt mức dưới 5% theo IFRS và không có sự đột biến tăng tại mọi thời điểm trong năm, như tuân thủ tuyệt đối qui trình qui chế, cương quyết xử lý với những biểu hiện không tuân thủ kỉ luật điều hành; tuân thủ cơ cấu, giới hạn tín



dụng đã giao; nâng cao chất lượng thông tin, báo cáo trong quản trị điều hành; lựa chọn các khách hàng loại A, các dự án có chất lượng tốt ưu tiên cho vay, kiên quyết không tăng thêm dư nợ đối với các khách hàng xếp loại B trở xuống; tăng tỉ lệ cho vay có tài sản đảm bảo, đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro thấp, giảm tỷ trọng cho vay xây lắp.

■ Hiệu quả kinh doanh đạt mức cao

2006 có thể nói là một năm mà BIDV đạt được kết quả kinh doanh cao nhất từ trước đến nay. Thể hiện qua bảng (số liệu theo chuẩn mực IFRS):

| STT | Chỉ tiêu (theo IFRS) | 31/12/06 | 31/12/05 | Đơn vị: tỷ VND | |
|-----|--|----------|----------|----------------|----------------|
| | | | | Tuyệt đối | Tương đối |
| | | | | | So sánh |
| 1 | Chênh lệch thu chi trước dự phòng rủi ro | 3.126 | 2.688 | 438 | 16,3% |
| 2 | Dự phòng rủi ro | 2.383 | 2.392 | (9) | -0,4% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 743 | 296 | 447 | 151,0% |
| 4 | Lãi dự thu | 822 | 1.127 | (305) | -27,1% |
| 5 | Lãi dự chi | 2.540 | 1.751 | 789 | 45,1% |

Năm 2006 lợi nhuận trước thuế của BIDV có mức tăng trưởng cao so với năm ngoái và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế tăng 151% so với năm 2005. Kết quả này đã góp phần đáng kể làm tăng năng lực tài chính của BIDV.

| Chỉ tiêu (theo IFRS) | 31/12/06 | 31/12/05 |
|--------------------------|----------|----------|
| Lợi nhuận sau thuế | 613 | 115 |
| Tài sản bình quân | 138.097 | 108.818 |
| Vốn chủ sở hữu bình quân | 3.826 | 3.106 |
| ROA | 0,44% | 0,11% |
| Hệ số vốn chủ sở hữu | 0,03 | 0,03 |
| ROE | 16,03% | 3,7% |

Tỷ lệ ROA đạt 0,44%, tăng hơn so với năm 2005 và gần đạt kế hoạch đề ra (0,5%).

ROA đạt mức khá như vậy là do năm 2006 lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng tăng gấp hơn 5 lần so với năm ngoái. Lợi nhuận tăng nhanh do lợi nhuận này đã bao gồm khoản thu hồi được từ nợ gốc và lãi đã xử lý (606 tỷ VND). Mặt khác, tốc độ tăng trưởng tổng tài sản bình quân chỉ tăng ở mức 33,9% (thấp hơn tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế) dẫn đến kết quả chỉ số ROA của Ngân hàng tăng cao hơn so với năm ngoái.

Tỷ lệ ROE đạt 16,03% tăng gấp 4 lần so với năm 2005. Như đã phân tích ở trên, kết quả này là do lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng tăng cao.

Sang năm 2007, BIDV sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tài sản một cách hợp lý trong mối quan hệ với lợi nhuận sau thuế, để đảm bảo tỷ suất ROE, ROA năm sau cao hơn năm trước. Đặc biệt, trong bối cảnh chuẩn bị cổ phần hóa trong năm 2007 thì các chỉ số tài chính như CAR, ROA, ROE đến trước thời điểm phát hành cổ phiếu lần đầu sẽ đảm bảo đạt được mức tối thiểu của chuẩn mực quốc tế.

■ Cơ cấu thu nhập thay đổi tích cực

Kết quả kinh doanh đối với từng loại nghiệp vụ của BIDV có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng tăng dần thu dịch vụ và giảm dần thu từ cho vay:

| Chỉ tiêu (theo IFRS) | Đơn vị: tỷ VND | |
|--|----------------|--------------|
| | 31/12/2006 | 31/12/2005 |
| TỔNG THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 4.301 | 3.901 |
| 1. Thu nhập lãi và các khoản tương đương thuần | 3.426 | 3.545 |
| - Thu lãi và các khoản tương đương | 10.997 | 8.224 |
| - Chi lãi và các khoản tương đương | 7.571 | 4.679 |
| 2. Thu nhập thuần từ hoạt động phi tín dụng: | | |
| - Thu từ dịch vụ | 478 | 301 |
| - Chi dịch vụ | 63 | 54 |
| - Thu nhập thuần từ dịch vụ | 415 | 247 |
| - Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng | 105 | 44 |
| - Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán | 233 | 4 |
| - Thu từ đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết | 28 | 8 |
| - Thu khác | 109 | 51 |

Xét một cách tổng thể thì tổng thu nhập từ các hoạt động của ngân hàng năm 2006 tăng trưởng khá cao so với năm 2005 trên tất cả các hoạt động nghiệp vụ, đặc biệt và ấn tượng nhất đó là thu nhập từ hoạt động phi tín dụng tăng với tốc độ cao (gấp 2,5 lần so với năm 2005) cụ thể là các hoạt động dịch vụ, kinh doanh ngoại hối đều có tốc độ tăng trưởng khá quan.

Tỷ trọng thu từ các hoạt động phi tín dụng đang có xu hướng tăng lên. Cơ cấu thu nhập của BIDV hiện nay cũng đã dần dần phù hợp với xu hướng chung của các Ngân hàng

hiện đại, tiên tiến trên thế giới (giảm đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực rủi ro cao, tăng thu từ hoạt động phi tín dụng, có tính bền vững cao và có rủi ro ít hơn) đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế cũng như đã chính thức gia nhập WTO. Điều này phản ánh tầm nhìn cũng như định hướng đúng của BIDV.

Thu từ dịch vụ đạt 478 tỷ VND, tăng 177 tỷ VND (58,8%) so với năm 2005 và đã thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Xét về cơ cấu thu trong hoạt động dịch vụ có thể thấy hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất và có sự tăng trưởng lớn trong các loại hình dịch vụ vẫn là dịch vụ thanh toán truyền thống. Trong năm 2006, hàng loạt các dịch vụ được triển khai như: dịch vụ chuyển tiền với Western Union, thanh toán hóa đơn với EVN HCM, cung cấp dịch vụ ngân hàng cho hội nghị thượng đỉnh APEC, kết nối thành công thẻ VISA, mở rộng mạng lưới ATM. Tuy nhiên, đầu tư vào các loại hình dịch vụ mới là hoạt động kinh doanh mang tính chiến lược, do đó đòi hỏi cần phải có thời gian mới phát huy hiệu quả, đặc biệt là hoạt động phát triển sản phẩm thẻ ATM là một trong những hoạt động trọng tâm trong năm qua mà BIDV rất chú trọng từ việc đầu tư mở rộng mạng lưới máy ATM, đến việc phát triển thêm những tiện ích, các sản phẩm mới đối với các loại thẻ.

Nhìn chung hoạt động phi tín dụng của BIDV trong năm 2006 đã có những kết quả đáng khích lệ, BIDV đã khai thác tốt nguồn vốn để đầu tư trên thị trường mở, thị trường liên ngân hàng và thị trường chứng khoán. Thu từ hoạt động dịch vụ tăng trưởng mạnh, tỷ trọng cơ cấu trong tổng thu tăng nhiều so với năm 2005. Bước sang năm 2007, BIDV sẽ tiếp tục khai thác tối đa các dịch vụ mới từ thẻ, bên cạnh việc đầu tư công nghệ thông tin đảm bảo độ an toàn cao, thông suốt và nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện có nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

■ **Đẩy mạnh quản lý rủi ro**

Trong năm 2006, hoạt động Quản lý rủi ro của BIDV đã có những bước khởi sắc và cải tiến đáng kể so với năm 2005 mặc dù chưa thực sự hoàn thiện theo thông lệ. Về cơ bản, BIDV đã chủ động nhận biết và kiểm soát được rủi ro, không xảy ra các sự cố rủi ro lớn trong phạm vi toàn hệ thống. BIDV đã đạt được những thành quả đáng chú ý trong hoạt động quản lý rủi ro.

Hoạt động kinh doanh của BIDV được thực hiện theo nguyên tắc có phân cấp uỷ quyền cho từng hoạt động nghiệp vụ, từng đơn vị kinh doanh và từng cấp quản lý. Vì vậy, trách nhiệm, quyền hạn trong quản lý hoạt động kinh doanh là khá rõ ràng và đầy đủ.

Tính tuân thủ trong quá trình hoạt động kinh doanh trên phạm vi toàn hệ thống được thực hiện khá tốt; các chỉ đạo điều hành từ Hội sở chính đến các Chi nhánh, đến các phòng, ban kinh doanh cũng như các hướng dẫn nghiệp vụ được tuân thủ nghiêm ngặt.

Hệ thống quản lý thông tin tập trung hiện đại, một công cụ quan trọng cho quá trình quản lý kinh doanh, quản lý rủi ro đã được triển khai khá sớm và đang phát huy hiệu quả tích cực.

Đối với công tác quản lý rủi ro tín dụng, BIDV đã cho ban hành và thực hiện các chính sách tín dụng định hướng công tác tín dụng, chính sách quản lý rủi ro tín dụng cho từng thời kỳ; các qui trình, qui định và các công văn chỉ đạo điều hành cụ thể về hoạt động tín dụng phù hợp với thực tiễn từng giai đoạn; phân cấp uỷ quyền phê duyệt tín dụng cho tập thể, cá nhân có tham gia quy trình thẩm định và phê duyệt tín dụng; xây dựng và phân giao các chỉ tiêu kế hoạch tín dụng cho các đơn vị; rà soát danh mục, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo qui định; thực hiện kiểm tra kiểm soát định kỳ, đột xuất hoặc theo chuyên đề.

Đối với công tác quản lý rủi ro thị trường, BIDV đã thực hiện nghiêm các Qui định của Ngân hàng Nhà nước như Qui định trong quản lý ngoại hối, thực hiện các chỉ tiêu quản lý theo Quyết định 467/QĐ - NHNN; ban hành và tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro thị trường; áp dụng các công cụ để quản lý rủi ro lãi suất, rủi ro tỉ giá theo phương pháp truyền thống: Phân tích khe hở nhạy cảm lãi suất, duy trì cơ cấu tài sản hợp lý, quản lý trạng thái ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện các sản phẩm phái sinh ngoại tệ để phòng ngừa rủi ro, theo sát thông tin diễn biến thị trường. Đặc biệt, công cụ đo lường và quản lý giá trị rủi ro ngoại hối (VaR ngoại hối) đã được xây dựng và đưa vào áp dụng. Hội đồng quản lý Tài sản Nợ - Có cũng đã được thành lập với nhiệm vụ đánh giá mức độ rủi ro của danh mục tài sản trên bảng tổng kết tài sản và giám sát việc tuân thủ các hạn mức quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của hệ thống BIDV.

Công tác quản lý rủi ro tác nghiệp cũng đang trong quá trình dần hoàn thiện và hoạt động theo chuẩn mực. Cơ sở vật chất được tăng cường trong toàn hệ thống, đáp ứng đầy đủ yêu cầu kinh doanh, hệ thống dự phòng được chuẩn bị đảm bảo an toàn trong hoạt động; mô hình tổ chức đang được nghiên cứu triển khai theo hướng quản lý rủi ro tập trung; hệ thống kiểm toán được hình thành và đi vào hoạt động; nghiệp vụ kiểm tra nội bộ một mặt được tăng cường, mặt khác đang được xem xét chuyển đổi mô hình để nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát.

Nhìn chung trong năm 2006, với sự hỗ trợ của các chuyên gia trong khuôn khổ dự án

TA2, cấu phần quản lý rủi ro đã được Ban lãnh đạo BIDV đặc biệt chú trọng, chỉ đạo quyết liệt và thu



Lễ công bố sổ tay kiểm toán nội bộ



Khai trương dịch vụ chuyển tiền nhanh do BIDV và Western Union hợp tác

được những kết quả quan trọng. Trong đó quan trọng nhất là Khái niệm và những yêu cầu chung về quản lý rủi ro, trách nhiệm của từng mảng kinh doanh, của từng cán bộ trong quản lý rủi ro đã được nhận thức khá đầy đủ. Trên cơ sở đó những khuyến nghị về mô hình quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh đã được nghiên cứu, lập đề án cho việc chuyển đổi trong thời gian tối. Đây là một yếu tố quan trọng làm cơ sở cho quá trình hoàn thiện mô hình chức năng của quản lý rủi ro theo thông lệ quốc tế.

HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Việc hoàn thiện mô hình tổ chức là một yêu cầu tất yếu đối với các ngân hàng hiện đại. Đồng thời, khi Việt Nam là thành viên của WTO thì việc hội nhập sâu hơn và gia nhập WTO là một yêu cầu tất yếu khách quan của nền kinh tế nói chung và hệ thống Ngân hàng trong nước nói riêng. Khi đó, trước nguy cơ cạnh tranh từ các ngân hàng nước ngoài, BIDV cũng như các Ngân hàng trong nước khác phải đổi mới với những thách thức và sức ép từ nhiều phía đòi hỏi phải cải cách mạnh mẽ, toàn diện, đưa cơ cấu tổ chức và mô thức quản lý tiến dần đến các thông lệ quốc tế mới có thể chủ động tiếp nhận vốn, công nghệ, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý phục vụ có hiệu quả cho chiến lược cạnh tranh và phát triển BIDV trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, BIDV đang nỗ lực chuẩn bị cho tiến trình Cổ phần hoá trong năm 2007, chuyển đổi cơ cấu tổ chức hợp lý theo hướng thông lệ quốc tế là yếu tố quan trọng làm tăng vị thế, uy tín vốn có của BIDV và do đó, sẽ làm tăng giá trị của BIDV khi tiến hành cổ phần hoá, BIDV sẽ trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Chính từ các yêu cầu cấp bách trên, Ban lãnh đạo BIDV đã quyết tâm chuyển đổi mô hình tổ chức hiện tại. Để đáp ứng chuẩn mực quốc tế, mô hình mới cần đảm bảo được các yêu cầu sau:

- **Thứ nhất là tập trung vào khách hàng.** Điều này sẽ khiến ngân hàng tập trung hơn vào khách hàng bởi khách hàng có vai trò quan trọng nhất trong ngân hàng. Ngân hàng hoàn toàn phụ thuộc vào khách hàng của mình và khách hàng cần được nâng niu và chăm sóc bởi các Cán bộ quản lý quan hệ khách hàng. Thực tế ngân hàng cần phải trở thành một cỗ máy marketing.

- **Thứ hai là tập trung vào sản phẩm.** Mô hình tổ chức của ngân hàng cần tập trung hơn vào sản phẩm. Nền tảng của đề xuất của mô hình tổ chức mới là mỗi sản phẩm được quản lý một cách chủ động bởi một phòng/ban và phòng/ban này chịu trách nhiệm về khả năng sinh lời và sự phát triển của riêng sản phẩm đó.
- **Thứ ba là vai trò hội đồng quản trị** nhằm tăng thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị phải là người lãnh đạo thực quyền của ngân hàng.
- **Thứ tư mỗi cán bộ ngân hàng là một trung tâm lợi nhuận** nhằm đưa trách nhiệm xuống các cấp thấp hơn trong ngân hàng và mỗi nhân viên trong ngân hàng sẽ làm việc cho một trung tâm lợi nhuận nơi họ có thể thực sự tạo ra sự khác biệt và từ đó có các khoản thu nhập thông qua một cơ chế thưởng.
- **Thứ năm, mô hình mới phải đáp ứng được yêu cầu quản trị rủi ro mọi hoạt động Ngân hàng.** Để đáp ứng yêu cầu này, BIDV sẽ phải điều chỉnh, sửa đổi nhiều quy định, quy trình nghiệp vụ của ngân hàng.

Với việc nhận thức được tầm quan trọng của các yêu cầu trên, BIDV đã quyết tâm đổi mới mô hình theo thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, từ mô hình hiện tại, BIDV sẽ cần những bước đệm để vừa có thể từng bước chuyển đổi hoạt động ngân hàng vừa không gây những xáo trộn ảnh hưởng đến việc kinh doanh.

Chính vì vậy, BIDV sẽ chuyển đổi từ một Ngân hàng truyền thống thành một hệ thống ngân hàng hợp nhất theo hướng Ngân hàng đa năng, Hội sở chính kiểm soát các sản phẩm, các kế hoạch tài chính cho từng nhóm khách hàng mục tiêu thông qua các kênh phân phối. Khi đó, HSC sẽ trở nên lớn hơn, trực tiếp kinh doanh một số hoạt động chiến lược: Kinh doanh tiền tệ, tín dụng món lớn, tài trợ thương mại... Các chi nhánh được coi như một kênh phân phối và bán hàng cho HSC, sẽ thu hẹp cả về chức năng, nhiệm vụ, qui mô và phạm vi hoạt động.

Bên cạnh đó, để đảm bảo việc quản lý toàn bộ hoạt động rủi ro của ngân hàng, BIDV sẽ đảm bảo sự phân tách giữa Front Office và Back/Support Office. Nguyên tắc là không có nhân viên nào vừa đàm phán với khách hàng lại vừa có trách nhiệm chi trả. Đây là sự bảo vệ rất cơ bản và mang tính nền tảng đối với ngân hàng, sẽ luôn luôn có hai người báo cáo cho hai khối khác nhau tham gia để một khoản thanh toán có thể được thực hiện.

Cuối cùng, mô hình tổ chức và quy mô của các chi nhánh cũng sẽ có thay đổi đáng kể. Các chi nhánh chủ yếu sẽ chỉ còn 2 chức năng cơ bản: Marketing và tác nghiệp (Operations), các chức năng khác như Tổ chức cán bộ, kinh doanh tiền tệ, cân đối nguồn vốn, tài trợ thương mại, công nghệ thông tin, kiểm tra nội bộ, tín dụng bán buôn (doanh nghiệp)... sẽ chuyển cho HSC.

Nói tóm lại, việc đổi mới mô hình tổ chức là việc rất quan trọng và ảnh hưởng đến hoạt động của toàn ngân hàng. BIDV sẽ coi đây là giải pháp để nhanh chóng trở thành ngân hàng hiện đại, đáp ứng chuẩn mực quốc tế tốt nhất.

CỦNG CỐ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

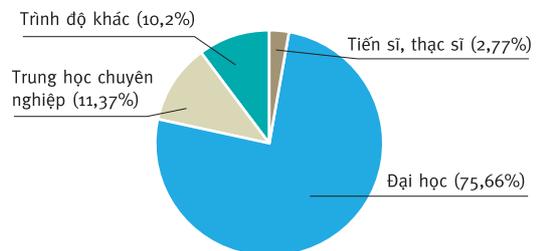
Với mục tiêu phấn đấu trở thành tập đoàn tài chính tín dụng mạnh, ngang tầm các ngân hàng tiên tiến trong khu vực trong giai đoạn 2006-2010, Ban lãnh đạo BIDV đã khẳng định rõ vai trò của công tác phát triển mạng lưới nhằm xây dựng một kênh phân phối hiệu quả các dịch vụ của BIDV tới khách hàng. Năm 2006, mạng lưới hệ thống BIDV bao gồm 103 chi nhánh và sở giao dịch, 328 phòng giao dịch, điểm giao dịch, quỹ tiết kiệm phủ khắp 64 tỉnh, thành phố với công nghệ hiện đại, tạo điều kiện triển khai đồng bộ, hiệu quả các sản phẩm dịch vụ mới trên phạm vi toàn quốc. Thực hiện quyết định số 888/2005/QĐ - NHNN ngày 16/6/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc mở, thành lập và chấm dứt hoạt động sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, xoá bỏ mô hình chi nhánh trong chi nhánh, trong năm 2006, BIDV đã thực hiện đồng bộ, toàn diện và triệt để công tác sắp xếp, củng cố lại mạng lưới hoạt động trong phạm vi toàn hệ thống. Kết quả BIDV đã thực hiện nâng cấp 21 chi nhánh cấp II thành chi nhánh cấp I trực thuộc Hội Sở Chính, đồng thời chuyển 43 chi nhánh cấp II thành phòng giao dịch (PGD), ngoài ra thành lập mới 43 PGD. Việc sắp xếp lại chi nhánh cấp II đã được thực hiện an toàn, không ảnh hưởng đến giao dịch với khách hàng. Các chi nhánh mới được nâng cấp đã ổn định bộ máy tổ chức và nhân sự, hoạt động có hiệu quả và khẳng định chỗ đứng trong địa bàn hoạt động. Việc mở rộng và phát triển mạng lưới kinh doanh của hệ thống BIDV nhằm cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng bán buôn, bán lẻ toàn diện, trọn gói, thực hiện phương châm Đưa Ngân hàng đến với Khách hàng, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển mạng lưới tại các khu vực kinh tế trọng điểm, các tỉnh, thành phố lớn; đảm bảo tăng trưởng quy mô hoạt động gắn với nâng cao hiệu quả, an toàn trong hoạt động kinh doanh, khẳng định thương hiệu và quyết tâm của BIDV trước thềm hội nhập. Theo định hướng đến năm 2010 đã được phê duyệt, mạng lưới BIDV sẽ bao gồm 122 chi nhánh và 514 phòng giao dịch, phục vụ đắc lực cho việc đáp ứng nhu cầu về dịch vụ tài chính ngân hàng cho khách hàng trên mọi miền đất nước.



Nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập và cạnh tranh quốc tế, BIDV đã nhận thức và chủ động đón bắt những cơ hội kinh doanh, trong năm 2006 đã hoàn thành các thủ tục đưa vào hoạt động Công ty liên doanh Quản lý đầu tư BIDV- Vietnam Parner (BVIM), Ngân hàng liên doanh Việt - Nga, mở rộng mạng lưới Công ty bảo hiểm BIDV (BIC) và tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức công ty chứng khoán, công ty Leasing và 2 trung tâm (Đào tạo và CNTT), xúc tiến chuẩn bị các thủ tục để thành lập NHTMCP Công nghiệp và dịch vụ (IS Bank), công ty Đầu tư tài chính (BFC). Việc mở rộng và củng cố phạm vi hoạt động trên các lĩnh vực tài chính, đầu tư, bảo hiểm vv.. là một trong những minh chứng rõ nét nhất cho sự tích cực chủ động nâng cao năng lực và phạm vi hoạt động của BIDV nhằm đáp ứng nhu cầu cạnh tranh khi Việt Nam thực sự hội nhập kinh tế quốc tế.

Song song với kế hoạch phát triển mạng lưới, BIDV đã có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ. Ngân hàng đã có sự quan tâm thích đáng tới chính sách nguồn nhân lực, làm cơ sở cho việc phát triển mạng lưới an toàn, bền vững. Năm 2006, công tác tổ chức cán bộ cũng đã đạt được những kết quả quan trọng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của toàn hệ thống, tạo thêm những tiền đề cơ bản cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Để đáp ứng đòi hỏi về tăng trưởng và phát triển của Ngân hàng, cùng với nhận thức nguồn nhân lực chính là vốn quý của ngân hàng, BIDV không ngừng nỗ lực tăng cường cả số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ. Hiện tại đội ngũ cán bộ của ngân hàng lên tới 10.516 người.

Biểu đồ cơ cấu lao động theo trình độ tại thời điểm 31/12/2006



Một đặc điểm dễ nhận biết của đội ngũ nhân viên BIDV đó là sự trẻ trung, tâm huyết và được đào tạo bài bản, đúng chuyên môn. Việc tuyển dụng cán bộ đã có sự thay đổi theo cung cầu của thị trường lao động, công tác bố trí cán bộ tại HSC và các đơn vị thành viên cơ bản đã đáp ứng nhu cầu lao động của các đơn vị phục vụ cho hoạt động kinh doanh của hệ thống. Đội ngũ cán bộ chủ chốt tại HSC và các đơn vị thành viên thường xuyên được kiện toàn, bổ sung và sắp xếp. Xác định nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng với sự thành công của ngân hàng, công tác đào tạo cán bộ đặc biệt được chú trọng. Trong năm 2006, BIDV đã triển khai nhiều khoá đào tạo gồm các chủ đề khác nhau như quản trị điều hành, nghiệp vụ, ngoại ngữ, đã có 111 đoàn với 351 lượt cán bộ được cử đi học ngoài nước và 32 khoá đào tạo với 307 lượt cán bộ đi học trong nước.

Ngoài việc đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động theo quy định hiện hành của nhà nước và của ngành, BIDV luôn đảm bảo đời sống người lao động, về lương và thu



Lễ trao giải tiết kiệm dự thường đợt 3/2005

nhập được thực hiện theo hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và có sự hỗ trợ đối với những đơn vị mới thành lập hoặc ở những địa bàn khó khăn, cố gắng nâng cao thu nhập cho cán bộ nhân viên ngân hàng, thực hiện chính sách khen thưởng động viên xứng đáng, kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có đóng góp và thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu. Các đoàn thể luôn tạo điều kiện hoạt động, tổ chức phong trào như hội thi hội thao, tạo không khí phấn khởi đoàn kết cho cán bộ trong hệ thống. Các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao, các sinh hoạt đoàn thể của công đoàn, đoàn thanh niên, phụ nữ được chăm lo thoả đáng trên nguyên tắc hiệu quả thiết thực và tiết kiệm chi phí. Môi trường làm việc tại BIDV không ngừng được cải thiện theo hướng tích cực, khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh để tạo động lực phát triển, tạo điều kiện để người lao động học tập, phấn đấu và thăng tiến. Quan điểm về lao động và sử dụng lao động đã thay đổi theo cơ chế thị trường, giữa quyền lợi và trách nhiệm đã có sự cân đối hài hoà, góp phần tạo động lực để cán bộ nhân viên nỗ lực rèn luyện yên tâm công tác và phấn đấu. Để chuẩn bị cho giai đoạn hội nhập, BIDV đã có những định hướng và giải pháp phát triển nhân lực toàn diện từ việc thuê chuyên gia nước ngoài để xây dựng, quản lý, đào tạo và chuyển giao trên các lĩnh vực kinh doanh mới đến việc xây dựng hệ thống khuyến khích đối với người lao động và các cơ chế đào tạo, thăng cấp để lưu giữ nhân tài; nâng cao năng lực quản trị điều hành cho các cấp lãnh đạo; xây dựng đội ngũ chuyên gia trên các lĩnh vực chuyên môn mũi nhọn và lĩnh vực công nghệ nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng tăng khả năng cạnh tranh, hội nhập quốc tế; liên tục đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ của toàn hệ thống, phổ cập và nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học cho cán bộ nhân viên ngân hàng. Đây chính là tiền đề để nâng cao năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của BIDV nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng trong thời gian tới.

PHÁT HUY KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN HIỆN ĐẠI HÓA NGÂN HÀNG, NÂNG TẦM CÔNG NGHỆ, TẠO ĐÀ HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

"Công nghệ thông tin cần được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng"

Đó là mục tiêu của Chỉ thị 58/CT-TW của Bộ Chính trị trong kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại

hoá đất nước. Bám sát chỉ thị này, trong những năm qua BIDV đã không ngừng cải tiến nền tảng công nghệ thông tin theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng nhằm tạo ra các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại.

Thành tựu quan trọng và nổi bật nhất của BIDV trong lĩnh vực công nghệ thông tin trong thời gian qua chính là việc hoàn thành dự án hiện đại hoá ngân hàng. Bắt đầu từ năm 1996, được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt dự án tổng thể, BIDV đã tiếp nhận, điều phối và triển khai dự án với nội dung cơ bản là thiết lập một hệ thống ngân hàng cốt lõi và một số phần mềm ứng dụng chính của ngân hàng với các module như thông tin khách hàng, tiền gửi, tiền vay, kế toán tổng hợp, kho dữ liệu, hệ thống giao dịch tại chi nhánh (BDS: Branch Delivery System), chuyển tiền, kinh doanh tiền tệ, tài trợ thương mại, giao diện với các kênh thanh toán, ATM, ...

Trải qua nhiều giai đoạn, đến tháng 10/2005, toàn bộ hệ thống BIDV đã hoạt động trên một hệ thống thống nhất với cơ sở dữ liệu tập trung, hoạt động theo định hướng khách hàng. Với việc triển khai thành công dự án này, BIDV đã có được những bước phát triển mới, thay đổi cơ bản diện mạo của ngân hàng, đưa hoạt động ngân hàng lên một tầm cao mới.

Dự án hiện đại hóa ngân hàng đã giúp cho BIDV có được một nền tảng công nghệ ngân hàng vững chắc, đem lại cho BIDV sự đồng bộ về công nghệ cũng như cách thức quản lý, khai thác thông tin, đưa hoạt động ngân hàng theo định hướng khách hàng phù hợp với thông lệ quốc tế.

Dự án hiện đại hoá ngân hàng với ưu điểm nổi bật là hệ thống dữ liệu tập trung, định hướng theo khách hàng, xử lý giao dịch trực tuyến, cho phép BIDV có khả năng đưa ra nhanh chóng các sản phẩm mới phục vụ khách hàng trên diện rộng, phát triển các kênh phân phối mới như: HomeBanking, Mobile Banking, InternetBanking, ATM, POS... Sau khi hoàn thành dự án, quy mô và chất lượng của mạng lưới cung cấp dịch vụ chuyển tiền của BIDV trở nên hoàn chỉnh hơn, có tính cạnh tranh cao trong các ngân hàng của Việt Nam hiện nay. Nghiệp vụ tài trợ thương mại được quản lý trong hệ thống với mức độ tự động hóa cao. Ngoài ra, trên nền tảng hệ thống mới, nhiều sản phẩm có các tính năng tiên tiến và tiện dụng cho khách hàng được ra đời như: trả lương tự động, tài khoản thông minh Smart@ccount, thấu chi tài khoản, thanh toán hóa đơn, dịch vụ gửi rút nhiều nơi, HomeBanking... Hệ thống ATM đã đáp ứng các yêu cầu, chức năng cơ bản của một kênh phân phối dịch vụ cho khách hàng. Một số dịch vụ ưu việt hơn so với hệ thống ATM cũ và các hệ thống khác được triển khai như chuyển khoản, in sao kê tài khoản rút gọn, yêu cầu gửi tiền vào tài khoản có kỳ hạn, phát hành đa thẻ, liên kết đa tài khoản. Các sản phẩm dịch vụ của BIDV đã từng bước mang lại hiệu quả như góp phần tăng cường thương hiệu, nhiều người biết đến BIDV, khách hàng nhiều hơn, số lượng giao dịch tăng nhanh, thanh toán luôn được đánh giá tốt nhất (được Citibank chứng nhận), được giải thưởng Sao vàng đất Việt.

Thành công của dự án hiện đại hoá ngân hàng tạo điều kiện cho BIDV có thể tái cấu trúc một cách có hiệu quả theo hướng tách bạch rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, tăng tính an toàn theo hướng tăng cường kiểm tra nội bộ ngay trong quá trình thực hiện nghiệp vụ, quản trị điều hành theo thông lệ quốc tế, minh bạch hoá tài chính... ứng dụng công nghệ thông tin đã thúc đẩy BIDV chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ theo hướng chính quy, hiện đại. Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại cũng cho phép BIDV triển khai các phần mềm phục vụ công tác quản trị và điều hành ngân hàng trên toàn hệ thống với chất lượng cao như phần mềm kế toán nội bộ, quản lý tài sản, quản lý nhân sự - tiền lương, các ứng dụng văn phòng... BIDV là Ngân hàng được cấp chứng chỉ "Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9000-2001" đầu tiên trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.

Nhìn chung với việc thực hiện thành công dự án hiện đại hóa ngân hàng, BIDV đã thay đổi được nền tảng công nghệ theo hướng hiện đại mà các ngân hàng trong khu vực đang áp dụng, tin học hóa được hầu hết các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng. Đây cũng chính là điều kiện không thể thiếu để BIDV có thể trở thành một ngân hàng hoạt động theo thông lệ khu vực và thế giới.

Cùng với việc phát triển công nghệ thông tin, BIDV cũng luôn luôn chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của lĩnh vực công nghệ thông tin. BIDV đã liên tục tổ chức nhiều khoá đào tạo nâng cao chuyên môn và năng lực quản lý cho các cán bộ làm công tác công nghệ thông tin. Nhiều cuộc hội thảo với các đơn vị trong và ngoài ngành về các lĩnh vực như mạng máy tính và truyền thông, ATM, POS, thẻ debit và credit, bảo mật, phát triển phần mềm, MIS nhằm giới thiệu công nghệ và sản phẩm mới được tổ chức thường xuyên với qui mô lớn.

Trong năm 2007 và những năm tiếp theo BIDV đã có những kế hoạch cụ thể để tiếp tục phát triển công nghệ thông tin như:

- Phát triển hệ thống công nghệ thanh toán tiên tiến và hệ thống giao dịch tự động, giao dịch một cửa. Phấn đấu đến năm 2007, về cơ bản các hoạt động giao dịch ngân hàng được thực hiện trên một nền kỹ thuật công nghệ hiện đại, có các chương



trình, sản phẩm dịch vụ ngân hàng tiên tiến đáp ứng kịp thời các nhu cầu khách hàng và vận hành an toàn; Giai đoạn 2008-2010 tiếp tục đầu tư phát triển mở rộng và nâng cao trình độ công nghệ đáp ứng nhu cầu thị trường, đảm bảo duy trì năng lực cạnh tranh, năng lực thể chế để phát triển ổn định và bền vững.

- Triển khai thực hiện dự án bảo mật mạng máy tính nhằm nâng cao độ an toàn, phát hiện ngăn chặn các hành vi thâm nhập mạng máy tính trái phép, xác thực đa yếu tố đối với người sử dụng để kiểm soát nội bộ chặt chẽ và đảm bảo an toàn cho giao dịch của khách hàng đến mức tối đa.
- Xây dựng Trung tâm dự phòng nhằm đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh được thực hiện liên tục, không bị gián đoạn, ngăn ngừa và hạn chế rủi ro bất khả kháng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.
- Có kế hoạch và giải pháp thích hợp để đảm bảo tuân thủ luật bản quyền và các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO trong vấn đề sử dụng bản quyền các phần mềm và các tài sản công nghệ thông tin thuộc diện điều chỉnh của luật và các văn bản pháp lý hiện hành.
- Hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý theo hướng một ngân hàng hiện đại phù hợp với cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng BIDV thành một tập đoàn tài chính ngân hàng có đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực.

DỊCH VỤ NGÀY CÀNG TRỞ THÀNH MỘT LĨNH VỰC KINH DOANH THẾ MẠNH CỦA BIDV

Năm 2006 là một năm đầy sôi động với thị trường tài chính tiền tệ của Việt Nam. Việc Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO hứa hẹn tạo ra một thị trường cạnh tranh mạnh mẽ giữa các ngân hàng trong nước với nhau và với các ngân hàng nước ngoài, trong đó hoạt động dịch vụ sẽ trở thành lợi thế cạnh tranh chủ yếu.

Nắm bắt xu hướng đó, với mục tiêu dài hạn "duy trì vị trí nhà cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu tại Việt nam và mở rộng hoạt động ra nước ngoài", trong năm 2006, bên cạnh việc hoàn thiện, nâng cao về chất lượng các sản phẩm, dịch vụ đang cung cấp, BIDV đã thực hiện những bước phát triển đột phá về hoạt động dịch vụ, không chỉ là đầu tư nâng cấp hệ thống ngân hàng cốt lõi, BIDV đã đẩy mạnh hoạt động Nghiên cứu Phát triển các sản phẩm dịch vụ. Một số sản phẩm dịch vụ quan trọng trong các nhóm sản phẩm chủ yếu đã được triển khai nhằm đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Nhóm sản phẩm kinh doanh tiền tệ: Trong năm 2006, BIDV đã triển khai hai sản phẩm mới là Giao dịch tương lai hàng hóa; Dịch vụ nhận ủy thác quản lý tài sản (thực hiện ủy thác quản lý tài sản cho Vinashin từ nguồn phát hành trái phiếu quốc tế năm

2005). BIDV cùng với Techcombank là hai ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước cho phép triển khai dịch vụ cà phê tương lai, tạo tiền đề để phát triển các nghiệp vụ môi giới giao dịch phái sinh bảo hiểm rủi ro giá đối với hàng hóa khác như dầu thô, xăng, cao su, tiêu, sắt, thép... trong năm 2007.

- Nhóm sản phẩm huy động vốn: 5 sản phẩm huy động vốn mới đã được hiện thực hóa thành công: Tiền gửi lãi suất phân tầng theo số dư, Tiết kiệm dự thưởng, Phát hành kỳ phiếu ngắn hạn, Phát hành chứng chỉ tiền gửi dài hạn, Phát hành trái phiếu tăng vốn. Bên cạnh các sản phẩm huy động vốn hiện tại, các sản phẩm mới này đã góp phần làm tăng đáng kể nguồn vốn huy động của BIDV trong năm 2006, làm cho tốc độ tăng trưởng huy động vốn năm 2006 tăng cao so với năm 2007 (khoảng 30%).

- Nhóm sản phẩm tài trợ thương mại - thanh toán quốc tế: Trong năm 2006 đã triển khai thêm hình thức chiết khấu các bộ chứng từ xuất nhập khẩu theo phương thức nhờ thu giúp các chi nhánh mở rộng thêm các dịch vụ cung cấp cho các khách hàng xuất khẩu. Năm 2006 đã thực hiện được 210 giao dịch chiết khấu bộ chứng từ nhờ thu với giá trị chiết khấu đạt 8,2 triệu USD chiếm 6% doanh số giao dịch chiết khấu.

- Nhóm sản phẩm thẻ: Bên cạnh các loại thẻ BIDV phát hành như Etrans, Vạn dặm, Power, trong năm 2006, BIDV đã chính thức ký Thỏa thuận hợp tác với G7 Mart, trong đó có thỏa thuận về việc phát hành thẻ liên kết BIDV-G7 đầu năm 2007. Đây có thể coi là loại thẻ liên kết đầu tiên của BIDV. Ngoài ra, vào giữa tháng 9/2006 BIDV đã hoàn thành kết nối thanh toán thẻ Visa, tính đến hết 31/12/2006 đã thực hiện được 21.175 giao dịch với tổng trị giá là 21 tỷ VND.

- Nhóm các sản phẩm dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại: Dịch vụ Homebanking (đã triển khai tới 75 khách hàng, chủ yếu là các khách hàng tại địa bàn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); Dịch vụ BSMS tập trung (nâng cấp dịch vụ BSMS hiện tại, đến nay đã triển khai tới 5.000 khách hàng doanh nghiệp).

- Nhóm sản phẩm dịch vụ liên kết (liên kết với các đối tác để cung cấp dịch vụ tài



chính ngân hàng): Trong năm 2006, BIDV đã triển khai hai dịch vụ: Thứ nhất là dịch vụ ngân hàng bảo hiểm (liên kết với AIA) để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm tới khách hàng. Thứ hai là dịch vụ chuyển tiền nhanh WU (liên kết với WU), tuy mới triển khai dịch vụ này được 10 tháng, nhưng số phí thu từ hoạt động dịch vụ này đã tăng gấp 3 lần so với năm 2005 khi BIDV còn là đại lý cấp II của WU.

BIDV chú trọng đầu tư các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, tăng cường các tiện ích cho khách hàng, từng bước chuyển đổi thành một ngân hàng có công nghệ hiện đại, cung cấp các dịch vụ ngân hàng phong phú có tính cạnh tranh cao, hướng tới các tiêu chuẩn quốc tế với một ngân hàng thương mại đa năng. Với lợi thế sẵn có của nền tảng khách hàng ổn định, vững mạnh, 2007 BIDV tiếp tục vượt qua thách thức để tiếp tục tăng tốc, phát triển hơn nữa hoạt động kinh doanh dịch vụ. Các nhóm giải pháp bao gồm:

- Chuyển đổi mô hình kinh doanh dịch vụ: Cơ cấu lại khối kinh doanh dịch vụ: Phân định rõ ràng các bộ phận chức năng kinh doanh (bộ phận bán buôn, bán lẻ), dần theo thông lệ quốc tế để tăng cường quản lý xây dựng kinh doanh theo chiều dọc một cách tốt nhất; Cơ cấu lại khối Bán lẻ tại Hội sở chính đồng bộ theo từng sản phẩm; Từng bước triển khai mô hình chi nhánh bán lẻ tại các thành phố - khu đô thị - các trung tâm thương mại dịch vụ; Thành lập Công ty thẻ để tăng cường kinh doanh dịch vụ và hướng tới hoạt động kinh doanh thẻ chuyên nghiệp và dần dần chuyển theo mô hình quản lý theo từng sản phẩm, kênh phân phối.
- Phát triển công nghệ: Hoàn thiện hơn nữa hệ thống SIBS để nâng cao chất lượng của các sản phẩm dịch vụ hiện tại và triển khai các sản phẩm dịch vụ mới; Xây dựng chương trình báo cáo hỗ trợ tự động; Đầu tư trang bị máy chủ để có thể cung cấp dịch vụ BSMS tới tất cả các đối tượng khách hàng chứ không chỉ khách hàng doanh nghiệp; Đảm bảo an ninh mạng, an toàn cho hoạt động kinh doanh và cho khách hàng, tạo tiền đề cho việc phát triển dịch vụ Internet banking.
- Cải tiến chất lượng dịch vụ hiện tại: Bên cạnh việc cung cấp dịch vụ BSMS tập trung cho khách hàng doanh nghiệp, bổ sung thêm đối tượng khách hàng cá nhân; Phát triển dịch vụ thanh toán hóa đơn, Hoàn thiện sản phẩm thanh toán lương; Bổ sung các tiện ích mới cho ATM như thanh toán hóa đơn, thanh toán phí bảo hiểm, tiền nước, điện thoại...
- Phát triển các sản phẩm dịch vụ, kênh phân phối mới: Năm 2007, BIDV sẽ tiếp tục đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới: Thu đổi ngoại tệ tiền mặt không đủ tiêu chuẩn lưu thông (Nhóm sản phẩm kinh doanh tiền tệ), Sản phẩm tiết kiệm bằng vàng, Kinh doanh giấy tờ có giá (Nhóm sản phẩm huy động vốn), Bao thanh toán - Factoring, Chia sẻ rủi ro giao dịch với các định chế tài chính, Xác nhận thu tín dụng cho các định chế tài chính (Nhóm sản phẩm tài trợ thương mại - thanh toán quốc tế), Kết nối thanh

toán thẻ với Banknet, Thanh toán hóa đơn qua ATM, Gửi tiền vào máy giao dịch tự động (CDM), Phát hành thẻ Visa, Chấp nhận thanh toán thẻ Master (Nhóm sản phẩm thẻ), Dịch vụ Internet banking, mở rộng cung cấp dịch vụ BSMS tập trung cho các khách hàng cá nhân (Nhóm các sản phẩm dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại), Dịch vụ cung cấp thông tin quản lý tài chính, Nhờ thu tự động (nhóm sản phẩm dịch vụ thanh toán), Nghiệp vụ nhận bảo quản tài sản quý, giấy tờ có giá và cho thuê kết sắt.

- Bên cạnh đó là việc tăng cường hoạt động marketing nhằm quảng bá sản phẩm dịch vụ cũng như nâng cao hơn nữa hình ảnh và vị thế của BIDV, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường; và phát triển hơn nữa nguồn nhân lực thông qua tuyển dụng nhân tài và đào tạo trong nước cũng như nước ngoài cho cán bộ làm công tác phát triển sản phẩm dịch vụ.

Kế hoạch năm 2007, thu dịch vụ ròng của toàn ngành tăng trưởng tối thiểu là 84% so với năm 2006. Tổng thu dịch vụ ròng toàn ngành dự kiến đạt khoảng 1.015 tỷ VND trong đó thu từ khối ngân hàng đạt 960 tỷ VND. Mức tăng trưởng của các hoạt động dịch vụ: Thu từ Bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ tăng trưởng 87%, kinh doanh thẻ tăng trưởng 200%, thanh toán tăng trưởng 85%, các hoạt động khác tăng trưởng 78% so với năm 2006. Công ty bảo hiểm BIC, thu dịch vụ ròng từ hoạt động bảo hiểm tăng trưởng 85% so với năm 2006. Công ty Chứng khoán BSC, thu phí ròng từ hoạt động kinh doanh chứng khoán tăng trưởng 86% so với năm 2006.

BIDV xác định việc phát triển các hoạt động dịch vụ phải thoả mãn ba yêu cầu chính. Một là, chất lượng dịch vụ phải ngày một ổn định hơn với sự đột phá về công tác tiếp thị và chủ động thoả mãn nhu cầu của khách hàng. Hai là, phát triển dịch vụ phù hợp với xu thế giao dịch theo thông lệ quốc tế. Ba là, phát triển dịch vụ gắn liền với sự phát triển của công nghệ ngân hàng và công nghệ thông tin.

- Về yêu cầu thứ nhất, các quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn sử dụng, phải được rà soát thường xuyên, và được triển khai bài bản đồng bộ trên toàn hệ thống cả về nghiệp vụ và thống nhất về mặt tiếp thị. Các hoạt động marketing, tiếp thị sản phẩm, các hoạt động thương hiệu sẽ có những bước đột phá. Các phản hồi của khách hàng cần được truyền đạt tới cấp quản lý cao, cần có nhiều các hoạt động thăm dò ý kiến khách hàng. Điều đó có nghĩa là BIDV sẽ quan tâm đến vòng đời mới của sản phẩm, có kế hoạch hoàn thiện, chủ động nâng cấp sản phẩm một cách phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Về yêu cầu thứ hai, phải hướng giao dịch của khách hàng phù hợp với các thông lệ quốc tế. Các giao dịch ngân hàng đơn giản sẽ chuyển dần sang các kênh phân phối mới như ATM, e-banking, mobile banking, homebanking chứ không còn thực hiện tại quầy như hiện nay. Giao dịch viên sẽ giữ vai trò như một chuyên viên tiếp thị các dịch vụ ngân hàng phức tạp, đáp ứng nhu cầu giao dịch và tư vấn cao hơn của khách hàng.



- Về yêu cầu thứ ba, BIDV sẽ thực hiện một quy trình công nghệ phát triển sản phẩm mới chặt chẽ từ khâu nghiên cứu thị trường, xây dựng ý tưởng, báo cáo đầu tư đến thẩm định, mua sắm thiết bị, xây dựng ứng dụng và vận hành. BIDV sẵn sàng chấp nhận các dự án đón đầu công nghệ, có vốn đầu tư cao nhưng phù hợp với xu hướng phát triển tiên tiến và lâu dài của ngành ngân hàng, ưu tiên các dự án dựa trên nền tảng phát triển của công nghệ thông tin, mang lại những lợi ích tiện dụng và nhanh chóng cho khách hàng trong thực hiện giao dịch, quản lý dòng tiền và quản lý vốn đầu tư.

Trên cơ sở các giải pháp và yêu cầu cơ bản trên, BIDV xác định đến 2010 sẽ trở thành một tập đoàn tài chính đa năng, hiện đại, chất lượng các sản phẩm, dịch vụ của BIDV tương đương các ngân hàng lớn của các quốc gia trong khu vực, góp phần tăng năng lực cạnh tranh của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế.

Một mặt, BIDV định hướng phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích được định hướng theo nhu cầu của nền kinh tế trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ ngân hàng truyền thống, đồng thời tiếp cận nhanh hoạt động ngân hàng hiện đại và dịch vụ tài chính ngân hàng mới có hàm lượng công nghệ cao để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của nền kinh tế và tối đa hóa các giá trị gia tăng.

Mặt khác, BIDV sẽ tăng cường sự liên kết hợp tác với các tổ chức tín dụng và phi tín dụng khác trong việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới, chuyển giao công nghệ, cung ứng các dịch vụ ngân hàng theo nhu cầu thị trường. Phát triển hệ thống ngân hàng đa dạng, gắn kết chặt chẽ các dịch vụ tín dụng và phi tín dụng, giữa dịch vụ ngân hàng và dịch vụ tài chính phi ngân hàng để cung cấp nhiều dịch vụ ngân hàng có chất lượng theo tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế và với giá hợp lý.

Trước làn sóng cạnh tranh mạnh mẽ của cả các ngân hàng trong nước và nước ngoài, một định hướng quan trọng của BIDV đến năm 2010 là từng bước xây dựng BIDV trở thành ngân hàng bán lẻ và đến năm 2010, 40-50% nguồn thu dịch vụ của BIDV sẽ đến từ khu vực kinh doanh bán lẻ. Ý tưởng cơ bản và quan trọng nhất trong việc triển khai hoạt động

kinh doanh ngân hàng bán lẻ là BIDV sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính tích hợp (Integrated Financial services provider IFSP) trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ. Tiêu chí tích hợp ở đây được thể hiện cả trong thị trường mục tiêu, danh mục sản phẩm cung cấp và các kênh phân phối. Về mặt chiến lược tổng quát, BIDV xác định mục tiêu xây dựng và phát triển chiến lược kinh doanh ngân hàng bán lẻ. BIDV sẽ cung cấp dịch vụ tài chính cho mọi đối tượng khách hàng có nhu cầu, ưu tiên phục vụ nhóm đối tượng trung và cao cấp hoặc giới trẻ (vì đây là nhóm đối tượng có triển vọng mang lại thu nhập cho ngân hàng trong tương lai).

Không chỉ giới hạn ở những dịch vụ ngân hàng truyền thống, BIDV chủ trương đáp ứng mọi nhu cầu tài chính cho khách hàng. Trong danh mục sản phẩm bán lẻ của mình, BIDV sẽ hướng trọng tâm vào hai lĩnh vực đầy tiềm năng là những sản phẩm mang tính chất đầu tư cá nhân (wealth accumulation) và các sản phẩm bảo hiểm. Các sản phẩm mang tính chất đầu tư cá nhân bao gồm: tiết kiệm cá nhân, tín dụng cá nhân (cho vay mua nhà, sửa nhà, mua ô tô, du học,...), tư vấn đầu tư, quản lý danh mục đầu tư,...

Đây là hai gói dịch vụ còn tương đối mới mẻ và còn rất nhiều tiềm năng ở Việt nam. Có thể nói với số dân trên 80 triệu người cùng với việc đời sống người dân không ngừng được cải thiện thì đây chính là hai mảnh đất còn vô cùng màu mỡ cho các ngân hàng nói chung và cho BIDV nói riêng.

Hơn thế nữa, các dịch vụ ngân hàng tích hợp đó sẽ được cung cấp thông qua đa kênh phân phối. BIDV sẽ đẩy mạnh phát triển các kênh phân phối mới, hiện đại, tăng thêm tiện ích cho khách hàng. Các kênh phân phối trong thời gian tới có thể được chia thành 4 nhóm như sau: Nhóm E-banking; Nhóm Call-center, Mobi-Banking; Nhóm gặp gỡ và tiếp xúc trực tiếp: hệ thống chi nhánh, ATM, POS, Kios Banking...; Kênh phân phối của bên thứ 3 như kênh phân phối của các hãng hàng không, công ty bảo hiểm, công ty sản xuất ô tô, công ty xây dựng...

Phát triển dịch vụ đã trở thành trọng tâm chiến lược của BIDV. Dịch vụ sẽ dần thay thế tín dụng thành lợi thế cạnh tranh của BIDV trên thị trường tài chính ngân hàng với vị thế là "nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng hàng đầu Việt Nam".



Lộ trình hội nhập hậu WTO

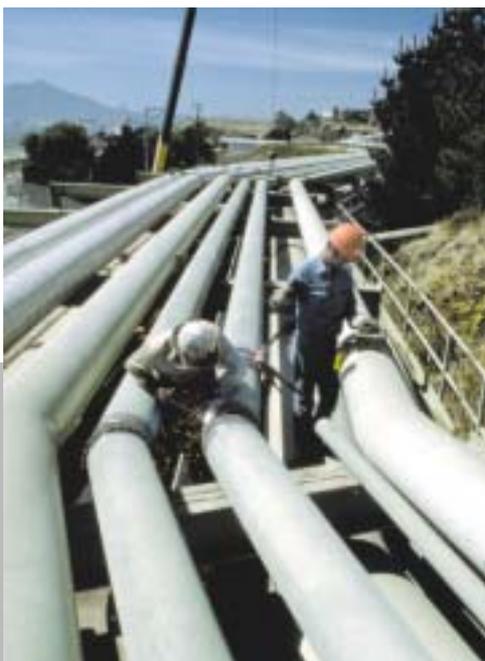
Năm 2006 đã đánh dấu một bước tiến dài của Việt Nam với việc được kết nạp vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) sau một quá trình thương lượng gian nan kéo dài hơn 10 năm bắt đầu từ năm 1995. Kể từ ngày 17/1/2007, Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại toàn cầu và chấp nhận các luật chi chung của tổ chức này. Việc gia nhập WTO đặt ra nhiều thời cơ và thách thức đối với sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam nói chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Là một ngân hàng thương mại quốc doanh hàng đầu của Việt Nam hiện nay, BIDV đã có nhận thức đúng đắn về quá trình hội nhập quốc tế, chủ động xây dựng cho mình kế hoạch hành động; vạch ra mục tiêu chiến lược trong thời gian tới và hiện ngân hàng đang có những nỗ lực vượt bậc để thực hiện cải cách trên tất cả các lĩnh vực.

Nhìn chung, BIDV có những thuận lợi về mặt khách quan và sức mạnh nội tại giúp ngân hàng tận dụng các thời cơ do hội nhập mang lại.

- **Thứ nhất**, về mặt khách quan, đó là môi trường kinh tế thuận lợi với tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam liên tục đạt mức cao và ổn định trong nhiều năm qua, cầu nội địa và vốn đầu tư nước ngoài lớn.
- **Thứ hai**, về mặt chủ quan, BIDV có đội ngũ lãnh đạo, quản lý nhạy bén, có tầm nhìn chiến lược, có tư duy cởi mở linh hoạt với uy tín cao trong cộng đồng tài chính. Đội ngũ nhân viên BIDV có tâm huyết, trẻ trung, năng động và trình độ chuyên môn cao. BIDV có mạng lưới hoạt động với tổng số 103 chi nhánh và sở giao dịch, 328 phòng giao dịch phủ khắp 64 tỉnh, thành phố. Các chỉ tiêu cơ bản của BIDV về tổng tài sản, tổng vốn huy động, và dư nợ tín dụng đều đạt mức tăng trưởng bình quân cao. Hiện tại, BIDV đang trong quá trình tái cơ cấu mạnh mẽ chuyển sang hoạt động theo thông lệ quốc tế. Trong giai đoạn 2001 -2005, BIDV đã triển khai đồng bộ Đề án cơ cấu lại được chính phủ phê duyệt và Dự án hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán do Ngân hàng thế giới tài trợ, tiến tới phát triển thành một Ngân hàng đa năng hàng đầu của Việt Nam, hoạt động ngang tầm với các ngân hàng trong khu vực. Chương trình cổ phần hoá BIDV cũng đã đang được xúc tiến mạnh, hướng tới sự đổi mới cơ bản trong quản trị điều hành, cải thiện về năng lực tài chính và năng lực hoạt động.

Trong bối cảnh hậu WTO, để đạt được các mục tiêu nói trên, BIDV sẽ thực thi các biện pháp tổng thể mang tính đồng bộ và toàn diện nhằm chủ động nắm bắt các cơ hội thị trường và cơ hội hợp tác kinh doanh, xác định các lĩnh vực có tiềm năng và BIDV có thể mạnh để đầu tư phát triển, khai thác tối đa lợi thế của ngân hàng đi trước; đồng thời, phát triển kinh doanh gắn liền với quản lý rủi ro và lành mạnh tài chính; tăng trưởng gắn liền với hiệu quả và phát triển bền vững. Các biện pháp bao gồm:

- **Một là** nâng cao năng lực tài chính đưa ngân hàng hoạt động theo chuẩn mực chung; kinh doanh có hiệu quả. Mục tiêu đến năm 2010, các chỉ tiêu về cơ cấu tài chính và hiệu quả kinh doanh được phản ánh theo các chỉ tiêu phù hợp thông lệ quốc tế và đạt mức chung của các ngân hàng hàng đầu trên thế giới.
- **Hai là** tiếp tục đổi mới tổ chức, quản trị điều hành và hoạt động theo Luật pháp và thông lệ quốc tế. Cơ bản hoàn thành sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo thông lệ quốc tế của một ngân hàng hiện đại; nâng cao năng lực quản trị điều hành và hoạch định chính sách; phát triển hệ thống thông tin quản lý tập trung và quản lý rủi ro độc lập, tập trung toàn hệ thống dựa trên một nền công nghệ thông tin hiện đại.
- **Ba là** nâng cao khả năng cạnh tranh về mọi mặt đáp ứng tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng. Xác định rõ chiến lược khách hàng và thị trường; nâng cao năng lực tài chính; phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng với chất lượng cao dựa trên nền công nghệ hiện đại và linh hoạt với mạng lưới phân phối rộng khắp nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của nền kinh tế; chú trọng thu hút và lưu giữ nhân tài đáp ứng nhu cầu hội nhập.



- **Bốn là** triển khai thành công chương trình cổ phần hoá và vận hành ngân hàng cổ phần theo thông lệ.

- **Năm là** xây dựng lộ trình cho các chương trình hành động để chủ động hội nhập quốc tế thành công.

Lộ trình hội nhập cụ thể của BIDV được chia làm ba giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất từ năm 2007 đến năm 2008: Nhiệm vụ của giai đoạn này là lành mạnh hóa tài chính, cơ cấu lại tổ chức và quản trị điều hành phù hợp thông lệ và cổ phần hóa thành công; xác định và phát triển các lĩnh vực kinh doanh chiến lược, khách hàng chiến lược, đối tác chiến lược và thị trường chiến lược; chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ hội nhập; bắt đầu triển khai chính sách cải tiến hệ thống thông tin phục vụ quản lý và kinh doanh.
- Giai đoạn thứ hai từ năm 2009 - 2010: Giai đoạn này tập trung phát triển mạnh các lĩnh vực kinh doanh chiến lược, xây dựng và phát triển thương hiệu Ngân hàng mạnh trong khu vực, cơ bản hoàn thành đầu tư công nghệ thông tin hiện đại nhất, đáp ứng các chuẩn mực hoạt động theo Basel 1 và từng bước chuẩn bị điều kiện để áp dụng Basel 2.
- Giai đoạn thứ ba từ năm 2010 đến năm 2015: Nhiệm vụ của giai đoạn này là tiếp tục phát triển thương hiệu trong khu vực và trên trường quốc tế; mở rộng hiện diện của BIDV ra thị trường quốc tế; trở thành ngân hàng hoạt động theo chuẩn mực quốc tế, đáp ứng theo yêu cầu của Basel 2.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là một trong những nội dung của đường lối đổi mới được tiến hành ở nước ta từ năm 1986. Giai đoạn hậu WTO, thuận lợi rất nhiều, nhưng thách thức cũng không phải là ít. Với những kế hoạch tổng thể và lộ trình, giải pháp cụ thể cùng quyết tâm chuyển mình đón nhận vận hội mới, BIDV hy vọng sẽ trở thành một trong những tập đoàn tài chính - ngân hàng mạnh, chất lượng ngang tầm các ngân hàng tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á trong thời gian không xa.



Mục tiêu 2007 - 2010 và kế hoạch cổ phần hóa

MỤC TIÊU NĂM 2007

- **Mục đích, tôn chỉ:** Xây dựng BIDV thành ngân hàng đa sở hữu, kinh doanh đa lĩnh vực, hoạt động theo thông lệ quốc tế, chất lượng ngang tầm các ngân hàng tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.
- **Tâm nhìn:** Ngân hàng chất lượng uy tín hàng đầu tại Việt Nam.
- **Các chỉ tiêu cơ bản giai đoạn 2006-2010:**

Nhóm chỉ tiêu về tăng trưởng:

- Tổng tài sản: ước đạt 300.000 tỷ VND (tương đương 17 tỷ USD)
- Tốc độ tăng trưởng bình quân:
 - Tổng tài sản: 20%/năm
 - Nguồn vốn: 21%/năm
 - Tín dụng: 17%/năm
 - Đầu tư: 31%/năm

Nhóm chỉ tiêu về chất lượng:

- Năng lực tài chính: CAR tối thiểu 10%
 - Cơ cấu dư nợ /tài sản có < 62%
 - Nợ trung dài hạn /Tổng dư nợ < 40 %
 - Nợ dài hạn /Tổng dư nợ < 27%
 - Nợ ngoài quốc doanh /Tổng dư nợ > 80%
 - Cơ cấu đầu tư /Tài sản có > 24%
 - Cơ cấu thu dịch vụ ròng /lợi nhuận trước thuế > 40%/năm
 - Nợ xấu < 5% tổng dư nợ
 - Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân: 40%/năm
 - Khả năng sinh lời: ROA > 1%; ROE > 15%
- **Các mục tiêu ưu tiên của BIDV**
 - Tiếp tục là nhà cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu tại Việt nam và mở rộng hoạt động ra nước ngoài.

- Thực hiện kế hoạch Cổ phần hóa một cách tích cực và chủ động.
- Đẩy mạnh tái cơ cấu ngân hàng; phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị thành viên.
- Đạt được một bảng cân đối kế toán lành mạnh; giải quyết triệt để vấn đề Nợ xấu.
- Hệ số An toàn Vốn đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Tăng trưởng ngân hàng trên cơ sở khả năng sinh lời và bền vững.
- Áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất.
- Cải thiện và phát triển hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng.
- Cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho thị trường mục tiêu đã lựa chọn; phát triển mạng lưới kênh phân phối sản phẩm.

KẾ HOẠCH CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu:

- Mục tiêu của chương trình cổ phần hoá BIDV là nhằm xây dựng BIDV trở thành một ngân hàng đa sở hữu, kinh doanh đa lĩnh vực, có vị thế hàng đầu tại Việt Nam, hoạt động theo thông lệ quốc tế, chất lượng ngang tầm với các ngân hàng tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.
- Minh bạch hoá và nâng cao năng lực tài chính, giải quyết triệt để vấn đề nợ xấu, thúc đẩy khả năng sinh lời, phát triển kinh doanh một cách bền vững;
- Tạo ra áp lực cải cách mạnh mẽ trong mọi hoạt động của BIDV, kiện toàn mô hình tổ chức, tạo ra cơ cấu quản trị điều hành hiệu quả, hiện đại hoá công nghệ, phát triển nguồn nhân lực theo chuẩn mực khu vực và quốc tế để nâng cao sức cạnh tranh, đáp ứng hội nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế.

2. Yêu cầu:

- Đa dạng hoá hình thức sở hữu nhằm nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động.
- Xác định giá trị doanh nghiệp một cách đầy đủ, chính xác để đảm bảo lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động.
- Quá trình cổ phần hoá được thực hiện công khai, minh bạch, có tính cạnh tranh cao, theo nguyên tắc thị trường, đồng thời đảm bảo diễn ra an toàn, không gây biến động tiêu cực đến hoạt động ngân hàng nói chung và của BIDV nói riêng.



- Thu hút sự tham gia góp vốn, tận dụng kinh nghiệm quản lý, ứng dụng công nghệ, tiếp cận tiêu chuẩn kinh doanh hiện đại của một số cổ đông chiến lược nước ngoài cũng như huy động được vốn của các nhà đầu tư trong nước thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Hình thành nhóm chính sách động lực đối với người lao động thông qua các chính sách ưu tiên mua, nắm giữ cổ phiếu ưu đãi, quyền mua cổ phiếu; chính sách đãi ngộ, tiền lương, thu nhập; chính sách đào tạo và bồi dưỡng trình độ cho người lao động; chính sách thu hút nhân tài v.v..

3. Hình thức, đối tượng mua cổ phần

- Giữ nguyên vốn Nhà nước hiện có tại BIDV, phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn. Trong giai đoạn đầu, tỷ lệ cổ phần của Nhà nước sẽ chiếm 70% và đến giai đoạn hai, tỷ lệ cổ phần của Nhà nước sẽ giảm xuống nhưng không thấp hơn 51%.
- Các nhà đầu tư nước ngoài: Tuân thủ quy định hiện hành về tỷ lệ tham gia góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp cổ phần. BIDV sẽ lựa chọn từ hai cổ đông nước ngoài trở lên, trong đó có một nhà đầu tư nước ngoài là cổ đông chiến lược.
- Các nhà đầu tư trong nước (pháp nhân và thể nhân): sở hữu phần vốn còn lại theo quy định của Nhà nước (sau khi tính toán xác định cụ thể tỷ lệ góp vốn của Nhà nước và nhà đầu tư chiến lược nước ngoài). BIDV cũng cân nhắc đa dạng hóa các cổ đông lớn trong nước cũng như nước ngoài, xem xét thế mạnh của từng nhà đầu tư để tạo nên sức mạnh tổng hợp.
- Cổ phần hóa gắn với niêm yết trên thị trường chứng khoán trong và ngoài nước.

4. Lộ trình cổ phần hóa và niêm yết:

- Lựa chọn tư vấn cổ phần hóa: quý II/2007.
- Xây dựng phương án cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp, lựa chọn cổ đông chiến lược: quý III/2007.
- Phát hành cổ phần lần đầu (IPO): quý IV/2007.
- Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam: trong 6 tháng đầu năm 2008.
- Tích cực hoàn thiện các điều kiện để niêm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế vào thời gian thích hợp.





Hoạt động xã hội cộng đồng

Nhận thức được một trong những mục tiêu của kinh doanh chính là đóng góp xây dựng phát triển cộng đồng, BIDV luôn không ngừng tự xây dựng cho mình một hướng đi riêng và thiết thực trong hoạt động này không chỉ để đáp ứng kêu gọi của cộng đồng xã hội mà còn là một tiêu chí của văn hoá và đạo đức doanh nghiệp.

■ BIDV với các hoạt động từ thiện, xoá đói giảm nghèo

Hơn 9 tỷ VND là con số mà BIDV đã hưởng ứng hỗ trợ các chương trình xã hội như ủng hộ quỹ chất độc màu da cam, tặng quà Tết cho đồng bào dân tộc, xây nhà tình nghĩa, tôn tạo nghĩa trang Trường Sơn lịch sử; hỗ trợ xoá đói giảm nghèo với các chương trình của báo Nhân đạo và các tỉnh miền núi; hỗ trợ giáo dục với các quỹ khuyến học, tài trợ học bổng; hỗ trợ các khắc phục thiên tai của cơn bão Chanchu, Xangsane, cháy nổ gây thiệt hại lớn.

■ BIDV với các quỹ phát triển cộng đồng

BIDV xây dựng 5 quỹ phát triển xã hội cộng đồng tại ngân hàng gồm Quỹ khắc phục thiên tai, Quỹ Bảo trợ trẻ em, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo. Sự hình thành của các quỹ xuất phát từ ý tưởng của Ban lãnh đạo ngân hàng kết hợp với mong muốn chia sẻ với cộng đồng của các cán bộ nhân viên BIDV.

■ Hướng đi mới để hiện thực hoá hiệu quả kinh doanh trong hoạt động phát triển cộng đồng

Nhằm nâng cao tinh thần chia sẻ với cộng đồng xã hội của cán bộ BIDV cũng như tạo ra các sản phẩm tinh thần và vật chất thiết thực cho cộng đồng, bên cạnh các công trình đầu tư phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng khắp mọi miền đất nước, BIDV đã có nhiều ý tưởng và bước đi mới để đẩy mạnh công tác đóng góp vào xã hội, cộng đồng của ngân hàng theo nhiều hình thức như chủ động đề ra mục tiêu và đăng ký với địa phương để hỗ trợ phát triển từ các công trình công cộng nhỏ lẻ đến phát triển toàn diện các xã, huyện có tỷ lệ đói nghèo cao.

Song song đó, BIDV đã mạnh dạn kiến nghị với Chính phủ Việt Nam để hiện thực hoá mục tiêu của ngân hàng bằng các đề xuất như Chính phủ xây dựng cơ chế để các tập đoàn nhận hỗ trợ toàn diện cho xã, trạm điện, trường học, trại...; miễn thuế các khoản kinh phí đóng góp cho công tác từ thiện để kêu gọi và huy động được nhiều đơn vị, tổ chức tham gia hoạt động.



...BIDV đã có nhận thức đúng
đến về quá trình hội nhập
quốc tế, chủ động xây dựng
cho mình kế hoạch hành
động, vạch ra mục tiêu chiến
lược trong thời gian tới...

Hoạt động của các đơn vị thành viên

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH I (BLC1)

Hướng tới mục tiêu đa dạng hoá hoạt động ngân hàng, cung cấp danh mục sản phẩm ngày một phong phú cho khách hàng, BIDV là ngân hàng đi đầu trong triển khai hoạt động cho thuê tài chính thông qua thành lập công ty BLC1 BIDV. Là công ty trực thuộc đầu tiên của BIDV đồng thời cũng là một trong hai công ty tài chính đầu tiên trên thị trường công ty tài chính, thành lập năm 1998, BLC1 đã trải qua gần 10 năm hoạt động.

Kế thừa các bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư phát triển cũng như hệ thống khách hàng truyền thống của ngân hàng mẹ, công ty đã nhanh chóng nắm bắt và triển khai hoạt động Cho thuê tài chính vốn còn hết sức mới mẻ đối với cả công ty và khách hàng. Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho thuê bình quân qua các năm đạt 49%. Tới năm 2006, tổng dư nợ cho thuê đạt 936 tỷ VND, thị phần chiếm khoảng gần 10%, tập trung chủ yếu tại các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Tp. Hồ Chí Minh (trước khi tách chi nhánh) và một số vùng kinh tế trọng điểm khác. Cơ cấu khách hàng cho thuê của Công ty được xây dựng phù hợp với thông lệ quốc tế với tỷ trọng cho thuê khối ngoài quốc doanh chiếm trên 70%. Tài sản cho thuê đã mở rộng đa dạng hơn nhiều so với những năm đầu mới thành lập, và từng bước đã có sự lựa chọn về chủng loại thiết bị nhằm hạn chế rủi ro. Có thể nói trong chặng đường hoạt động của mình, công ty đã có những đóng góp đáng kể vào sự hoàn thiện thị trường cho thuê tài chính của Việt Nam và đã được Ngân hàng Nhà nước ghi nhận.

Một số chỉ tiêu hoạt động chính của Công ty từ khi thành lập:

| | | <i>(Đơn vị tính: tỷ VND)</i> | | | | | | | |
|----|--------------------------|------------------------------|-------|--------|-------|-------|-------|---------|-------|
| TT | Chỉ tiêu | 1999 | 2000 | 2001 | 2002 | 2003 | 2004 | 2005(*) | 2006 |
| 1 | Vốn điều lệ | 55 | 55 | 55 | 102 | 102 | 102 | 102 | 200 |
| 2 | Tổng tài sản | 62 | 105 | 304 | 580 | 772 | 1.063 | 910 | 950 |
| 3 | Dư nợ cho thuê tài chính | 55 | 91 | 300 | 547 | 765 | 1.059 | 907 | 932 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 5,5 | 6,8 | 5,7 | 11,6 | 13,3 | 14,1 | 0,127 | 1,27 |
| 5 | Tỷ lệ nợ quá hạn | - | 0,08% | 0,002% | 0,85% | 1,07% | 1,5% | 8,8% | 11,7% |

(*) Cuối năm 2004, chi nhánh Công ty tại tp. HCM đã được tách ra để thành lập Công ty cho thuê tài chính 2.



CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH II (BLC2)

Năm 2006 là năm mà Công ty BLC2 đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch giao. Các chỉ tiêu tổng tài sản, dư nợ, lợi nhuận trích trước dự phòng rủi ro đều có tăng trưởng khá so với năm 2005. Tổng tài sản năm 2006 đạt 455 tỷ VND, dư nợ cho thuê đạt 459,6 tỷ VND (chiếm khoảng 4,7% thị phần cho thuê tài chính). Đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, đạt 9,1 tỷ VND bằng 182% kế hoạch và tăng 106,8% so với năm 2005. Các chỉ tiêu ROA, ROE đều tăng so với năm 2005 và đạt kế hoạch được giao.

Một số chỉ tiêu hoạt động chính của Công ty từ khi thành lập.

(Đơn vị tính: triệu VND)

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2005 | Năm 2006 |
|----|----------------------|----------|----------|
| 1 | Vốn điều lệ | 150.000 | 150.000 |
| 2 | Tổng tài sản | 413.000 | 455.000 |
| 3 | Tổng dư nợ | 425.000 | 459.600 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 4.100 | 9.100 |
| 5 | Tỷ lệ nợ quá hạn | 0,87% | 0,22% |

Hiện nay Công ty đã cho thuê với khách hàng ở hầu hết các tỉnh miền Nam. Tuy nhiên với mục tiêu ngày càng phát triển, nâng cao thị phần và phục vụ khách hàng tốt hơn, Công ty có kế hoạch mở thêm chi nhánh tại khu vực miền Trung trong thời gian tới để có thể cung cấp dịch vụ đến khách hàng ở khu vực này được thuận lợi.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BIDV (BSC)

Được khai trương ngày 7/7/2000, BSC vinh dự trở thành Công ty Chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai Công ty Chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau gần 7 năm hoạt động, BSC đã không ngừng vươn lên để trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu trên thị trường.

Năm 2006 đánh dấu sự bùng nổ của thị trường chứng khoán Việt Nam với những sự kiện nổi bật như Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 1/1/2007; Sự bùng nổ các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nhằm đón đầu quy định về mức vốn pháp định mới (đến hết năm 2006 đã có gần 60 công ty chứng khoán và 20 công ty quản lý quỹ được cấp phép). Bên cạnh đó, việc cắt giảm ưu đãi thuế cho doanh nghiệp niêm yết từ ngày 1/1/2007 đã tạo ra làn sóng lên sàn, bao gồm cả các ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm với các tên tuổi lớn như ACB, Sacombank, SSI, BVSC, FPT, Bảo Minh... Tính đến ngày 31/12/2006 đã có 193 công ty niêm yết/dăng ký giao dịch tại các trung tâm giao dịch chứng khoán. Chỉ số VN-Index đạt 751,77 điểm, HASTC-Index đạt 242,89 điểm (với mức tăng rất ấn tượng lần lượt là 146% và 170% so với đầu năm).



Trong bối cảnh tích cực của thị trường và việc được cấp bổ sung vốn điều lệ từ 100 lên 200 tỷ VND, hoạt động của BSC trong năm 2006 đã đạt được những kết quả khả quan:

(Đơn vị tính: triệu VND)

| Nội dung | 2001 | 2002 | 2003 | 2004 | 2005 | 2006 |
|---|--------|--------|---------|---------|---------|---------|
| Vốn điều lệ | 55.000 | 55.000 | 100.000 | 100.000 | 100.000 | 200.000 |
| Tổng doanh thu, trong đó: | 4.842 | 5.175 | 8.419 | 26.616 | 62.629 | 195.274 |
| - Thu phí môi giới, tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành, quản lý danh mục đầu tư | 1.189 | 793 | 2.135 | 4.756 | 15.029 | 38.019 |
| - Thu tự doanh | 222 | 1.541 | 3.230 | 13.162 | 47.600 | 157.255 |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.131 | 566 | 667 | 6.950 | 14.256 | 64.559 |
| ROE | 3,87% | 1,03% | 0,67% | 6,95% | 12,18% | 29,51% |

Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán năm 2006 đạt 190 tỷ VND tăng 204% so với năm 2005 và vượt 41,4% so với kế hoạch. Trong đó thu phí môi giới tăng đột biến 870% so với năm 2005 và vượt 54,5% kế hoạch năm. Phí môi giới là nghiệp vụ có mức đóng góp đứng thứ 2 trong tổng doanh thu của BSC.





CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN BIDV (BAMC)

Sau gần 5 năm hoạt động, với nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã thu được những kết quả nhất định góp phần không nhỏ trong việc làm lành mạnh hoá và tăng năng lực tài chính của BIDV. Bắt đầu từ 1/1/2006 với việc áp dụng thí điểm việc chuyển giao các khoản nợ xấu phát sinh từ sau năm 2000 của các chi nhánh cho Công ty, BAMC đã có nhiều thuận lợi hơn trong hoạt động của mình.

Có thể nói rằng, năm 2006 là năm hoạt động tích cực và thành công của BAMC từ khi thành lập trên mọi mặt hoạt động từ tiếp nhận nợ, xử lý nợ (gấp 3 lần các năm trước), chênh lệch thu chi tăng gần 10 lần so với các năm trước đây. Sau đây là một số chỉ tiêu hoạt động chủ yếu của BAMC kể từ khi thành lập đến nay:

(Đơn vị tính: triệu VND)

| TT | Chỉ tiêu | Tổng số | Năm 2002 | Năm 2003 | Năm 2004 | Năm 2005 | Năm 2006 |
|----|----------------------|---------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 1 | Tổng tài sản | | | 47.533 | 43.802 | 39.545 | 45.825 |
| 2 | Nợ tiếp nhận | 750.838 | 57.828 | 93.662 | 32.081 | 72.057 | 495.429 |
| | <i>Gốc</i> | 511.654 | 41.413 | 41.860 | 13.847 | 53.867 | 360.667 |
| | <i>Lãi</i> | 239.184 | 16.415 | 51.802 | 18.234 | 18.190 | 134.762 |
| 3 | Nợ đã xử lý | 61.803 | 10.235 | 3.106 | 9.375 | 11.548 | 27.539 |
| | <i>Gốc</i> | 53.002 | 7.421 | 3.106 | 7.858 | 11.393 | 23.224 |
| | <i>Lãi</i> | 8.801 | 2.814 | 0 | 1.517 | 155 | 4.315 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | | 1.174 | 513 | 780 | 682 | 8.152 |

Từ mục tiêu ban đầu là hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, Ban Lãnh đạo BIDV và Công ty đang có một dự định táo bạo trong tiến trình Cổ phần hóa của BIDV. Theo đó, BAMC sẽ được cơ cấu lại với số vốn điều lệ mới 100 tỷ VND và hoạt động theo hướng kinh doanh thương mại. Trong tương lai gần, tin tưởng rằng Công ty sẽ có một diện mạo mới, sinh khí mới, đóng góp nhiều hơn nữa vào thành công chung của hệ thống BIDV.

CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV (BIC)

Ngày 31/12/2005, được sự chấp thuận của Bộ tài chính và Ngân hàng Nhà nước, BIDV đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của QBE trong liên doanh để thành lập Công ty bảo hiểm 100% vốn BIDV (BIC). Ngay sau khi thành lập (ngày 01/01/2006), Công ty Bảo hiểm BIDV đã nhanh chóng ổn định cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh trên cơ sở kế thừa nguồn nhân lực, qui trình nghiệp vụ của Công ty liên doanh trước đây với nhiệm vụ trọng tâm là xác lập thị phần và mở rộng mạng lưới kinh doanh. Công ty xác định nguồn thu phí bảo hiểm chủ yếu là từ thu phí bảo hiểm gốc và chú trọng khai thác triệt để nguồn khách hàng có quan hệ với BIDV. Do đó, Công ty đã khẩn trương thiết kế lại kênh khai thác qua hệ thống BIDV (từ hình thức hợp đồng hợp tác chuyển thành hợp đồng đại lý

và tiến tới triển khai dự án Bancassurance giữa BIC và BIDV). Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng dịch vụ, trong năm 2006, Công ty đã mở thêm 8 chi nhánh tại các vùng kinh tế trọng điểm trên phạm vi cả nước.



Mặc dù phần lớn thời gian được dành cho việc ổn định tổ chức, nhân sự, mở rộng mạng lưới phân phối, tuyển dụng và đào tạo cán bộ nhưng hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả khả quan. Tổng doanh thu phí bảo hiểm năm 2006 bằng 110 % tổng doanh thu năm 2005. Đặc biệt, doanh thu phí bảo hiểm gốc

có sự tăng trưởng đột biến với mức tăng trưởng 58% và chiếm 83% tổng doanh thu phí của Công ty. Thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc của Công ty đã tăng lên đáng kể so năm 2005. Việc mở rộng hoạt động kinh doanh cũng đã được gắn liền với kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng hoạt động thể hiện ở việc kiểm soát và duy trì được tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc ở mức thấp so với các công ty khác trên thị trường (13,8 %). Nhờ có sự đóng góp quan trọng của việc cơ cấu lại danh mục đầu tư, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 12,5 tỷ VND và tỷ lệ ROE đạt 7,96% (đã điều chỉnh theo mức vốn điều lệ trung bình trong năm).

Sau hai lần tăng vốn, hiện nay công ty có mức vốn điều lệ là 200 tỷ VND, đứng thứ 5 trong tổng số 17 công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường Việt Nam. Những kết quả bước đầu của Công ty đã góp phần khẳng định thành công của giao dịch chuyển nhượng vốn góp. Đối với BIDV, đây còn là một bước đi phù hợp nhằm tận dụng các lợi thế về cơ sở khách hàng, kinh nghiệm và uy tín của BIDV trong lĩnh vực đầu tư - phát triển để hướng tới mục tiêu trở thành một tập đoàn tài chính đa năng, cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói cho khách hàng.

NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VID PUBLIC (VPB)

Ngân hàng liên doanh VID Public là Ngân hàng liên doanh đầu tiên chính thức khai trương đi vào hoạt động từ tháng 05 năm 1992 trên cơ sở hợp tác giữa BIDV và Ngân hàng Public Bank, ngân hàng lớn thứ hai tại Malaysia. Với những kết quả đạt được trong gần 15 năm hoạt động, VID Public Bank đã được xếp vào một trong 7 Ngân hàng hàng đầu có vốn đầu tư nước ngoài đạt thành tích cao nhất ở Việt Nam và là Ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài duy nhất được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao giải thưởng cho những đóng góp vào sự nghiệp 10 năm đổi mới ngành ngân hàng và tuân thủ chính sách pháp luật của Việt Nam.

VPB là một trong số ít các Ngân hàng liên doanh có mạng lưới lớn nhất Việt Nam với 6 chi nhánh đặt tại các thành phố lớn trong cả nước. Với việc kiện toàn dần dần bộ máy tổ chức, thâm nhập vào thị trường Việt Nam, VPB đã đạt được những chỉ tiêu tài chính đáng khích lệ. Lợi nhuận sau thuế năm 2006 đạt 2.599 ngàn USD, tăng 21% so với năm 2005. Các chỉ số ROA, ROE lần lượt đạt 2,04%, và 10%, cao hơn so với năm 2005 (1,3%, 8%). Bằng chính sách lãi suất linh hoạt, mở rộng các tiện ích các



dịch vụ, tiện ích cho khách hàng, đối tượng khách hàng của VPB đã không ngừng mở rộng từ chỗ ban đầu chỉ tập trung vào đối tượng khách hàng là người nước ngoài và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đến nay đối tượng khách hàng đã mở rộng sang tất cả các loại hình doanh nghiệp và tầng lớp dân cư. Hoạt động tín dụng đạt mức tăng trưởng là 28%, cao hơn mức tăng trưởng bình quân của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Bên cạnh đó bắt đầu từ tháng 3 năm 2006, được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, VID trở thành Ngân hàng thứ 17 tham gia và từng bước khẳng định mình trên thị trường thẻ Việt Nam.

(Đơn vị: ngàn USD)

| Chỉ tiêu | Năm 1992 | Năm 1995 | Năm 2001 | Năm 2004 | Năm 2006 |
|----------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Tổng tài sản | 13.781 | 71.271 | 125.934 | 140.146 | 176.103 |
| Lợi nhuận trước thuế | 98 | 2.578 | 1.730 | 1.768 | 3.609 |
| Tổng dư nợ | 1.114 | 35.144 | 17.288 | 64.943 | 92.421 |
| Tổng huy động | 3.634 | 53.879 | 106.417 | 127.904 | 148.021 |

NGÂN HÀNG LIÊN DOANH LÀO - VIỆT (LVB)

Triển khai Hiệp định Hợp tác Kinh tế, Văn hoá, Khoa học kỹ thuật năm 1999 ký kết giữa Chính phủ nước CHDCND Lào và Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, hai Ngân hàng thương mại quốc doanh hàng đầu của hai nước là BCEL và BIDV đã góp vốn thành lập Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt (LVB), khai trương và đi vào hoạt động từ ngày 22/6/1999 tại Thủ đô Vientiane. Sự kiện này đã đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác giữa hai Chính phủ nói chung và hệ thống Ngân hàng hai nước Lào và Việt Nam nói riêng.

Được sự quan tâm và chỉ đạo đặc biệt của Chính phủ và Bộ ngành hai nước, sự chỉ đạo, hỗ trợ chặt chẽ của hai ngân hàng đối tác và sự nỗ lực vượt bậc của tập thể cán bộ, đến nay sau gần 8 năm hoạt động, LVB đã có những bước phát triển mạnh mẽ, hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả và tuân thủ pháp luật. LVB đã từng bước trở thành một Ngân hàng thương mại với công nghệ tiên tiến hàng đầu tại Lào và là biểu tượng cho tình hữu nghị, quan hệ truyền thống, đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào.

Trong thời gian qua, LVB đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cầu nối thanh toán, chuyển đổi VND/LAK góp phần làm giảm thiểu nhu cầu sử dụng đồng USD trong thanh toán, hỗ trợ công tác điều hành chính sách tiền tệ vĩ mô tại Lào. Bên cạnh đó, LVB đã làm tốt vai trò đại lý giải ngân và thanh toán cho các Dự án theo Hiệp định hợp tác giữa hai Chính phủ, cũng như các dự án hợp tác giữa các Bộ ngành, địa phương hai nước. Gần đây nhất, LVB vinh dự đã đóng góp một phần không nhỏ vào việc làm đại lý thanh toán và cung cấp đồng LAK cho dự án đường quốc lộ 18B mới được khai trương vào ngày 20/05/2006 tại tỉnh Champasak, Lào.

Hoạt động kinh doanh của LVB ngày càng tiếp tục phát triển ổn định, các mặt hoạt động của Ngân hàng đều có tăng trưởng với quy mô hoạt động gấp 11, 8 lần vốn điều lệ ban đầu (10 triệu USD). LVB là cầu nối thanh toán, chuyển đổi VND - LAK hiệu quả, tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại giữa doanh nghiệp và nhân dân hai nước Việt Nam và Lào. Với nỗ lực của cán bộ nhân viên ngân hàng, sự hỗ trợ của hai Ngân hàng đối tác và đặc biệt là nhận được chỉ đạo sát sao của Đảng và Chính phủ hai nước, LVB đã tạo được những dấu ấn khẳng định chắc chắn hơn vị thế, thương hiệu LVB trên thị trường tài chính - tiền tệ, đặc biệt tại Lào, xứng đáng là hình mẫu trong quan hệ hợp tác kinh tế hai nước

(Đơn vị: nghìn USD)

| Chỉ tiêu | 1999 | 2002 | 2005 | 2006 |
|----------------------|--------|--------|--------|---------|
| Tổng tài sản | 11.300 | 40.000 | 97.000 | 118.000 |
| Vốn điều lệ | 10.000 | 10.000 | 15.000 | 15.000 |
| Tổng huy động | 1.200 | 29.000 | 79.600 | 99.400 |
| Tổng dư nợ | 617 | 18.000 | 53.600 | 63.300 |
| Lợi nhuận trước thuế | -36 | 40 | 747 | 966 |

CÔNG TY LIÊN DOANH QLĐT BIDV-VIETNAM PARTNERS (BVIM)

BVIM được thành lập xuất phát từ một ý tưởng kinh doanh của Tổng Giám đốc Trần Bắc Hà khi tháp tùng Thủ tướng Phan Văn Khải trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ tháng 6/2005. Sau một thời gian ngắn chuẩn bị, BVIM được khai trương hoạt động ngày 10/1/2006 trên cơ sở Giấy phép thành lập và hoạt động do Bộ Tài chính cấp.

Đến tháng 3/2006, BVIM đã thành lập và đóng quỹ thành công Quỹ Đầu tư Việt Nam với tổng cam kết góp vốn là 1.096 tỷ VND, trở thành quỹ thành viên huy động vốn lớn nhất tại Việt Nam vào thời gian đó (tính đến 31/12/2006 tổng cam kết góp vốn đạt 1.157 tỷ VND). Quỹ Đầu tư Việt Nam có nhiều điểm đặc thù mang lại lợi ích cao đối với nhà đầu tư góp vốn vào quỹ, đó là được đóng quỹ nhiều lần, được vay vốn để đồng tài trợ hoạt động đầu tư và không bị các giới hạn đầu tư như đối với các quỹ đầu tư khác tại Việt Nam. Đến hết năm 2006 (chỉ sau 9 tháng hoạt động chính thức), Quỹ đã gọi vốn và giải ngân được 40% tổng cam kết góp vốn; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tăng 75%.

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chủ yếu:

| TT | Chỉ tiêu | 30/6/2006 (Triệu VND) | 30/9/2006 (Triệu VND) | 31/12/2006 (Triệu VND) | 31/12/2006 (nghìn USD) |
|----|---|--------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 22.147 | 25.852 | 27.159 | 1.679 |
| 2 | Tổng doanh thu, trong đó: | 6.911 | 12.993 | 19.251 | 1.203 |
| | - Thu quản lý quỹ | 6.726 | 12.511 | 18.296 | 1.144 |
| | - Thu từ hoạt động tài chính | 185 | 482 | 954 | 60 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 4.041 | 6.713 | 7.613 | 476 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu | 58,5% | 51,7% | 39,5% | 39,5% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ | 25,4% | 42,2% | 47,8% | 47,8% |

Hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với việc quản lý và thực hiện đầu tư của các Quỹ do Công ty quản lý. Tính đến 31/12, chỉ sau 9 tháng hoạt động chính thức, Công ty đã đạt doanh thu trên 19 tỷ VND (tương đương 1,2 triệu USD), trong đó 95% là từ thu phí quản lý Quỹ VIF. Lợi nhuận sau thuế là 7,6 tỷ VND (tương đương 476 ngàn USD) với tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu là 39,5% và tỷ suất ROE là 47,8% (Công ty đang trong thời gian được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp). Bên cạnh việc đạt hiệu quả kinh doanh cao, Công ty còn đóng một ý nghĩa quan trọng, giúp BIDV mở rộng sang lĩnh vực quản lý đầu tư và tạo dựng những hình ảnh tốt trong quá trình cổ phần hoá của BIDV trong thời gian tới.

Việc thành lập thành BVIM và Quỹ Đầu tư Việt Nam không đơn thuần là mang lại một phương thức đầu tư chuyên nghiệp và hiệu quả cho các nhà đầu tư góp vốn. ý nghĩa quan trọng hơn của Quỹ là tạo ra một kênh dẫn vốn mới để đầu tư vào các ngành và lĩnh vực kinh tế trọng điểm, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt khi Công ty huy động và thành lập thành công Quỹ Song sinh tại Hoa Kỳ và Nhật Bản, Quỹ Bất động sản, Quỹ Tăng trưởng và các quỹ đầu tư khác để đầu tư vào Việt Nam.

CÔNG TY LIÊN DOANH THÁP BIDV

Ngày 3/11/2005, Công ty liên doanh Tháp BIDV đã chính thức được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch & Đầu tư trao giấy phép đầu tư với sự chứng kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ và một số lãnh đạo các Bộ ngành Trung ương.

Đây là công ty liên doanh đầu tiên của BIDV hoạt động trong lĩnh vực ngoài ngành ngân hàng tài chính có vốn pháp định là 13.102.000 USD, được liên doanh giữa BIDV (nắm giữ 55% vốn) và Công ty Bloomhill Holdings Pte (nắm giữ 45% vốn), một đối tác Singapore đã có nhiều kinh nghiệm về đầu tư bất động sản trong khu vực và tại Việt Nam.



Công ty được thành lập và hoạt động trong thời gian 45 năm với mục đích chính là xây dựng, vận hành và quản lý khai thác "Tháp BIDV" theo tiêu chuẩn quốc tế hạng A tại địa chỉ 194 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Với các đặc trưng của một "Toà nhà thông minh", Tháp BIDV không những là điểm nổi bật về cảnh quan kiến trúc trong lòng thủ đô Hà Nội mà còn thể hiện hình ảnh của một BIDV hiện đại, năng động và không ngừng phát triển tại khu trung tâm tài chính, thương mại, du lịch của Hà Nội khi Hội sở chính của BIDV được tại toà tháp. Ngoài ra, Tháp BIDV còn là điểm khởi đầu trong kế hoạch phát triển chuỗi tháp của BIDV trên cả nước trong các năm tiếp theo.

Sau một thời gian khẩn trương hoàn thiện các thủ tục và chuẩn bị các điều kiện liên quan, ngày 23/10/2006, công trình Tháp BIDV đã chính thức được khởi công. Hiện nay, Công ty đang tích cực phối hợp

với các bên tư vấn và các nhà thầu thi công để đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ thi công gói thầu móng và phần ngầm nhằm góp phần thực hiện đúng kế hoạch hoàn thành và khai trương toà tháp đã dự kiến.

NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VIỆT - NGA (VRB)

Ngày 19/11/2006, Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB) tung bừng tổ chức lễ khai trương, là Ngân hàng liên doanh do sự liên kết bởi 2 ngân hàng mẹ hàng đầu của Việt Nam là BIDV và Liên bang Nga là TVB (Ngân hàng Ngoại thương Nga), đồng thời là Ngân hàng thương mại duy nhất được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép hoạt động tại Việt Nam trong hơn 10 năm trở lại đây. Ngay trong ngày khai trương, NHLD Việt - Nga đã vinh dự được đón Chủ tịch nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết và Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin đến thăm và chúc mừng sự kiện thành lập Ngân hàng. Vinh dự này của NHLD Việt - Nga là minh chứng cho sự quan tâm và ủng hộ nhiệt tình của Chính phủ hai nước đối với việc thành lập và đi vào hoạt động của VRB, với tư cách là cầu nối thanh toán và đầu tư song phương Việt - Nga, đồng thời là biểu tượng mới cho quan hệ truyền thống anh em giữa hai nước. Thông tin cụ thể như sau:

- **Tên giao dịch:** : Ngân hàng Liên doanh Việt- Nga (Tên tiếng Anh: Vietnam Russia Joint Venture Bank)
- **Giấy phép thành lập** : Giấy phép thành lập số 11/GP-NHNN ngày 30/10/2006 do Bộ Tài chính cấp.
- **Vốn điều lệ đăng ký** : US\$ 10.000.000 (mười triệu đô la Mỹ), bên Việt Nam góp 51% vốn, bên nước ngoài góp 49% vốn.
- **Đối tác liên doanh** : Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Ngoại Thương Nga (Vneshtorgbank).
- **Thời hạn hoạt động** : 50 năm.
- **Quản trị điều hành** : Chủ tịch HĐQT: ông Osmolovsky Vladimir - Quốc tịch Nga.
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: ông Nguyễn Văn Phẩm Quốc tịch Việt Nam.
Phó Tổng giám đốc thứ nhất: Dmitry Dubensky - Quốc tịch Nga.
Phó TGD thứ hai: Nguyễn Văn Huy - Quốc tịch Việt Nam.



Nhận thức được vai trò, sứ mệnh và kỳ vọng của Lãnh đạo hai Chính phủ, ngay sau khi thành lập và đi vào hoạt động, được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ phía hai Ngân hàng mẹ, đặc biệt là BIDV, VRB đã tích cực tiến hành ổn định và hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, chủ động tìm kiếm và tiếp cận khách hàng thuộc nhóm khách hàng mục tiêu, tiềm năng để từng bước xây dựng nền khách hàng vững chắc phục vụ cho hoạt động của mình. Nhóm khách hàng tiềm năng của VRB bao gồm các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và cá nhân có quan hệ thương mại, đầu tư, thanh toán hai chiều Việt Nga, bao gồm những tên tuổi lớn như: Vietsopetro, Vinaconex, Petrolimex, FPT, VNPT, Constrexim, VNPT, Công ty Zarubezhneft, Công ty Rolto.

Tuy là một Ngân hàng mới thành lập, vốn điều lệ còn nhỏ (10 triệu USD), mạng lưới hoạt động còn khiêm tốn (hiện mới chỉ có Hội sở chính hoạt động tại Hà Nội), lại được thành lập vào thời điểm cạnh tranh khốc liệt trên thị trường tài chính ngân hàng, trong hơn 2 tháng hoạt động vừa qua, VRB đã nỗ lực không ngừng, đạt kết quả tương đối khả quan, thể hiện ở khoản lãi thu về ngay trong tháng đầu hoạt động. Đây sẽ là bước khởi đầu đáng khích lệ, mở đầu triển vọng kinh doanh sáng lạn của VRB, xứng đáng với vai trò cầu nối tiếp cận thị trường và đầu mối xúc tiến thương mại, đầu tư giữa hai nước.

Trong thời gian tới, hai bên sẽ tiếp tục xây dựng phương án tăng vốn điều lệ của liên doanh, đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu của pháp luật Việt Nam (về tăng vốn điều lệ của các Ngân hàng liên doanh) đáp ứng tối đa mọi nhu cầu về dịch vụ của khách hàng và kinh doanh có hiệu quả của ngân hàng.





... xây dựng Ngân hàng
ĐT&PT Việt Nam thành Ngân
hàng đa sở hữu, kinh doanh
đa lĩnh vực, hoạt động theo
thông lệ quốc tế

Số tham chiếu: 21121/21106

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (*)

**các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng căn cứ kế toán hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các công ty con ("Ngân hàng") lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất có liên quan và các thuyết minh đi kèm ("báo cáo tài chính hợp nhất") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 4 đến trang 68.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng có trách nhiệm lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Các trách nhiệm này bao gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp nhằm để lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất một cách hợp lý và không có những sai sót trọng yếu, do gian lận hay thiếu sót; lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp; và thực hiện các ước tính kế toán một cách hợp lý trong từng trường hợp cụ thể.

Trách nhiệm của Công ty Kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Ngoại trừ những vấn đề được trình bày ở những đoạn dưới đây, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu.

Việc kiểm toán bao gồm thực hiện các quy trình kiểm toán nhằm để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thông tin trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các quy trình kiểm toán do Công ty Kiểm toán lựa chọn dựa trên các kết quả đánh giá bao gồm đánh giá mức độ rủi ro của những sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay thiếu sót. Khi thực hiện các đánh giá này, Công ty Kiểm toán xem xét các quy trình kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách hợp lý nhằm để xây dựng các quy trình kiểm toán phù hợp với điều kiện cụ thể nhưng mục đích của kiểm toán không phải nhằm để đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp bằng chứng đầy đủ và phù hợp cho ý kiến kiểm toán.

Các Vấn đề Ngoại trừ

1. Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Ngân hàng không lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay theo chỉ định và theo kế hoạch của Nhà nước có tổng dư nợ là 3.164.532 triệu đồng (2005: 5.062.222 triệu đồng) và các khoản nợ khoanh có tổng giá trị là 9.876 triệu đồng (2005: 368.216 triệu đồng) thuộc khoản mục các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2006.

- i) Cho vay theo chỉ định và theo kế hoạch của Nhà nước là các khoản cho vay, với sự hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính, cho các dự án theo chỉ đạo của Chính phủ. Theo Khoản 4 Điều 52, Luật các Tổ chức Tín dụng; Quyết định số 147-CP/KTTH ngày 29 tháng 12 năm 1998 về chương trình cho vay theo chỉ định và theo kế hoạch Nhà nước; Nghị định 178/1999/NĐ/CP ngày 29 tháng 12 năm 1999 quy định về đảm bảo tiền vay của các tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng Nhà nước được thực hiện cho vay không có đảm bảo theo chỉ định của Chính phủ. Tổn thất do nguyên nhân khách quan của các khoản cho vay này được xử lý theo Quyết định của Chính phủ.
- ii) Các khoản nợ khoanh là các khoản nợ xấu được "khoanh" lại trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm theo chỉ định của Chính phủ. Trong thời gian khoanh, Ngân hàng sẽ không tính lãi của những khoản cho vay này. Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ quyết định phương án cụ thể để xử lý các khoản nợ khoanh này theo từng trường hợp cụ thể.

Cho đến nay, Chính phủ đã hướng dẫn xử lý một phần tổn thất từ các khoản cho vay này theo một số cách thức khác nhau. Ban Lãnh đạo Ngân hàng tin tưởng rằng Chính phủ và NNINN sẽ chịu trách nhiệm về mặt nguồn vốn để xử lý các khoản cho vay nói trên. Tuy nhiên, do vẫn còn thiếu những cơ sở chắc chắn để xác định Ngân hàng hay Chính phủ Việt Nam sẽ chịu toàn bộ rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay theo chỉ định, theo kế hoạch của Nhà nước và các khoản nợ khoanh nên chúng tôi không thể đưa ra kết luận về mức dự phòng rủi ro tín dụng, nếu cần thiết, đối với các khoản cho vay này.

2. Như được trình bày trong Thuyết minh số 15, Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt ("Trái phiếu") với tổng mệnh giá 1.350.000 triệu đồng đã được Chính phủ Việt Nam cấp trong năm 2002 để tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng. Những trái phiếu này có các điều khoản đặc biệt, thời gian đáo hạn là 20 năm với lãi suất cố định 3,30% một năm. Lãi Trái phiếu được trả hàng năm và được dùng để tăng vốn điều lệ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính thay vì được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Do Ngân hàng có ý định và khả năng nắm giữ Trái phiếu đến khi đáo hạn, các Trái phiếu được xếp vào mục chứng khoán giữ đến khi đáo hạn thuộc loại chứng khoán đầu tư.

Tại thời điểm ban đầu ghi nhận Trái phiếu, Ngân hàng đã phản ánh giá trị của Trái phiếu này theo mệnh giá và bằng với giá trị cấp vốn của Chính phủ Việt Nam. Việc hạch toán như vậy không tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 - Công cụ tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị (IAS 39), theo đó, tất cả các tài sản tài chính phải được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý. Do Việt Nam chưa có thị trường đầy đủ cho Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt nên không thể xác định một cách chính xác giá trị hợp lý của những Trái phiếu này. Tuy nhiên nếu áp dụng phương pháp chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất sau thuế ước tính 5,76%/năm (được xem là lãi suất thị trường tại ngày nhận Trái phiếu) của các trái phiếu chính phủ Việt Nam khác để ước tính thì giá trị hợp lý của Trái phiếu là 961.550 triệu đồng tại ngày Ngân hàng nhận những Trái phiếu này. Có thể thấy, giá trị hợp lý của Trái phiếu thấp hơn mệnh giá ghi nhận và dẫn đến khoản giảm giá trị 388.450 triệu đồng tại ngày Ngân hàng nhận Trái phiếu. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và các năm trước đó đã không được điều chỉnh lại để phản ánh giá trị ban đầu của Trái phiếu tại giá trị hợp lý cũng như ảnh hưởng của khoản giảm giá trị này vào ngày nhận.

Sau ghi nhận ban đầu, Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 yêu cầu Ngân hàng xác định giá trị của Trái phiếu vào các năm kế tiếp theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Theo đó, khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý ban đầu 961.550 triệu đồng và giá trị khi đáo hạn 1.350.000 triệu đồng được phân bổ vào năm 2006 là 12.120 triệu đồng. Những khoản chênh lệch này được ghi nhận để phản ánh giá trị phân bổ lũy kế và thu nhập từ lãi trong năm 2006. Vì vậy, theo IAS 39, Trái phiếu phải có giá trị phân bổ là 995.964 triệu đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 (2005: 983.844 triệu đồng). Như vậy, giá trị ghi sổ của Trái phiếu là 1.350.000 triệu đồng như được trình bày trong Thuyết minh 15 đi kèm theo các báo cáo tài chính hợp nhất đã bị ghi cao hơn 354.036 triệu đồng và lỗ lũy kế cũng bị ghi thấp hơn một khoản như vậy tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2006.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề trên đây, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Hà Nội, Việt Nam

15 tháng 3 năm 2007

(*): Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006.

BÁO CÁO THU NHẬP CHI PHÍ

(Tại thời điểm ngày 31 tháng 12)

Đơn vị: triệu VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | VAS | | IFRS | |
|---|-------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | | 2006 | 2005 | 2006 | 2005 |
| THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | | |
| Thu nhập lãi và các khoản tương đương | 8 | 10.003.466 | 7.608.382 | 10.997.312 | 8.223.786 |
| Chi phí lãi và các khoản tương đương | 9 | (7.571.032) | (4.679.014) | (7.571.032) | (4.679.014) |
| THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG THUẦN | | | | | |
| Thu phí dịch vụ | 10 | 477.568 | 300.927 | 477.568 | 300.927 |
| Chi phí dịch vụ | 10 | (63.188) | (54.329) | (63.188) | (54.329) |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng | 11 | 104.777 | 44.224 | 104.777 | 44.224 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán | 11 | 221.513 | 499 | 233.374 | 6.415 |
| Lãi thuần từ đầu tư vào chứng khoán | | 993.846 | 599.579 | - | - |
| Thu nhập từ hoạt động liên doanh, liên kết | | 12.406 | 7.591 | 12.406 | 7.591 |
| Thu nhập cổ tức | | 20.789 | 16.935 | 15.706 | 15.163 |
| Thu nhập hoạt động khác | 12 | 662.277 | 253.549 | 93.407 | 36.105 |
| TỔNG THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | | |
| | | 4.862.422 | 4.098.343 | 4.300.330 | 3.900.868 |
| CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | | |
| Lương và các chi phí nhân viên khác | | (756.874) | (530.649) | (873.394) | (636.872) |
| Chi phí khấu hao và khấu trừ | | (220.533) | (161.196) | (220.533) | (161.196) |
| Chi phí hoạt động khác | 13 | (685.608) | (633.932) | (685.608) | (633.932) |
| TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | | |
| | | (1.663.015) | (1.325.777) | (1.779.535) | (1.432.000) |
| THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUẦN | | | | | |
| Dự phòng rủi ro tín dụng | | (1.993.491) | (2.080.537) | (2.383.323) | (2.391.702) |
| Hoàn nhập dự phòng | | - | 48.850 | - | - |
| Thu hồi nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng | | - | - | 605.727 | 218.712 |
| LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | | | | | |
| | | 1.205.916 | 740.879 | 743.199 | 295.878 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | (130.038) | (180.886) | (130.038) | (180.886) |
| LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM | | | | | |
| | | 1.075.878 | 559.993 | 613.161 | 114.992 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TOÀN HỆ THỐNG

(Tại thời điểm ngày 31 tháng 12)

Đơn vị: triệu VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | VAS | | IFRS | |
|--|-------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | | 2006 | 2005 | 2006 | 2005 |
| TÀI SẢN | | | | | |
| Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ | | 1.383.221 | 1.184.082 | 1.383.221 | 1.184.082 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | | 17.685.229 | 4.576.418 | 17.685.229 | 4.576.418 |
| Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác | | 5.334.355 | 806.528 | 5.334.355 | 806.528 |
| Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác trừ dự phòng | | 17.403.951 | 16.841.762 | 17.429.351 | 16.841.762 |
| Đầu tư vào chứng khoán | 2 | 15.348.958 | 12.285.694 | 16.013.938 | 12.191.997 |
| Cho vay và tạm ứng khách hàng | 3 | 98.638.838 | 85.434.376 | 98.638.838 | 85.434.376 |
| Dự phòng rủi ro tín dụng | 4 | (1.437.060) | (2.717.828) | (5.185.717) | (6.051.254) |
| Đầu tư góp vốn, liên kết, liên doanh mua cổ phần | 5 | 551.944 | 438.152 | 551.945 | 438.152 |
| Tài sản cố định hữu hình | | 1.268.523 | 638.750 | 1.268.523 | 638.750 |
| Tài sản cố định vô hình | | 286.602 | 189.353 | 286.602 | 189.353 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | | 183.450 | 213.012 | 183.450 | 213.012 |
| Lãi dự thu | | 822.050 | 1.121.852 | 822.050 | 1.127.066 |
| Tạm ứng nộp thuế | | 45.432 | - | 45.432 | - |
| Các tài sản khác | 6 | 3.761.798 | 391.176 | 3.761.797 | 385.541 |
| TỔNG TÀI SẢN | | 161.277.291 | 121.403.327 | 158.219.014 | 117.975.783 |
| NỢ PHẢI TRẢ & VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | | | | | |
| Tiền gửi thanh toán của KBNN và các TCTD khác | | 10.437.177 | 6.225.054 | 10.437.177 | 6.225.054 |
| Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước | | 7.854.515 | 10.031.241 | 7.854.514 | 10.031.241 |
| Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ các TCTD khác | | 1.164.211 | 1.759.969 | 1.164.211 | 1.759.969 |
| Trái phiếu tăng vốn và các nguồn vốn vay khác | | 16.172.559 | 8.142.448 | 16.172.559 | 8.142.448 |
| Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng | | 113.724.282 | 85.746.724 | 113.724.282 | 85.746.724 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | 13.074 | 18.661 | 13.074 | 18.661 |
| Lãi dự chi | | 2.540.173 | 1.751.282 | 2.540.173 | 1.751.282 |
| Các công nợ khác | | 1.745.102 | 1.197.087 | 1.811.035 | 1.150.684 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 153.651.093 | 114.872.466 | 153.717.025 | 114.826.063 |
| NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | | |
| Vốn điều lệ | | 4.077.401 | 3.970.997 | 4.077.401 | 3.970.997 |
| Vốn khác | | 1.415.220 | 741.985 | 1.415.220 | 741.985 |
| Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC | | 54.897 | 50.859 | 54.897 | 50.859 |
| Các quỹ dự trữ | | 1.412.157 | 1.652.057 | 1.346.225 | 1.583.108 |
| Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | 621.345 | |
| Lợi nhuận để lại | | 666.523 | 114.963 | (3.013.099) | (3.197.229) |
| TỔNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 7.626.198 | 6.530.861 | 4.501.989 | 3.149.720 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 161.277.291 | 121.403.327 | 158.219.014 | 117.975.783 |
| CÁC KHOẢN MỤC GHI NHỚ | | 40.370.038 | 22.441.836 | 40.370.038 | 22.441.836 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Tại thời điểm ngày 31 tháng 12)

Đơn vị: triệu VND

| CHỈ TIÊU | VAS | | IFRS | |
|--|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | 2006 | 2005 | 2006 | 2005 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Thu nhập lãi và dịch vụ | 10.780.836 | 7.430.470 | 11.779.896 | 7.319.180 |
| Chi phí lãi và dịch vụ | (6.845.329) | (4.267.669) | (6.845.329) | (4.267.669) |
| Cổ tức nhận được từ các công ty liên kết, liên doanh | 12.494 | 16.935 | 7.411 | 16.935 |
| Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng | 104.777 | 44.224 | 104.777 | 44.224 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán | 221.513 | 499 | 233.374 | 499 |
| Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán | 993.846 | 599.579 | 36.857 | 460.248 |
| Thu nhập khác | 660.700 | 253.032 | 617.065 | 253.035 |
| Thanh toán cho nhân viên và nhà cung cấp | (1.414.474) | (1.036.018) | (1.534.011) | (1.286.984) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trong năm | (175.054) | (229.662) | (175.054) | (229.662) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước khi thay đổi vốn lưu động | 4.339.309 | 2.811.390 | 4.224.986 | 2.309.806 |
| (Tăng)/Giảm tài sản lưu động: | | | | |
| Tiền gửi tại NHNN | - | 150.000 | - | 150.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác | (3.974.770) | (5.876.844) | (3.974.770) | (5.876.844) |
| Đầu tư vào chứng khoán | (3.054.969) | (2.946.778) | (3.169.899) | (2.689.665) |
| Cho vay và tạm ứng khách hàng | (16.453.321) | (14.530.438) | (16.453.322) | (14.921.856) |
| Các tài sản khác | (3.378.471) | (55.820) | (3.384.106) | (88.507) |
| Tăng/(Giảm) nợ ngắn hạn: | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ BTC, NHNN | (220.607) | (3.736.353) | (220.607) | (4.284.785) |
| Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ các TCTD khác | (713.982) | (85.326) | (713.982) | (379.362) |
| Các nguồn vốn vay khác | 8.030.111 | 976.864 | 8.030.111 | 976.864 |
| Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng | 27.977.558 | 18.484.275 | 27.977.558 | 19.763.260 |
| Các công nợ khác | 556.354 | 55.750 | 668.109 | 10.511 |
| Tiền thuần thu (sử dụng) trong hoạt động kinh doanh | 13.107.212 | (4.753.280) | 12.984.078 | (5.030.578) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang | (918.944) | (450.693) | (918.944) | (386.209) |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 2.528 | 10.127 | 2.528 | 9.443 |
| Đầu tư bổ sung góp vốn, liên kết liên doanh, mua cổ phần | (97.349) | (39.526) | (97.349) | (39.526) |
| Thu từ thanh lý khoản góp vốn liên kết, liên doanh mua cổ phần | - | - | - | 305 |
| Tiền thuần thu/(sử dụng) trong hoạt động đầu tư | (1.013.765) | (480.092) | (1.013.765) | (415.987) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tăng vốn điều lệ trong năm | 62.387 | 59.955 | 62.387 | 44.550 |
| Sử dụng các quỹ | (125.482) | (161.279) | (2.348) | - |
| Các khoản khác | - | (71.775) | - | (4.456) |
| Tiền thuần thu/(sử dụng) trong hoạt động tài chính | (63.095) | (173.099) | 60.039 | 40.094 |
| Thay đổi thuần của tiền và các khoản tương đương tiền | 12.030.352 | (5.406.471) | 12.030.352 | (5.406.471) |
| Số dư đầu năm của tiền và các khoản tương đương tiền | 3.491.367 | 8.897.838 | 3.491.367 | 8.897.838 |
| Số dư cuối năm của tiền và các khoản tương đương tiền | 15.521.719 | 3.491.367 | 15.521.719 | 3.491.367 |

Thuyết minh báo cáo tài chính theo IFRS

1. TÓM TẮT CÁC CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng thực hiện ghi chép bằng đồng Việt Nam và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất bằng triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VND") theo Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật sửa đổi và bổ sung Một số Điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") và Hệ thống Kế toán các tổ chức Tín dụng Việt Nam. Ngoài ra Ngân hàng cũng lập báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS"). Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây có khác biệt so với các báo cáo tài chính được lập theo luật định tại Việt Nam ở chỗ các báo cáo này bao gồm một số điều chỉnh nhưng không được thể hiện trong sổ sách của Ngân hàng theo VAS. Những điều chỉnh đó là cần thiết để trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về vốn chủ sở hữu của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế do Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành, ngoại trừ việc ghi nhận giảm giá Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (theo IAS 39: "Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị").

Một số khoản mục trong các báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và các báo cáo tài chính của các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Những công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày ngân hàng nắm quyền kiểm soát. Sự kiểm soát này tồn tại khi ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động của các công ty con sáp nhập và giải thể trong năm được hợp nhất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Ngân hàng kể từ ngày sáp nhập cho đến ngày giải thể một cách phù hợp.

Các chế độ kế toán chủ yếu trong năm được Ngân hàng áp dụng một cách nhất quán với các năm tài chính trước.

1.2 Tài sản tài chính

1.2.1 Ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính

Việc phân loại một công cụ tài chính để ghi nhận ban đầu phụ thuộc vào mục đích sử dụng và tính chất của công cụ tài chính đó. Mọi công cụ tài chính ban đầu đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính không thuộc nhóm "*tài sản/công nợ tài chính được ghi nhận tại giá trị hợp lý thông qua tài khoản lãi lỗ*", giá trị hợp lý được cộng với chi phí trực tiếp liên quan tới việc mua hoặc phát hành công cụ tài chính đó.

1.2.2 Đầu tư tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh

Tài sản hoặc công nợ tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo tài chính theo giá trị hợp lý. Thay đổi giá trị hợp lý được ghi nhận vào "*lãi thuần từ hoạt động kinh doanh*". Đồng thời, thu nhập lãi và cổ tức cũng được ghi nhận vào "*lãi thuần từ hoạt động kinh doanh*" theo các điều khoản của hợp đồng, hoặc khi quyền thanh toán được xác định.

Bao gồm trong nhóm công cụ tài chính này là các loại chứng khoán nợ và chứng khoán vốn (nếu có) chủ yếu được đầu tư cho mục đích bán hoặc mua lại trong ngắn hạn.

1.2.3 Tài sản tài chính và công nợ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý điều chỉnh vào lãi/lỗ

Tài sản và công nợ tài chính được phân loại vào nhóm tài sản này theo quyết định của Ngân hàng khi tiến hành ghi nhận ban đầu nếu thỏa mãn những điều kiện sau:

- Việc phân loại loại bỏ hoặc giảm thiểu đáng kể sự không nhất quán phát sinh từ việc xác định giá trị tài sản hoặc công nợ hoặc ghi nhận lãi/lỗ từ các công cụ này theo các phương pháp ghi nhận khác nhau;
- Tài sản và công nợ tài chính này là một phần của một nhóm tài sản, công nợ tài chính hoặc cả hai, được quản lý và xác định giá trị trên cơ sở giá trị hợp lý, phù hợp với chiến lược quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Ngân hàng; hoặc
- Công cụ tài chính bao gồm một công cụ tài chính phái sinh kép, trừ trường hợp công cụ tài chính phái sinh kép này không ảnh hưởng trọng yếu đến dòng tiền hoặc có bằng chứng rõ ràng chứng tỏ không thể ghi nhận một cách riêng biệt những công cụ phái sinh kép này.

Tài sản tài chính và công nợ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua tài khoản lãi/lỗ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp lý. Những thay đổi đối với giá trị hợp lý được ghi nhận vào "*lãi/lỗ thuần của tài sản/công nợ tài chính ghi nhận tại giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ*". Thu nhập lãi hoặc chi phí lãi được ghi nhận vào "*thu nhập lãi và các khoản tương đương*" hoặc "*chi phí lãi và các khoản tương đương*". Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào "*thu nhập hoạt động khác*" theo điều khoản hợp đồng, hoặc khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Nhóm tài sản tài chính và công nợ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý điều chỉnh vào lãi/lỗ cũng bao gồm các khoản cho vay và tạm ứng khách hàng được phòng ngừa rủi ro bằng các công cụ phái sinh tín dụng không thỏa mãn điều kiện của kế toán phòng ngừa rủi ro cũng như các trái - phiếu có - điều - kiện được quản lý trên cơ sở giá trị hợp lý (nếu có).

1.2.4 Đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn là những tài sản tài chính có kỳ hạn thanh toán và ngày đáo hạn cố định hoặc có thể xác định được, và Ngân hàng có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất thực, trừ đi dự phòng lỗ do giảm giá trị. Giá trị phân bổ được xác định bao gồm cả khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua, các chi phí giao dịch trực tiếp. Chi phí phân bổ được ghi nhận vào "*thu lãi và các khoản tương đương*" trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Các

khoản lỗ (nếu có) phát sinh từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đến hạn khi các khoản đầu tư này bị giảm giá được ghi nhận vào "Dự phòng lỗ do giảm giá trị" trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

1.2.5 Đầu tư tài chính sẵn sàng để bán

Đối với tài sản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, tại cuối mỗi kỳ lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, Ngân hàng sẽ tiến hành đánh giá khả năng giảm giá trị của một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính.

Trong trường hợp đầu tư vốn được phân loại vào đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị có thể là sự suy giảm đáng kể hoặc liên tục giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Nếu có bằng chứng về sự suy giảm giá trị, khoản lỗ lũy kế là chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý hiện tại, trừ dự phòng tổn thất của tài sản tài chính đã được ghi nhận trước đó trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được loại khỏi vốn chủ sở hữu và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư sẽ được hạch toán tăng vốn chủ sở hữu thay vì hạch toán giảm khoản mục "Chi phí dự phòng giảm giá" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong trường hợp công cụ nợ được phân loại vào tài sản tài chính sẵn sàng để bán, khả năng suy giảm giá trị được đánh giá dựa trên cùng tiêu chí với tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ. Lãi dự chi tiếp tục được tính theo lãi suất thực ban đầu trên giá trị chiết khấu của tài sản và ghi nhận vào "thu nhập lãi và các khoản tương tự". Hoàn nhập dự phòng phát sinh từ các công cụ nợ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu việc tăng giá trị hợp lý của các công cụ này trong năm tiếp theo liên quan một cách khách quan đến sự kiện xảy ra sau khi dự phòng giảm giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Đầu tư tài chính sẵn sàng để bán là những tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích sẵn sàng để bán và không được phân loại vào ba nhóm trên. Các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán bao gồm các công cụ vốn, các khoản đầu tư vào các quỹ tương hỗ và thị trường tiền tệ và các công cụ nợ khác.

Sau khi ghi nhận ban đầu, đầu tư tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Phần lãi/lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào "*Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán*" thuộc phần vốn chủ sở hữu. Khi chúng khoản được bán, lãi/lỗ lũy kế sẽ được chuyển từ nguồn vốn chủ sở hữu vào ghi nhận trên khoản mục "*thu nhập hoạt động khác*" hoặc "*chi phí hoạt động khác*" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu Ngân hàng có nhiều hơn một khoản đầu

tu vào cùng một loại chứng khoán, khi bán chứng khoán, các khoản đầu tư sẽ được hạch toán giảm theo phương pháp nhập trước - xuất trước. Lãi thu được khi nắm giữ đầu tư tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận vào thu nhập lãi theo lãi suất thực. Cổ tức thu được khi nắm giữ đầu tư tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận vào "*thu nhập hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào "*dự phòng lỗ do giảm giá trị*" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phải được loại khỏi khoản mục "*Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán*"...

1.3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Đối với đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn, Ngân hàng sẽ đánh giá một cách riêng lẻ về bằng chứng khách quan về khả năng giảm giá trị của tài sản. Nếu có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng xảy ra giảm giá trị, chi phí dự phòng sẽ được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của dòng tiền ước tính thu hồi trong tương lai (không bao gồm tổn thất tín dụng có thể xảy ra trong tương lai). Giá trị ghi sổ của tài sản được ghi giảm trên bảng cân đối kế toán và chi phí dự phòng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nếu trong kỳ kế toán sau đó, dự phòng giảm giá trị và việc giảm dự phòng này liên quan một cách khách quan đến các sự kiện xảy ra sau khi ghi nhận dự phòng, dự phòng ghi nhận trước đây sẽ được hoàn nhập bằng cách ghi có tài khoản "*dự phòng rủi ro tín dụng*".

1.4 Ghi nhận doanh thu chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi có bằng chứng cho thấy Ngân hàng sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và giá trị của khoản doanh thu này có thể tính toán được. Sau đây là những điều kiện cụ thể cho việc ghi nhận doanh thu:

1.4.1 Ghi nhận thu nhập / chi phí lãi và các khoản tương đương

Đối với các công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và tài sản tài chính có phát sinh thu nhập/chi phí lãi được phân loại vào đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp lãi suất thực. Đây là lãi suất chiết khấu chính xác số tiền phải trả hoặc phải thu trong tương lai trong kỳ hạn của công cụ tài chính hoặc cho một kỳ hạn ngắn hơn (tùy trường hợp) về giá trị thực của tài sản hoặc công nợ tài chính. Việc tính toán theo phương pháp lãi suất thực có xem xét đến các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính (ví dụ như quyền chọn trả trước) bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp đến công cụ này và là một phần của lãi suất thực, nhưng không phải tổn thất

tín dụng trong tương lai. Giá trị ghi sổ của tài sản hoặc công nợ tài chính sẽ được điều chỉnh nếu Ngân hàng thay đổi các ước tính về khoản phải trả hay phải thu. Giá trị còn lại được điều chỉnh sẽ được tính dựa trên lãi suất thực ban đầu. Thay đổi trong giá trị ghi sổ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí lãi.

Khi giá trị ghi nhận của một tài sản tài chính trong một nhóm các tài sản tài chính tương tự bị giảm do giảm giá trị tài sản, thu nhập lãi tiếp tục được ghi nhận sử dụng lãi suất thực ban đầu tính trên giá trị ghi sổ mới.

1.4.2 Thu nhập từ phí dịch vụ

Ngân hàng thu phí từ các dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Thu nhập từ phí có thể chia thành các nhóm sau:

Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ trong một thời gian nhất định

Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ trong một thời gian nhất định được dự thu trong suốt thời gian đó. Phí này bao gồm phí quản lý quỹ đầu tư, phí quản lý, phí nhận ủy thác, hoa hồng và các phí liên quan đến cấp tín dụng, quản lý tài sản, phí quản lý danh mục và các chi phí quản lý cũng như phí tư vấn khác.

Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ giao dịch

Phí phát sinh từ việc đàm phán và tham gia đàm phán các giao dịch cho một bên thứ ba - ví dụ dàn xếp việc mua cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác hoặc mua lại doanh nghiệp - được ghi nhận khi hoàn tất giao dịch liên quan. Phí hoặc các bộ phận của phí này có liên quan đến việc thực hiện một công việc nhất định sẽ được ghi nhận khi hoàn tất điều kiện tương ứng.

1.4.3 Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán của Ngân hàng được thiết lập.

1.4.4 Thu nhập thuần từ chứng khoán kinh doanh

Kết quả thu nhập thuần từ chứng khoán kinh doanh bao gồm lãi/lỗ do thay đổi giá trị hợp lý và thu nhập lãi, chi phí lãi (nếu có) có liên quan và cổ tức của tài sản tài chính và công nợ tài chính giữ để kinh doanh.

1.4.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuyết minh báo cáo tài chính

Tài sản thuế và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế hoặc được cơ quan thuế hoàn trả, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

1.4.6 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tài sản và các công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá qui định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được chuyển ra đồng Việt Nam theo tỷ giá qui định tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá chưa ghi nhận do qui đổi các tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ tại ngày lập bảng cân đối kế toán được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đồng tiền được sử dụng trên báo cáo tài chính của các công ty liên doanh (Ngân hàng liên doanh VID Public và Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt) là đồng Đô la Mỹ. Để phục vụ cho mục đích đánh giá các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu, tài sản và công nợ của các công ty này được quy đổi sang VND theo tỷ giá qui định vào ngày lập bảng cân đối kế toán, các tài sản vốn được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày nhận vốn, và báo cáo kết quả kinh doanh được quy đổi theo tỷ giá bình quân năm. Chênh lệch tỉ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo được ghi nhận trên một mục riêng của phần vốn chủ sở hữu.

1.5 Phúc lợi nhân viên

Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí được Quỹ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh xã hội trả cho nhân viên Ngân hàng khi về hưu. Theo qui định, hàng tháng Ngân hàng có nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm xã hội cho Quỹ Bảo hiểm xã hội bằng 15% mức lương cơ bản của nhân viên. Ngoài nghĩa vụ phi đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng, Ngân hàng không có nghĩa vụ nào khác đối với trợ cấp hưu trí khi nhân viên Ngân hàng về hưu.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4

năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp thôi việc tự nguyện cho nhân viên bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc, cộng thêm phụ cấp lương (nếu có) trong trường hợp nhân viên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng phải trả cho nhân viên khoản trợ cấp mất việc làm tương đương với một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ qui định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bằng 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên như đã quy định trong Thông tư 82.

2. ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG KHOÁN

2.1 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản chứng khoán sẵn sàng để bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

| | 2006 | 2005 |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| | triệu VND | triệu VND |
| Chứng khoán nợ | 12.741.260 | 10.693.203 |
| Chứng khoán vốn | 934.867 | 80.835 |
| | 13.676.127 | 10.774.038 |

2.1.1 Chứng khoán nợ

Chi tiết các khoản chứng khoán nợ do Ngân hàng nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 như sau:

| | 2006 | 2005 |
|---|----------------|----------------|
| | Giá trị hợp lý | Giá trị hợp lý |
| | triệu VND | triệu VND |
| Tín phiếu Kho Bạc Nhà nước | 440.830 | 3.376.048 |
| Trái phiếu chính phủ phát hành bằng đồng Việt Nam | 9.626.109 | 4.854.269 |
| Trái phiếu chính phủ phát hành bằng đô la Mỹ | 16.209 | 15.979 |
| Công trái giáo dục | - | 805.843 |
| Trái phiếu Đô thị do UBND TP HCM phát hành | 1.391.973 | 1.287.013 |

Thuyết minh báo cáo tài chính

| | | |
|---|-------------------|-------------------|
| Trái phiếu Đô thị do UBND TP Hà Nội phát hành | 475.562 | 230.730 |
| Trái phiếu NHNN & PTNT Việt Nam | 204.519 | 20.918 |
| Chứng chỉ tiền gửi NHNN & PTNT Việt Nam | 464.218 | - |
| Trái phiếu do Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam phát hành | 31.433 | - |
| Trái phiếu Tổng công ty điện lực Việt Nam | 32.195 | 84.362 |
| Trái phiếu Quỹ Hỗ trợ đầu tư phát triển | 15.901 | 15.901 |
| Trái phiếu do Công ty CP Đầu tư Cơ sở hạ tầng HCM phát hành | 1.707 | - |
| Khác | 40.604 | 2.140 |
| Tổng | 12.741.260 | 10.693.203 |

- Tín phiếu Kho bạc Nhà nước có kỳ hạn 1 năm và có lãi suất 6,30%/năm (năm 2005: từ 5,90% đến 6,25%/năm), lãi được trả trước.
- Trái phiếu Chính phủ bằng VNĐ có kỳ hạn từ 2 năm đến 5 năm và có lãi suất từ 8,20% đến 8,75 %/năm (năm 2005: từ 8,00% đến 9,00%/năm), lãi trả hàng năm. Bao gồm trong đầu tư vào Trái phiếu Chính Phủ là khoản đầu tư trị giá 300 tỷ VND. Thu nhập lãi từ khoản đầu tư này không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà được hạch toán là khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chờ hướng dẫn xử lý của NHNN. Tổng thu nhập lãi của khoản đầu tư này lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2006 là 162.734 triệu đồng trong đó 34.000 triệu đồng đã được sử dụng tạm ứng bổ sung cho Ngân hàng TMCP Nam Đô.
- Trái phiếu Chính phủ bằng USD có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 3,5%/năm, lãi trả hàng năm.
- Công trái Giáo dục Chính phủ có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất từ 8,00%/năm đến 8,20%/năm, lãi trả vào ngày đến hạn.
- Trái phiếu do NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (VBARD) phát hành có kỳ hạn 10 năm. Các trái phiếu này có lãi suất là 9,8%/ năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Đô thị do UBND TP.Hồ Chí Minh phát hành có kỳ hạn 5 năm đến 10 năm. Các trái phiếu này có lãi suất từ 8,35% đến 9,25%/năm, lãi trả 6 tháng một lần hoặc lãi trả hàng năm.
- Trái phiếu Đô thị do UBND TP.Hà Nội phát hành có kỳ hạn 5 năm. Các trái phiếu này có lãi suất từ 8,75%/năm đến 9,25%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Chứng chỉ tiền gửi do NH Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn phát hành có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất là 9,24%/năm, lãi được trả hàng năm.

- Trái phiếu do Tổng công ty Điện lực Việt Nam phát hành có kỳ hạn 5 năm. Các trái phiếu này có lãi suất là 9,6%/năm trong năm đầu tiên và áp dụng lãi suất thả nổi theo lãi suất trung bình của tiền gửi 12 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh cộng thêm 1,2%. Lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu do Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam phát hành (PVFC) có kỳ hạn 5 năm với lãi suất là 9,05%. Lãi được trả hàng năm.
- Các khoản khác bao gồm các trái phiếu nắm giữ bởi công ty Chứng khoán BIDV và công ty Bảo hiểm BIDV.

2.1.2 Chứng khoán vốn

Chi tiết các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vào các tổ chức khác tại ngày 31 tháng 12 như sau:

| | 2006 | | 2005 | |
|---|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
| | Giá trị hiện tại triệu VND | % sở hữu của Ngân hàng | Giá trị hiện tại triệu VND | % sở hữu của Ngân hàng |
| Đầu tư vào các tổ chức tín dụng | | | | |
| Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội | 112.613 | 1,41 | 5.000 | 1,70 |
| Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương | 5.000 | 4,49 | 5.000 | 4,50 |
| Ngân hàng TMCP Nhà TP. Hồ Chí Minh | 165.152 | 7,86 | 22.420 | 11,00 |
| Ngân hàng TMCP Đại Á | 136.616 | 14,29 | 4.430 | 8,86 |
| Quỹ Bảo lãnh Tín dụng Doanh nghiệp vừa và Nhỏ | 1.800 | 6,00 | 1.800 | 6,00 |
| Quỹ Đầu tư Việt Nam | 38.400 | 8,29 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 5.944 | 0,48 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Phương Nam | 2.858 | 0,09 | | |
| Đầu tư vào các doanh nghiệp | | | | |
| Công ty CP Đầu tư Cơ sở Hạ tầng TP.HCM | 14.400 | 1,00 | 6.000 | 2,00 |
| Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam | 8.025 | 2,00 | 3.090 | 2,06 |
| Công ty CP Vĩnh Sơn Sông Hinh | 49.600 | 1,00 | 11.575 | 0,93 |
| Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại | 22.713 | 0,16 | 15.300 | 0,48 |
| Công ty CP Thiết bị bưu điện | 26.500 | 3,33 | 6.200 | 5,17 |
| Tổ chức Liên Ngân hàng Thế giới | 20 | - | 20 | - |
| Công ty CP Vinaconex | 142.800 | 1,33 | | - |
| Công ty CP Nhà Thủ Đức | 57.600 | 7,47 | - | - |
| Công ty CP Thủy điện La Ngau | 440 | 11,00 | - | - |

Thuyết minh báo cáo tài chính

| | | | | |
|--|----------------|-------|---------------|---|
| Công ty CP Gas Petrolimex | 46.400 | 4,00 | - | - |
| Công ty CP Than Cao Sơn | 3.550 | 1,00 | - | - |
| Công ty CP Hàng hải Quốc tế Gemadept | 1.650 | 3,30 | - | - |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Thăng Long | 3.300 | 30,14 | - | - |
| Chứng khoán niêm yết nắm giữ bởi Công ty Bảo hiểm BIDV, sau khi trừ dự phòng rủi ro tín dụng | 53.844 | - | - | - |
| Chứng khoán không niêm yết nắm giữ bởi các công ty con (BIC & BSC) | 35.642 | - | - | - |
| | 934.867 | | 80.835 | |

2.2 Chứng khoán giữ đến ngày đến hạn

| | 2006 triệu VND | 2005 triệu VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt | 1.350.000 | 1.371.234 |
| Công trái giáo dục | 866.604 | - |
| Trái phiếu đô thị do UBND tỉnh Đồng Nai phát hành | 32.420 | 32.420 |
| Tổng | 2.249.024 | 1.403.654 |

2.3 Chứng khoán kinh doanh

| | 2006 triệu VND | 2005 triệu VND |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu niêm yết | 88.787 | 1.242 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | - | 13.063 |
| | 88.787 | 14.305 |

3. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG, SAU KHI TRỪ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

| | 2006 triệu VND | 2005 triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Cho vay thương mại | 89.617.362 | 75.134.140 |
| Cho thuê tài chính | 963.331 | 1.040.138 |
| Cho vay chỉ định và theo kế hoạch Nhà nước | 3.164.532 | 5.062.222 |
| Cho vay ODA | 4.883.737 | 3.829.660 |
| Nợ cho vay được khoan | 9.876 | 368.216 |
| | 98.638.838 | 85.434.376 |

Cho vay chỉ định và theo kế hoạch Nhà nước bao gồm các khoản cho vay được tài trợ từ nguồn vốn vay NHNN và vốn uỷ thác từ Bộ Tài chính. Với sự hỗ trợ của NHNN và Bộ Tài chính, Ngân hàng thực hiện giải ngân các khoản cho vay chỉ định và theo kế hoạch phát triển kinh tế tổng thể của Chính phủ. Bộ Tài chính và NHNN quy định mức lãi suất đối với các khoản cho vay này và Ngân hàng được nhận phí quản lý từ Bộ Tài chính ở mức 2,40%/năm trên số dư cho vay bình quân.

Cho vay ODA bao gồm các khoản cho vay được tài trợ bởi các nguồn vốn uỷ thác từ các chương trình phát triển chính thức thông qua Bộ Tài Chính. Ngân hàng chỉ đóng vai trò là đại diện quản lý những nguồn vốn này. Theo đó, Ngân hàng không chịu bất kỳ rủi ro tín dụng nào liên quan đến khoản cho vay này theo như các điều khoản đã được quy định trong bản thỏa thuận với nhà tài trợ ODA và Bộ Tài Chính. Những khoản cho vay mất khả năng thanh toán sẽ được thông báo lại cho các nhà tài trợ ODA và Bộ Tài Chính để có giải pháp xử lý. Nhưng khoản cho vay khác cũng được tài trợ từ nguồn vốn uỷ thác từ các chương trình phát triển chính thức nhưng Ngân hàng phải chịu toàn bộ rủi ro được phân loại thành các khoản cho vay thương mại.

Nợ khoan hồng là những khoản nợ xấu nhưng được khoan hồng lại theo hướng dẫn của Chính phủ. Trong thời gian khoan hồng, thông thường từ 3 đến 5 năm, Ngân hàng sẽ không tính lãi. Mặt khác, Ngân hàng Nhà nước sẽ cấp cho Ngân hàng nguồn vốn vay không chịu lãi suất để bù lại nguồn vốn bị ứ đọng do ảnh hưởng của những khoản nợ khoan hồng. Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước sẽ quyết định phương án cụ thể để thu hồi lại những khoản cho vay này sau khi hết thời hạn khoan hồng theo từng trường hợp cụ thể. Chính sách kế toán của Ngân hàng là không trích lập dự phòng rủi ro cho những khoản nợ này.

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

| | 2006 | | 2005 | |
|---|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | triệu VND | % | triệu VND | % |
| Xây dựng | 24.563.381 | 24,9 | 31.183.547 | 36,5 |
| Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước | 9.108.862 | 9,2 | 7.689.094 | 9,0 |
| Sản xuất và chế biến | 24.182.579 | 24,5 | 11.704.509 | 13,7 |
| Công nghiệp khai thác | 4.801.022 | 4,9 | 4.698.891 | 5,5 |
| Nông lâm nghiệp và thủy sản | 5.375.985 | 5,5 | 12.387.985 | 14,5 |
| Giao thông | 3.662.359 | 3,7 | 2.990.203 | 3,5 |
| Thương mại và dịch vụ | 26.944.650 | 27,3 | 13.498.631 | 15,8 |
| Ngành khác | - | - | 1.281.516 | 1,5 |
| Tổng | 98.638.838 | 100,0 | 85.434.376 | 100,0 |

Thuyết minh báo cáo tài chính

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

| | 2006 | | 2005 | |
|---|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | triệu VND | % | triệu VND | % |
| Doanh nghiệp quốc doanh | 42.573.519 | 43,2 | 44.425.876 | 52,0 |
| Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đối tượng khác | 52.686.631 | 53,4 | 38.445.469 | 45,0 |
| Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 3.378.688 | 3,4 | 2.563.031 | 3,0 |
| | 98.638.838 | 100,0 | 85.434.376 | 100,0 |

4. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

4.1 Dự phòng rủi ro tín dụng theo IFRS

Thay đổi dự phòng tín dụng trong năm bao gồm các khoản sau:

| | 2006 | 2005 |
|--|-------------|-------------|
| | triệu VND | triệu VND |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 | 6.051.254 | 5.185.789 |
| Dự phòng trích lập tăng trong năm | 2.383.323 | 2.391.702 |
| Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ trong năm | (3.248.860) | (1.526.237) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 | 5.185.717 | 6.051.254 |

Chi tiết của chi phí dự phòng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như sau:

| | 2006 | 2005 |
|--|-----------|-----------|
| | triệu VND | triệu VND |
| Chi phí dự phòng theo quy định trong năm | 1.993.491 | 2.080.537 |
| Trích bổ sung dự phòng trong năm theo IFRS | 389.832 | 311.165 |
| Tổng chi phí dự phòng trong năm theo IFRS | 2.383.323 | 2.391.702 |

Các khoản cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2006 được phân loại theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ như sau:

| Phân loại rủi ro | Số dư nợ gốc triệu VND | Mức dự phòng cụ thể triệu VND | Tỷ lệ dự phòng/dư nợ % |
|-----------------------|------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|
| Nợ Đủ tiêu chuẩn | 49.138.290 | - | - |
| Nợ Cần chú ý | 32.753.000 | 2.078.242 | 6,3 |
| Nợ Dưới tiêu chuẩn | 6.231.741 | 1.139.691 | 18,3 |
| Nợ Nghi ngờ | 333.121 | 77.299 | 23,2 |
| Nợ Không thu hồi được | 2.124.541 | 1.890.485 | 89,0 |
| Tổng | (*) 90.580.693 | 5.185.717 | 5,7 |

(*): Tổng dư nợ được trình bày không bao gồm các khoản cho vay chỉ định và theo kế hoạch của Nhà nước, cho vay ODA và nợ khoan hồng.

Các khoản cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 phân loại như sau:

| Phân loại rủi ro | Số dư nợ gốc triệu VND | Mức dự phòng cụ thể triệu VND | Tỷ lệ dự phòng trên dư nợ % |
|-----------------------|------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 17.330.828 | - | - |
| Nợ cần chú ý | 34.999.294 | 307.316 | 0,88 |
| Nợ dưới tiêu chuẩn | 15.992.698 | 1.843.331 | 11,53 |
| Nợ nghi ngờ | 4.044.989 | 1.193.017 | 29,49 |
| Nợ không thu hồi được | 3.806.469 | 2.707.590 | 71,13 |
| | (*) 76.174.278 | 6.051.254 | 7,94 |

(*): Tổng dư nợ được trình bày không bao gồm các khoản cho vay chỉ định và theo kế hoạch của Nhà nước, cho vay ODA và nợ khoan hồng.

4.2 Dự phòng rủi ro tín dụng theo VAS

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm các khoản sau:

| | 2006 triệu VND | 2005 triệu VND |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư ngày 1 tháng 1 | 2.717.828 | 2.212.378 |
| Dự phòng trích lập tăng trong năm | 1.968.091 | 2.080.537 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (48.850) |
| Xử lý nợ xấu từ tháng 1 đến tháng 11 | (2.665.102) | (607.294) |
| Số dư tại ngày 30 tháng 11 | 2.020.817 | 3.636.771 |
| Xử lý nợ xấu từ tháng 1 đến tháng 12 | (583.757) | (918.943) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 | 1.437.060 | 2.717.828 |

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ -NHNN và theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Ngân hàng. Theo Quyết định 493, dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2006 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2006.

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2006 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phi trích lập theo Quyết định 493 và theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính

| Phân loại | Dư nợ cho vay (*) triệu VND | Dự phòng cụ thể triệu VND | Dự phòng chung triệu VND | Tổng số dự phòng triệu VND |
|--|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 52.690.962 | - | 395.182 | 395.182 |
| Nợ cần chú ý | 27.125.736 | 874.824 | 203.443 | 1.078.267 |
| Nợ dưới chuẩn | 7.052.529 | 913.992 | 52.894 | 966.886 |
| Nợ nghi ngờ | 365.733 | 108.879 | 2.743 | 111.622 |
| Nợ có khả năng mất vốn | 3.385.502 | 2.155.869 | - | 2.155.869 |
| | 90.620.462 | 4.053.564 | 654.262 | 4.707.826 |
| Cam kết ngoại bảng được tính dự phòng chung | 41.501.629 | - | 311.262 | 311.262 |
| Tổng số | 132.122.091 | 4.053.564 | 965.524 | 5.019.088 |

(*): số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2006.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2006, Ngân hàng chưa trích đủ dự phòng theo yêu cầu của Quyết định 493. Tuy nhiên, Quyết định 493 cho phép Ngân hàng trích lập đủ dự phòng chung và dự phòng cụ thể trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Ngân hàng đã trình cho Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính kế hoạch trích lập đầy đủ dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo Quyết định 493 trong 3 năm kể từ năm 2005 đến tháng 12 năm 2007.

Tình hình số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2006 trước khi xử lý các khoản nợ trong tháng 12 năm 2006 như sau:

| Dự phòng rủi ro tín dụng | Dự phòng cụ thể triệu VND | Dự phòng chung triệu VND | Tổng số dự phòng triệu VND |
|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| Theo Quyết định 493 | 4.053.565 | 965.524 | 5.019.089 |
| Số thực tế Ngân hàng đã hạch toán | 1.731.254 | 289.563 | 2.020.817 |
| Số dự phòng chưa hạch toán đủ | 2.322.311 | 675.961 | 2.998.272 |

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN LIÊN KẾT LIÊN DOANH MUA CỔ PHẦN

| | Đầu tư vào công ty liên kết triệu VND | Đầu tư vào công ty liên doanh triệu VND | Tổng cộng triệu VND |
|---|--|--|------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2006 | 20.000 | 418.152 | 438.152 |
| Đầu tư tăng thêm trong năm | - | 146.467 | 146.467 |
| Đầu tư giảm trong năm | - | (35.491) | (35.491) |
| Phân chia thu nhập ròng của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu | - | 12.406 | 12.406 |

| | | | |
|--|---------------|----------------|----------------|
| Trừ: cổ tức chia từ lợi nhuận 2005 nhận trong năm 2006 | - | (13.627) | (13.627) |
| Điều chỉnh chênh lệch tỉ giá (*) | - | 4.038 | 4.038 |
| | 20.000 | 531.945 | 551.945 |

5.1 Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 như sau:

| | 2006 | | | 2005 | | |
|---|----------------------|----------------------------------|------------------------------|----------------------|----------------------------------|------------------------------|
| | Giá gốc triệu VND | Giá trị hiện tại triệu VND | % sở hữu của Ngân hàng | Giá gốc triệu VND | Giá trị hiện tại triệu VND | % sở hữu của Ngân hàng |
| Công ty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc Gia | 20.000 | 20.000 | 21,2 | 20.000 | 20.000 | 21,2 |

5.2 Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 như sau:

| | 2006 | | | | 2005 | | | |
|--|----------------|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------|----------------|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------|
| | Giá gốc USD | Giá gốc triệu VND qui đổi | Giá trị hiện tại triệu VND | % sở hữu của Ngân hàng | Giá gốc USD | Giá gốc triệu VND qui đổi | Giá trị hiện tại triệu VND | % sở hữu của Ngân hàng |
| Đầu tư vào các TCTD | | | | | | | | |
| Ngân hàng Liên doanh VID Public | 10.000.000 | 122.050 | 194.168 | 50 | 10.000.000 | 122.050 | 197.703 | 50 |
| Ngân hàng LD Lào Việt | 7.500.000 | 109.280 | 133.223 | 50 | 7.500.000 | 109.280 | 126.513 | 50 |
| Ngân hàng LD Việt Nga | 5.100.000 | 81.886 | 81.955 | 51 | - | - | - | - |
| Công ty LD Quản lý quỹ Đầu tư BIDV Việt Nam Partners | 500.000 | 7.937 | 11.959 | 50 | - | - | - | - |
| Đầu tư vào các DN khác | | | | | | | | |
| Công ty Bảo hiểm BIDV | - | - | - | - | 2.500.000 | 35.607 | 35.491 | 50 |
| Công ty LD Tháp BIDV | 7.206.100 | 115.089 | 110.640 | 55 | 3.673.000 | 58.445 | 58.445 | 55 |
| | | 436.242 | 531.945 | | | 325.382 | 418.152 | |

6. TÀI SẢN KHÁC

| | 2006 triệu VND | 2005 triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền gửi ký quỹ đảm bảo tại ngân hàng Raiffeisen Zentralbank Osterreich AG (RZB) | 3.220.200 | - |
| Các tài sản khác | 546.995 | 385.541 |
| | 3.767.195 | 385.541 |
| Trừ: dự phòng phải thu khó đòi của Công ty Bảo hiểm BIDV | (5.398) | - |
| | 3.761.797 | 385.541 |

Thuyết minh báo cáo tài chính

Trong năm 2006, BIDV là đối tác của Ngân hàng RZB trong hợp đồng vay vốn dài hạn 5 năm với số vốn là 200 triệu USD. Theo đó, BIDV phải duy trì một khoản tiền ký quỹ đảm bảo với ngân hàng RZB luôn ở mức tối thiểu là 200 triệu USD. Khoản tiền ký quỹ này không được hưởng lãi.

7. TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG

| | 2006 | 2005 |
|---|--------------------|-------------------|
| | triệu VND | triệu VND |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 29.310.437 | 18.758.042 |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND | 24.462.956 | 15.246.660 |
| Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND | 414.953 | 171.061 |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 4.412.126 | 3.311.073 |
| Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ | 20.402 | 29.248 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 74.954.081 | 55.984.530 |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND | 29.407.610 | 19.207.765 |
| Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND | 32.529.208 | 25.210.352 |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ | 1.223.037 | 1.948.092 |
| Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ | 11.794.226 | 9.618.321 |
| Chứng chỉ tiền gửi | 7.115.749 | 8.902.338 |
| Tiền gửi vốn chuyên dụng | 2.231.360 | 2.022.618 |
| Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND | 1.744.786 | 1.499.849 |
| Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ | 486.574 | 522.769 |
| Các khoản phải trả khách hàng khác | 112.655 | 79.196 |
| | 113.724.282 | 85.746.724 |

8. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG

| | 2006 | 2005 |
|--|-------------------|------------------|
| | triệu VND | triệu VND |
| Thu nhập lãi cho vay khách hàng | 8.987.977 | 7.052.206 |
| Thu nhập lãi từ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | 975.397 | 553.869 |
| Đầu tư tài chính sẵn sàng để bán | 928.464 | 591.750 |
| Đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn | 65.382 | 23.654 |
| Thu nhập lãi từ hoạt động tín dụng khác | 40.092 | 2.307 |
| | 10.997.312 | 8.223.786 |

9. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG

| | 2006 | 2005 |
|--|------------------|------------------|
| | triệu VND | triệu VND |
| Chi phí lãi tiền gửi khách hàng | 6.221.840 | 4.155.936 |
| Chi phí lãi tiền vay và tiền gửi của các TCTD khác | 1.349.192 | 523.078 |
| | 7.571.032 | 4.679.014 |

10. THU NHẬP THUẦN TỪ PHÍ DỊCH VỤ

| | 2006 triệu VND | 2005 triệu VND |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Thu phí dịch vụ từ: | | |
| Hoạt động thanh toán | 226.375 | 151.666 |
| Hoạt động bảo lãnh | 181.696 | 111.529 |
| Hoạt động ngân quỹ | 9.576 | 6.772 |
| Dịch vụ đại lý | 11.252 | 8.623 |
| Thu phí dịch vụ khác | 48.669 | 22.337 |
| | 477.568 | 300.927 |
| Chi phí dịch vụ liên quan đến: | | |
| Hoạt động thanh toán | (12.215) | (9.636) |
| Hoạt động ngân quỹ | (22.989) | (20.892) |
| Chi phí dịch vụ khác | (27.984) | (23.801) |
| | (63.188) | (54.329) |
| Thu nhập thuần từ phí dịch vụ | 414.380 | 246.598 |

11. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN, NGOẠI TỆ VÀ VÀNG

| | 2006 triệu VND | 2005 triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Chứng khoán kinh doanh | 233.374 | 6.415 |
| Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng | 104.777 | 44.224 |
| | 338.151 | 50.639 |

12. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

| | 2006 triệu VND | 2005 triệu VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Thu nhập thuần từ kinh doanh chứng khoán sẵn sàng để bán | 36.857 | - |
| Thu hồi lãi từ các khoản nợ đã xóa | 27.151 | 13.347 |
| Thu khác | 29.399 | 22.758 |
| | 93.407 | 36.105 |

13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

| | 2006 triệu VND | 2005 triệu VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí thuế và lệ phí | 18.787 | 70.471 |
| Chi vật liệu và giấy tờ in | 61.483 | 52.218 |

Thuyết minh báo cáo tài chính

| | | |
|---|----------------|----------------|
| Chi công tác phí | 29.365 | 21.729 |
| Chi phí đào tạo | 25.295 | 13.724 |
| Chi phí nghiên cứu phát triển | 2.120 | 5.439 |
| Chi phí thông tin liên lạc | 23.578 | 23.579 |
| Chi quảng cáo, tiếp thị, hội nghị, lễ tân, khánh tiết | 153.234 | 132.146 |
| Chi phí quản lý chung | 123.307 | 67.437 |
| Chi sửa chữa và nâng cấp tài sản | 46.967 | 41.421 |
| Chi công cụ lao động và dụng cụ | 43.600 | 40.399 |
| Chi bảo hiểm tài sản của Ngân hàng | - | 7.481 |
| Thuê văn phòng | 60.929 | 79.565 |
| Chi bảo hiểm tiền gửi của khách hàng | 51.045 | 56.440 |
| Chi phí khác | 45.898 | 21.883 |
| | 685.608 | 633.932 |

14. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thực hiện Quyết định số 1729/QĐ -TTg ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước thực hiện cổ phần hóa giai đoạn 2007 - 2010, ngày 23 tháng 01 năm 2007, Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp trực thuộc Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 10/BDMDN thống nhất lịch trình tiến độ các bước công việc thực hiện cổ phần hóa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo đó việc cổ phần hóa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam sẽ được thực hiện trong năm 2007 và thủ tục chuyển thành Ngân hàng thương mại Cổ phần và Đại hội cổ đông và niêm yết cổ phiếu sẽ hoàn tất trong Quý 1 năm 2008.

Ngày 1 tháng 2 năm 2007, theo Quyết định số 148/QĐ -TTg về việc cấp bổ sung vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được chấp thuận cấp bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 3.400.000 triệu VND. Ngày 15 tháng 3 năm 2007, Bộ Tài chính đã có quyết định số 1061/QĐ-BTC về việc cấp bổ sung vốn điều lệ cho BIDV trong đó 1.708.500 triệu VND tăng từ các nguồn hiện tại do BIDV quản lý, số còn lại sẽ do Bộ Tài chính cấp bằng tiền từ nguồn ngân sách Nhà nước là 1.691.500 triệu VND.

Số tham chiếu: 21121/21106

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (*)

các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và của các công ty con ("Ngân hàng") lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất có liên quan và các thuyết minh đi kèm ("báo cáo tài chính hợp nhất") cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 2 đến trang 59. Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Trần Đình Cường
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0135/KTV

Hoàng Văn

Võ Tấn Hoàng Văn
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2007

(*): Trích các báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán và hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006

**"Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công"
Bức thông điệp vì sự năng động và phát
triển của cộng đồng...**



Địa chỉ liên lạc

HỘI SỞ CHÍNH

Vincom City Towers

Tháp A, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng tại Hội sở chính

Tel: (84) 4 2200 422

Fax: (84) 4 2200 399

Website: <http://www.bidv.com.vn>

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh Tel: (84) 8 8331 412

Fax: (84) 8 8334 396

KHOẢNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐỐI NGOẠI TẠI HỘI SỞ CHÍNH

| Đơn vị | Địa chỉ | Điện thoại |
|---------------------------------------|--|-------------|
| Ban Kinh doanh đối ngoại | Tầng 15, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 04 2200 500 |
| Ban Nguồn vốn kinh doanh - tiền tệ | Tầng 17, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 04 2200 550 |
| Ban Dịch vụ | Tầng 20, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 04 2200 522 |
| Ban Tín dụng | Tầng 14, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 04 2200 411 |
| Ban Thương hiệu và Quan hệ công chúng | Tầng 21, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 04 2225 316 |

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Văn phòng Đại diện BIDV tại TP.

Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 85 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Tp.

Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 8335 089

Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản
(BAMC)

Địa chỉ: Tầng 20, Vincom City Towers,

191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04 9745 924

◆ **Chi nhánh Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản TP Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Lầu 9, Cao ốc 146, Nguyễn Công Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 9143 312

Công ty Chứng khoán

Địa chỉ: Tầng 10, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 2200 668

◆ **Chi nhánh Công ty chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Lầu 9, Cao ốc 146, Nguyễn Công Trứ, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 8218 885

Công ty Cho thuê tài chính I

Địa chỉ: Tầng 12, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 2200 599

Công ty Cho thuê tài chính II

Địa chỉ: Tầng 6, Cao ốc 146, Nguyễn Công Trứ, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 8217 992

Trung tâm Đào tạo

Địa chỉ: Số 773, Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04 9320 933

Trung tâm Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 38 Hàng Vôi, Hà Nội
Điện thoại: 04 9345 191

Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN

Địa chỉ: Tầng 10, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 2200 282

◆ **Công ty bảo hiểm NHĐT&PTVN, Chi nhánh TP HCM**

Địa chỉ: Lầu 7, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: 08 9105 869

◆ **Công ty bảo hiểm NHĐT&PTVN, Văn phòng Đại diện Đà Nẵng**

Địa chỉ: Tầng 4, 90 Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0511 865803

◆ **Công ty bảo hiểm NHĐT&PTVN, Văn phòng Đại diện Hải Phòng**

Địa chỉ: 20 Bến Bính, TP Hải Phòng
Điện thoại: 031 747 373

◆ **Công ty bảo hiểm NHĐT&PTVN, Chi nhánh Nghệ An**

Địa chỉ: 216 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An
Điện thoại: 038 359 2887

◆ **Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN, Chi nhánh Bình Định**

Địa chỉ: 72 Lê Duẩn, Thành phố Quy Nhơn
Điện thoại: 056 520 080

◆ **Công ty bảo hiểm NHĐT&PTVN, Chi nhánh Tây Nguyên**

Địa chỉ: 41 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Buôn Mê Thuột
Điện thoại: 050 957 351

◆ **Công ty bảo hiểm NHĐT&PTVN, Chi nhánh Đồng Nai**

Địa chỉ: Lô F, khu phố 1, Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa
Điện thoại: 061 383 6191

◆ **Công ty bảo hiểm NHĐT&PTVN, Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Địa chỉ: 72 A Trần Hưng Đạo, Thành phố Vũng Tàu
Điện thoại: 064 253 218

◆ **Công ty bảo hiểm NHĐT&PTVN, Chi nhánh Cần Thơ**

Địa chỉ: 29-31 Châu Văn Liêm, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại: 071 816 367

CÁC LIÊN DOANH

Ngân hàng liên doanh Lào-Việt

Địa chỉ: 44 Lanexang, Viêng Chăn, CHND Lào
Điện thoại: 856 21 25 1414

◆ **Ngân hàng liên doanh Lào-Việt, Chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ: 17B Hàn Thuyên, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 9721 531

◆ **Ngân hàng liên doanh Lào-Việt, Chi nhánh Champasak**

Địa chỉ: 13 Banphonxay, Pakse, Champasak, CHND Lào
Điện thoại: 856 31 25 1470

◆ **Ngân hàng liên doanh Lào-Việt, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 181 Hai Bà Trưng, Q1, TP HCM
Điện thoại: 08 8247 218

Ngân hàng Liên doanh VID-Public

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Prime Center, 53
Quang Trung, Hà Nội
Điện thoại: 04 9438 999

◆ **Ngân hàng Liên doanh VID-Public,
Sở giao dịch Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng trệt, Tòa nhà Tung Shing,
Số 2 Ngô Quyền, Hà Nội
Điện thoại: 04 8268 307

◆ **Ngân hàng Liên doanh VID-Public,
Chi nhánh Hải Phòng**

Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, TP Hải Phòng
Điện thoại: 031 823 997

◆ **Ngân hàng Liên doanh VID-Public,
Chi nhánh Đà Nẵng**

Địa chỉ: 2 Đường Trần Phú, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0511 826 801

◆ **Ngân hàng Liên doanh VID-Public,
Chi nhánh Bình Dương**

Địa chỉ: Đường DT743, KCN Sóng Thần 2,
Huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650 728 051

◆ **Ngân hàng Liên doanh VID-Public,
Chi nhánh TP HCM**

Địa chỉ: 15A Bến Chương Dương, Q1, TP HCM
Điện thoại: 08 8223 583

Ngân hàng Liên doanh Việt Nga

Địa chỉ: 85 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04 9426 668

CÁC CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Sở giao dịch I

Địa chỉ: Tầng 7-9, Vincom City Towers, 191
Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 2234 234

Sở giao dịch III

Địa chỉ: Tầng 11, Vincom City Towers, 191 Bà
Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 2200 582

Hà Nội

Địa chỉ: 4B Lê Thánh Tông, Hà Nội
Điện thoại: 04 8258 814

Bắc Hà Nội

Địa chỉ: 137 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại: 04 8773 691

Nam Hà Nội

Địa chỉ: Km8, Đường Giải Phóng, Hà Nội
Điện thoại: 04 8615 348

Thăng Long

Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng, Huyện Từ
Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 8362 246

Hà Thành

Địa chỉ: 34 Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04 9362 082

Đông Đô

Địa chỉ: 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 04 7723 181

Cầu Giấy

Địa chỉ: 263 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 8336 457

Quang Trung

Địa chỉ: Tòa Nhà Prime Center, 53 Quang
Trung, Hà Nội
Điện thoại: 04 9432 153

Đông Anh

Địa chỉ: Tổ 3, Khối 1, Thị trấn Đông Anh,
Hà Nội
Điện thoại: 04 8832 584

Thành Đô

Địa chỉ: 463 Nguyễn Văn Linh, Long Biên,
Hà Nội
Điện thoại: 04 8757 956

CÁC CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Sở giao dịch II

Địa chỉ: 117 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,
Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 8216 125

TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 134 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP
Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 8230 126

Thủ Đức

Địa chỉ: 33 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình
Thọ, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 7221 117

Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Địa chỉ: 12-14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 8218 812

Sài Gòn

Địa chỉ: 505 Nguyễn Trãi, P.7, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 9509 180

Tân Tạo

Địa chỉ: Lô 2-4-6, đường C, Khu CN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 7505 376

Gia Định

Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Điện thoại: 08 5101 790

Tân Bình

Địa chỉ: 354A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 8498 133

CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC

An Giang

Địa chỉ: 49-51-53 Nguyễn Huệ B, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại: 076 843 296

Ba Đồn

Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn Ba Đồn, Huyện Quảng Trạch, Quảng Bình
Điện thoại: 052 512 468

Bà Rịa

Địa chỉ: 20-22 Lê Quý Đôn- Phường Phước Hiệp- thị xã Bà Rịa
Điện thoại: 064 716 489

Bắc Giang

Địa chỉ: Nguyễn Gia Thiều, Phường Trần Phú, TP. Bắc Giang
Điện thoại: 0240 855 347

Bắc Kạn

Địa chỉ: Phường Chí Kiên, Thị xã Bắc Kạn
Điện thoại: 0281 878 387

Bạc Liêu

Địa chỉ: B42-B44 TT TM Bạc Liêu, Phường 3, Thị xã Bạc Liêu
Điện thoại: 0781 823 818

Bắc Ninh

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Đăng Đạo, Thị xã Bắc Ninh, Bắc Ninh
Điện thoại: 0241 821 554

Bảo Lộc

Địa chỉ: 52 Lê Thị Pha, Thị trấn Bảo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 063 866 418

Bến Tre

Địa chỉ: 21 Đại Lộ Đồng Khởi, Phường 3, Thị xã Bến Tre
Điện thoại: 075 817 050

Bỉm Sơn

Địa chỉ: 117 Trần Phú, Phường Ba Đình, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá
037 824 316

Bình Định

Địa chỉ: 72 Lê Duẩn, Tp Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại: 056 821 113

Bình Dương

Địa chỉ: 37 Yersin, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650 827 785

Bình Phước

Địa chỉ: Quốc lộ 14, Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài
Điện thoại: 0651 870 015

Bình Thuận

Địa chỉ: 86 Trần Hưng Đạo, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
Điện thoại: 062 822 249

Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: 24 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Vũng Tàu
Điện thoại: 064 856 540

Cà Mau

Địa chỉ: 53 Đề Thám, Phường 2, Thành Phố Cà Mau
Điện thoại: 0780 831 218

Cần Thơ

Địa chỉ: 12 Đường Hoà Bình, Thành Phố Cần Thơ
Điện thoại: 071 812 934

Cao Bằng

Địa chỉ: 46 Phố Xuân Trường, Phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng
Điện thoại: 026 852 163

Châu Đốc

Địa chỉ: 7 Nguyễn Hữu Cảnh, Thị xã Trà Đốc,
Tỉnh An Giang
Điện thoại: 076 866 464

Đà Nẵng

Địa chỉ: 90 Nguyễn Chí Thanh, Thành Phố
Đà Nẵng
Điện thoại: 0511 827 704

Đắk Lắk

Địa chỉ: 17 Nguyễn Tất Thành, Tp
Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk
Điện thoại: 050 954 763

Đắk Nông

Địa chỉ: Đường 23/3 Thị trấn Gia Nghĩa,
tỉnh Đắk Nông
Điện thoại: 050 544 780

Điện Biên

Địa chỉ: Phố 3, Phường Mường Thanh,
Tp Điện Biên
Điện thoại: 023 825 774

Đô Lương

Địa chỉ: Khối 7, Thị trấn Đô Lương, Huyện
Đô Lương, Nghệ An
Điện thoại: 038 881 262

Đồng Nai

Địa chỉ: 7 Bùi Văn Hoà, Thành Phố Biên Hoà
Điện thoại: 061 846 980

Đồng Tháp

Địa chỉ: 12A Đường 30/4, Phường 1, Thị xã
Cao Lãnh
Điện thoại: 067 851 472

Eakar

Thị trấn EaKar, Huyện Eaka, Đắk Lắk
Điện thoại: 050 625 137

Gia Lai

Địa chỉ: 16A Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku,
tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 059 716 896

Hà Giang

Địa chỉ: Tổ 19 Phường Nguyễn Trãi, Thị xã
Hà Giang
Điện thoại: 019 866 988

Hà Nam

Địa chỉ: Đường 1A, Thị xã Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0351 851 075

Hà Tây

Địa chỉ: 197 Quang Trung, Thị xã Hà Đông, Hà Tây
Điện thoại: 034 821 139

Hà Tĩnh

Địa chỉ: 88 Đường Phan Đình Phùng, Phường
Tân Giang, thị xã Hà Tĩnh
Điện thoại: 039 856 858

Hải Dương

Địa chỉ: 2 Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương
Điện thoại: 0320 894 884

Hải Phòng

Địa chỉ: 68-70 Điện Biên Phủ, Tp Hải Phòng
Điện thoại: 031 842 043

Hải Vân

Địa chỉ: 339 Nguyễn Lương Bằng, Quận
Liên Triều, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 0511 732 683

Hậu Giang

Địa chỉ: 392/3 Phường Tân Phú, Xã Tân Phú
Thạch, Châu Thành A, Hậu Giang
Điện thoại: 071 878 673

Hoà Bình

Địa chỉ: Trần Hưng Đạo, Phường Phương
Lâm, Thị xã Hoà Bình
Điện thoại: 018 895 283

Hoàng Mai

Địa chỉ: Thị trấn Hoàng Mai, Huyện Quỳnh
Luu, Nghệ An
Điện thoại: 038 661 397

Hung Yên

Địa chỉ: 240 Đường Nguyễn Văn Linh,
Thị xã Hưng Yên
Điện thoại: 0321 863 358

Khánh Hoà

Địa chỉ: 45-47 Đường Thống Nhất, Thành
Phố Nha Trang
058 810 946

Kiên Giang

Địa chỉ: 205 Nguyễn Trung Trực, Phường
Vinh Bảo, Thị xã Rạch Giá
Điện thoại: 077 863 025

Kon Tum

Địa chỉ: Số 1A Trần Phú, Thị xã Kon Tum
Điện thoại: 060 862 164

KrongBuk

Địa chỉ: Thị trấn Buôn Hồ, Huyện KrongBuk,
Đăk Lăk
Điện thoại: 050 872 174

Lai Châu

Địa chỉ: Phố Phong Châu 2, Thị xã Lai Châu
Điện thoại: 0123 875 255

Lâm Đồng

Địa chỉ: 30 Trần Phú, Thành Phố Đà Lạt
Điện thoại: 063 823 992

Lạng Sơn

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Chi
Lăng, TP Lạng Sơn
Điện thoại: 025 813 078

Lào Cai

Địa chỉ: Đường Hoàng Sào, Thị xã Lào Cai
Điện thoại: 020 820 017

Long An

Địa chỉ: 140 Hùng Vung, Phường 2, Thị xã
Tân An, Long An
Điện thoại: 072 821 608

Long Thành

Địa chỉ: Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành,
Đồng Nai
Điện thoại: 061 845 980

Móng Cái

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, Thị xã Móng Cái
Điện thoại: 033 883 150

Nam Định

Địa chỉ: 92C Đường Hùng Vương, Thành Phố
Nam Định
Điện thoại: 0350 636 515

Nghệ An

Địa chỉ: 216 Đường Lê Duẩn, Thành Phố
Vinh
Điện thoại: 038 843 184

Ninh Bình

Địa chỉ: Đường Lê Hồng Phong, Thị xã
Ninh Bình
Điện thoại: 030 871 082

Ninh Thuận

Địa chỉ: 138 Đường 21 tháng 8, Phước Mỹ,
Thị xã Phan Rang
Điện thoại: 068 823 435

Phả Lại

Địa chỉ: 206 Nguyễn Trãi 2, Thị trấn Sao Đỏ,
Huyện Chí Linh, Hải Dương
Điện thoại: 0320 883 441

Phú Mỹ

Địa chỉ: 132/2 quốc lộ 51, Mỹ Xuân, Huyện
Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: 064 893 225

Phủ Quỳ

Địa chỉ: Số 6 đường số 15, Thị trấn Thái
Hoà, Huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An
038 871 714

Phú Tài

Địa chỉ: Km1230 Quốc Lộ 1A, KCN Phú Tài,
TP Quy Nhơn
Điện thoại: 056 841 067

Phú Thọ

Địa chỉ: 1167 Đường Hùng Vương, Phường
Tiền Cát, TP Việt Trì
Điện thoại: 0210 840 322

Phú Yên

Địa chỉ: 287 Nguyễn Huệ, TP Tuy Hoà, Tỉnh
Phú Yên
Điện thoại: 057 823 352

Phước Yên

Địa chỉ: Đường Hùng Vung, Phường Hùng
Vương, thị xã Phước Yên, Vĩnh Phúc
Điện thoại: 0211 869 040

Quảng Bình

Số 3 Nguyễn Trãi, TP Đồng Hới, Quảng Bình
Điện thoại: 052 821 920

Quảng Nam

Địa chỉ: 4 Phan Bội Châu, Thị xã Tam Kỳ
Điện thoại: 0510 851 281

Quảng Ngãi

Địa chỉ: 56 Đại Lộ Hùng Vương, Thị xã Quảng Ngãi
Điện thoại: 055 822 682

Quảng Ninh

Địa chỉ: 737 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long,
Quảng Ninh
Điện thoại: 033 825 502

Quảng Trị

Địa chỉ: 24 Hùng Vương, Thị xã Đông Hà,
Quảng Trị
Điện thoại: 053 853 741

Sóc Trăng

Địa chỉ: 40 Nguyễn Du, Phường 9, Thị xã Sóc Trăng
Điện thoại: 079 822 398

Sơn La

Địa chỉ: 188 Đường Tô Hiệu, Thị xã Sơn La
Điện thoại: 022 852 494

Sơn Tây

Địa chỉ: 191 Đường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, Hà Tây
Điện thoại: 034 833 364

T.Thiên Huế

Địa chỉ: 35 Đường Bến Nghé, TP Huế,
Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 054 825 068

Tây Ninh

Địa chỉ: 230 Đường 30/4, Thị Xã Tây Ninh
Điện thoại: 066 827 136

Thái Bình

Địa chỉ: Đường Lý Thường Kiệt - Lê Hồng
Phong, TP Thái Bình
Điện thoại: 036 735 551

Thái Nguyên

Địa chỉ: Lương Ngọc Quyến, Hoàng Văn
Thụ, TP Thái Nguyên
Điện thoại: 0280 851 237

Thanh Hoá

Địa chỉ: 7 Đường Phan Chu Trinh, TP.
Thanh Hoá
Điện thoại: 037 851 709

Thuận An

Địa chỉ: KCN Việt Nam Singapore, Huyện
Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0650 758 467

Tiền Giang

Địa chỉ: 208A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1,
TP Mỹ Tho
073 883 005

Trà Vinh

Địa chỉ: 24-26 Phạm Thái Bường, Phường 3, Thị xã
Trà Vinh
Điện thoại: 074 856 289

Từ Sơn

Địa chỉ: 1A Minh Khai, Thị trấn Từ Sơn
Điện thoại: 0241 741 220

Tuyên Quang

Địa chỉ: Bình Thuận, Phường Minh Xuân, TP
Tuyên Quang
Điện thoại: 027 822 796

Uông Bí

Địa chỉ: 430 Quang Trung, Thị xã Uông Bí,
Quảng Ninh
Điện thoại: (03) 8542224/ 663327

Vĩnh Long

Địa chỉ: 50 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thị xã
Vĩnh Long
Điện thoại: 070 823 452

Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Số 8 Đường Kim Ngọc, Phường Ngô
Quyền, Thị xã Vĩnh Yên
Điện thoại: 0211 841 791

Yên Bái

Địa chỉ: Phường Hồng Hà, TP Yên Bái
Điện thoại: 029 862 374

